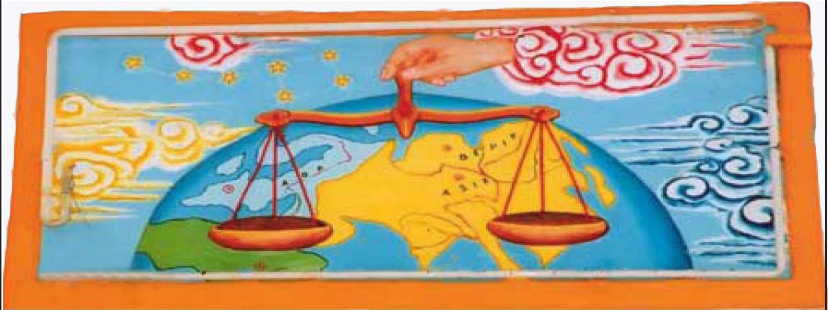


Tạp San Thế Đạo
Quartly Magazine
Issue 51 - February 2012



Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Phone: 408-238-6547 Fax: 408-440-1372
Web: www.banthedao.org

MỤC LỤC

01	Chúc mừng Năm Mới Nhâm Thìn 2012	03
02	Ngày Xuân là ngày phục sinh của Vạn Vật (Đức Hộ Pháp thuyết giảng)	07
03	Huấn Từ của Đức Hộ Pháp sau buổi tiệc đầu Xuân.	09
04	Thư Chúc Xuân của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại	10
05	Năm Thìn kể chuyện Rồng (Gs. Nguyễn Phú Thứ)	12
06	Thơ Mừng Xuân	19
07	Chân dung Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung (HT. Trần Văn Rạng)	23
08	Bài đọc sau Đàn Cúng (HT. Nguyễn Trung Đạo)	43
09	Nghiệp báo Nhân quả (Toàn Không)	60
10	Nón Lá (Nguyễn Quý Đại)	85
11	Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Danh Sách. Đồng đạo, Cơ sở và Thân hữu yểm trợ TSTD.	101
12	Phân ưu- Cảm Tạ	106
13	Tâm Thư Thánh Thất Cao Đài Houston Texas kêu gọi yểm trợ xây cất Thánh Thất.	115
14	Thư kêu gọi yểm trợ xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston Texas của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại & của Ban Thế Đạo Hải Ngoại.	118
15	Tin Tức Đạo sự Tóm Lược	123
16	Tường Thuật sinh hoạt Đạo sự tại các Thánh Thất Dallas-Fort Worth TX, Thánh Thất Seattle WA, Thánh Thất New Orleans LA, và tại bang AL	127
17	Thi phẩm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm trong Kinh Sách Đạo Cao Đài (Lê Tấn Tài Úc Châu)	139
18	Nhìn lại 50 năm lịch sử Đạo Cao Đài. (HT. Nguyễn Long Thành)	153
19	Nguồn gốc cao cả của con người theo giáo lý Đạo Cao Đài (HT. Lê Văn Thềm)	172
20	Tóm Lược Điều kiện gia nhập Ban Thế Đạo Hải Ngoại (Hiền Tài Dự Phong)	188

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI &
Tập San Thế Đạo



CHÚC

MỪNG

NĂM

MỚI

NHÂM THÌN 2012
AN KHANG & THỊNH VƯỢNG



Nhân dịp Xuân Nhâm Thìn 2012 đến , Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo xin cảm ơn:

-Quý Chức Sắc Thiên Phong

-Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chức Sắc Ban Thế Đạo và Hiền Tài Dự Phong.

-Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Lãnh Đạo các Cơ Sở Đạo tại hải ngoại.

-Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Đại Đạo Thanh Niên Hội, Hội Cứu Sinh Đạo Đức Học Đường và Lê Văn Trung.

-Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Hội Tương Tế Cao Đài, Tây Ninh Đồng Hương Hội.

-Quý vị bảo trợ thường xuyên Tập San Thế Đạo:

*Nguyễn Hữu Tường, DDS & Tô Mỹ Huệ, DDS, (T&N Dental Care, Inc, San Jose, CA),

*Trần Minh Khiết, DDS, Sandy Dental P.C, San Jose, CA.

*HH, HTỷ Ngụy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, San Jose, CA

*Quý vị cộng tác viên thường xuyên của Tập San Thế Đạo đặc biệt là HT Lê Văn Thêm, HT Mai Văn Tim, HT Nguyễn Trung Đạo, Tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn , Lê Tấn Tài Úc Châu, Lê Tấn Tài USA

*Quý Đồng Đạo và Thân Hữu.

đã tích cực yểm trợ tinh thần cũng như vật chất và bài vở . . . cho Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo.

Kính chúc quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ, Đồng Đạo và thân hữu :

Một Năm Mới (Nhâm Thìn 2012) An Khang và Hạnh Phúc ”

San Jose, ngày 09-01-2012

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo

Ngày Xuân là ngày phục sinh của Vạn Vật

Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh
đêm mừng 2 tháng giêng năm Mậu Tý (11-2-1948) ¹

Bần Đạo không thể đi cúng mỗi nhà của toàn cả Chức Sắc Thiên Phong và mấy em nam nữ đặng viếng thăm trong ba ngày Xuân nhứt. Một mảnh thân muốn biến hoá ra cả muôn hình xác, nhưng không thể đặng.

Vậy thời Bần Đạo cũng để một đôi lời cho mấy em, mấy con nam nữ, mấy anh mấy chị có mặt đảnh lễ tại đây biết rằng: Buổi nào tinh thần Bần Đạo cũng ở bên cạnh mỗi người cả thầy.

Một điều mà Bần Đạo mơ ước hơn hết là ngày giờ nào thông dong, Bần Đạo được vui thú thanh nhàn, nay đi nhà nầy ở một ngày, một bữa, mai đi nhà kia ở một đôi lát. Ngày nào đến cảnh an nhàn mà Bần Đạo được đạt vọng dưỡng ấy thì tưởng rằng không còn hạnh phúc nào hơn nữa. Bần Đạo tưởng mảnh thân nầy có phương thế đồng sống chung với mấy em trong cảnh gia đình ấm lạnh để cùng hiểu nhau những nỗi tân khổ sâu buồn thì Bần Đạo rất hữu hạnh mà được chia mảy mún cũng đặng, dầu cần hột muối hay ăn hột cơm rơi với mấy em, thì tưởng trọn kiếp sống của Bần Đạo không có cảnh vinh quang phú quý nào trên thế gian nầy đối đặng.

Cả thầy đến thăm Bần Đạo, mà Bần Đạo đi thăm lại không đặng, theo Đạo Pháp cho là thất lễ. Xin cả thầy nên biết cái cảnh ngộ và tha thứ dùm cho.

1-Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý 1948, do Nhóm Tín hữu Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh thực hiện, tái bản năm 1996, trang 3-4.

Xuân là nói tiếng sống, vạn vật ngày Xuân này là sống là ngày phục sinh. Qua mơ ước tâm hồn của cả thầy trong một năm già cõi, trong lúc Xuân đến, cây cối nở lá nở bông, tốt tươi trở lại, tức nhiên là được phục sinh lại thì cả tâm hồn của chúng ta cũng phục sinh như thế.

Mấy em suy gẫm cái thân sanh của chúng ta là đồng sanh với vạn vật, mà vạn vật đã phục sinh thì thân hình của chúng sanh, của chúng ta, của cả thầy nam nữ cũng đồng phục sinh lại. Tâm hồn của chúng ta trong một năm mờ mịt, khổ não, nhọc nhằn, trong cảnh tang thương trần thế, nay Xuân về, mấy em đến nhà **Đại Từ Phụ**, tức là **Suối Vĩnh Sanh** của tâm hồn mấy em.

Qua thành tâm cầu xin **Đại Từ Phụ** ban ơn cho mấy em được phục sinh mới trong **Thánh Chất** của Người. Chắc chắn cả thầy đều được hạnh phúc hiển nhiên, đương thời hay là trong cảnh xương tàn cốt rũ vì đã được hồng ân của Chí Tôn ban cho về già, tức là dưới thế này sẽ được an nhàn cả tâm thần và hình thể.

Mong sao cả thầy được mau phục sinh mới trong **Thánh Chất** của **Chí Tôn** đó vậy.



Huấn Từ của Đức Hộ Pháp sau Bữa Tiệc Đầu Xuân

Tại Hiệp Thiên Đài ngày mừng 3 tháng giêng (12-2-1948).¹

Năm Mới, không có đặt diễn văn chi. Hôm nay Tôi dùng những tiếng thường để nói việc Đời.

Theo thể thường người ta nói: “Thực nơn tài phải cứu nơn tai” (Phàm ăn của người phải giúp cho người). Tuy vận Tôi nghèo nhưng Tôi làm cái tiệc nầy rất đặc biệt, lại nữa Tôi mời quý Ngài cũng đặc biệt, toàn là chư vị yếu nơn cầm quyền Chành Trị Đạo, không ai là ở ngoài. Tôi không nói dối rằng nhà Tôi đơn chiếc vì nhà Tôi là cả Toàn Cầu.

Quý Ngài hưởng lễ rồi, Tôi xin nhờ quý Ngài một việc: Vì Tôi có một Ông Cha Thiêng Liêng là Thiên Phụ. Ông cho tôi cái quyền Bác Ái là thương cả Toàn Cầu, và một Ông Chúa là Thiên Tử. Thiên Phụ Tôi thì giao chèo chiếc thuyền Bát Nhã, Thiên Tử giao đẩy Xa Thợ, từ Nam chí Bắc, từ Đông chí Tây. Anh em rất đông, nhưng người ngồi trên thì nhiều, còn kẻ đẩy, chèo thì ít.

Năm rồi, các Ngài hảo tâm giúp sức cũng chèo, cũng đẩy. Năm nay cũng vậy, xin cũng giúp đẩy, giúp chèo cho đến nơi, đến chốn. Ấy là ơn trọng lắm vậy.

Xin quý Ngài giúp tôi cho trọn Đạo

1--Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý 1948, do Nhóm Tín hữu Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh thực hiện, tái bản năm 1996, trang 5..

THƯ CHÚC XUÂN

Nhâm Thìn - 2012



CƠ QUAN ĐẠI DIỆN

Cao Đài Hải Ngoại

Kính gửi:

**Chư Chức Sắc Thiên Phong, Chư vị Hiền Tài,
Chư Chức Việc, Quý Đồng Đạo và Đồng Hương**

Nhân dịp đầu năm Nhâm Thìn, xin thay mặt Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại, chúng tôi kính cẩn gửi về Việt Nam lời chúc Tết an bình đến chư Chức Sắc Thiên Phong, chư Chức Việc và quý Đồng Đạo. Tại hải ngoại, chúng tôi cũng xin được gói ghém cả cái chân tình của người Đồng Đạo xa quê hương, xa Tổ đình Tòa Thánh Tây Ninh chúc cho nhau một năm mới sức khỏe đầy đủ, tinh thần mãn huệ, trí não quang minh, nghị lực dồi dào để phục vụ nhân sinh và Đạo Pháp.

Chúng tôi cũng xin kính chúc Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tín Hữu các Tôn giáo bạn, quý vị Lãnh đạo các Cộng Đồng Việt Nam, các Đoàn thể, Hiệp hội, các cơ quan Truyền Thông và Báo Chí cùng tất cả người Việt tại Hải ngoại và Quốc nội được hưởng một năm mới an lành và thịnh vượng.

Trong bầu không khí thiêng liêng của những ngày đầu năm, người Việt chúng ta dù sống bất cứ nơi đâu, dù phải xa nhà, xa

quê hương cũng không bao giờ sơ thất trong việc thờ kính Đức Chí Tôn, các Đấng Thiêng Liêng, Cửu Huyền Thất Tổ

Với những lời cầu nguyện tại nhà Thờ, Chùa, Thánh Thất hoặc tại tư gia, chúng tôi mạo muội xin chư Đồng Hương, chư Đồng Đạo liên tưởng đến lời dạy của Đức Chí Tôn: *“Dân tộc Việt Nam đang ở trong vòng vay trả nghiệt oan”* mà cùng nhau hiệp tâm dâng lời cầu khẩn Ôn Trên ban Hồng Ân, xóa bớt tội tình cho dân tộc Việt để đất nước và dân tộc Việt Nam thân yêu của chúng ta sớm được Độc lập, Tự do, Dân chủ và hạnh phúc thực sự; các Tôn giáo được tự do hành trì Đạo Pháp và góp phần xây dựng lại một nền phong hóa đang trên đà sụp đổ.

Chúng ta còn tưởng đến họa Âu, tai Á...mà nhơn loại đang phải gánh chịu để thành tâm dâng lời cầu nguyện an bình cho toàn thế giới.

Riêng người tín đồ Cao Đài, chúng ta cầu nguyện nền Đại Đạo hoằng khai khắp mọi nơi trên hoàn vũ để độ dẫn chúng sanh hưởng thiện, hiệp nhứt Đức Tin vào Đấng Chúa Tể cả Càn Khôn Vũ Trụ; từ đó mọi người sẽ cảm nhận được rằng: *“Tất cả đều là con của Thượng Đế”* và đó là khởi điểm cho nền hòa bình thế giới và lập đời Thánh Đức theo Thánh Ý của Đức Chí Tôn.

Một lần nữa, trước thêm năm mới, chúng tôi thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng chan rưới Hồng ân cho mọi người, mọi nhà và kính chúc tất cả an vui, hạnh phúc.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

TM. Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.

QU. CHỦ TRƯỞNG

(ấn ký)

Hiền Tài Phạm văn Khảm

Năm Thìn kể chuyện Rồng (Nhâm Thìn từ 23-01-2012 đến 09-02-2013)

(Trích dẫn tác phẩm Tử Vi & Địa Lý Thực Hành
của Gs. Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ)

Sau khi năm Tân Mão chấm dứt, thì đến năm Nhâm Thìn được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu giữa đêm chủ nhật, 22-01-2012 để cầm tinh đến 24 giờ đêm 09-02-2013. Năm Nhâm Thìn này thuộc hành Thủy và mạng Trường Lưu Thủy tức Nước chảy dòng lớn, năm này thuộc Dương, có can Nhâm thuộc mạng Thủy và có chi Thìn thuộc mạng Thổ. Căn cứ theo luật thuận hợp hay khắc kỵ của Ngũ Hành, thì năm này “Chi khắc Can” tức Đất khắc Trời. Bởi vì: “Mạng Thổ = Thìn khắc mạng Thủy = Nhâm” (mạng Thổ tức Đất được khắc xuất, mạng Thủy tức Trời bị khắc nhập). Do vậy, năm này mặc dù bị khắc kỵ, nhưng tổng quát nó không bị ảnh hưởng xấu nhiều như năm Trời khắc Đất giống như các năm : Giáp Tuất (1994), Nhâm Ngọ (2002), Mậu Tý 2008 đã qua. Được biết năm Thìn vừa qua là năm Canh Thìn thuộc hành Kim, nhằm ngày thứ bảy, 05-02-2000 đến 23-01-2001.

Căn cứ theo Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông xuất hiện được minh định quảng bá từ năm thứ 61 của đời Hoàng Đế bên Tàu, bắt đầu năm 2637 trước Công Nguyên, cho nên chúng ta lấy $2637 + 2012 = 4649$, rồi đem chia cho 60 thì có kết quả Vận Niên Lục Giáp thứ 77 và số dư 29 năm bắt buộc rơi vào Vận Niên Lục Giáp thứ 78 bắt đầu từ năm 1984 cho đến năm 2043. Do vậy, năm Nhâm Thìn 2012 này là năm thứ 29 của Vận Niên Lục Giáp 78.

Năm nay là con Rồng cầm tinh, là một linh vật đứng đầu trong tứ linh là : Long, Lân, Qui và Phụng (Phượng). Bởi vì, Rồng là linh vật tổ của tộc Việt và Trung Hoa thuộc Á Châu, cho nên lấy hình Rồng thêu lên y phục cho vua chúa và xây cất đền đài lăng tẩm ngày xưa cũng có lộng hình Rồng. Lân là linh

vật có hình dáng giống con Sư Tử, Vua Chúa có nhân đức lắm mới thấy nó. Do vậy, người ta thường bong hình con vật này để múa trong dịp bước sang năm mới, với ý muốn mọi nhà đều được Lâm đến, thì cả năm làm ăn phát đạt. Qui là linh vật cũng như loại Rùa, nhưng nó rất quý hiếm như Rùa Vàng = Kim Qui hay Thần Rùa = Thần Qui. Phụng (Phượng) là linh vật cũng là chúa loại cầm thú, có lông ngũ sắc vô cùng tuyệt đẹp, cho nên có câu : Tiên Sa Phụng (Phượng) Lộn là thế đó! Đây là, con vật thứ tư của Tứ Linh.

Căn cứ theo Dương Âm, thì tứ linh sẽ là : Long (Dương), Lâm (Âm), Qui (Dương) và Phụng (Phượng) (Âm). Bởi vì, trên thế gian này, phải có Trời (Dương) và Đất (Âm) tạo hóa kết thành, cho nên trong Tứ Linh trở thành 2 cặp Dương Âm không thể tránh khỏi, nghĩa là từ Dương tới Âm, rồi hết Âm sang Dương, không khác từ Ngày (Mặt Trời) đến Đêm (Mặt Trăng), và từ đó ngày nay chúng ta thấy đặt tên các bảng tiệm hoặc các đám cưới người ta may cặp gối cũng dùng Long (Dương = Chồng) và Phụng (Phượng) (Âm = Vợ) gắn gọn và không mất ý nghĩa cặp Dương Âm kết thành.

Trong kho tàng Ca dao, Tục ngữ và Thành ngữ trong dân gian Việt Nam, cũng nhắc đến con Rồng, xin trích dẫn như sau :

Rồng nằm bể cạn phơi râu,
Mấy lời anh nói, giấu đầu, hở đuôi.
Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu bực mình.
Rồng giao đầu, Phụng (Phượng) giao đuôi,
Nay tui hỏi thiệt : Minh thương tui không mình?
Rồng chầu ngoài Huế,
Ngựa tể Đồng Nai,
Sông trong chảy lộn sông ngoài,
Thương người xa xứ lạc loài tới đây,
Tới đây, thì ở lại đây,
Bao giờ bén rễ, xanh cây thì về....

(Ca dao)

Rồng đen lấy nước thì nắng,
Rồng trắng lấy nước thì mưa....

(Tục ngữ)

Rồng bay Phụng (Phượng) múa.

Rồng mây gặp hội.

Rồng đến nhà Tôm.

Rồng thiêng uốn khúc.

Rồng ở với Giun.

Vẽ Rồng vẽ Rắn...

(Thành ngữ)

Ngoài ra, Rồng là con linh vật cao quý nhất, cho nên tượng trưng cho vua chúa, bởi có chữ như sau : Long Vương = Vua (Thần) Biển, - Long Bào = Áo Vua, - Long Nhan = Đức Vua, - Long Thuyền = Ghe thuyền để Vua đi, ngự, - Long Sàng = Giường Vua ngủ, ngự, - Long Mạch = Mạch Rồng, chỗ đất thanh vượng, có chôn ai xuống đó, thì con cháu sẽ được giàu sang, - Long Huyệt = Hàm Rồng, - Long Phi = Hoàng hiệu Rồng bay, - Ngân Long Phi = Tiền có hình Rồng bay, - Đền Rồng = Đền Vua, - Ngai Rồng = Ngai Vua ngự, - Bệ Rồng = Bệ Vua ngự, - Rồng Châu = Rồng chực châu Vua Chúa, nên có câu : Rồng châu, Hồ phục - Thuyền Rồng = Thuyền Vua ngự, - Hội Rồng mây = Hội Vua, Tôm gặp gỡ....

Hơn nữa, trong các cây cũng có tên Rồng, xin trích dẫn như sau : Xương Rồng, Lưỡi Rồng, Đậu Rồng...

hoặc là : Cá Rồng Rồng, Cá hóa Long....

hay là Duyên cõi Rồng (để chỉ duyên gái lành, gặp người chồng tốt).

- Giờ Thìn là giờ từ 7 đến 9 giờ sáng.

- Tháng Thìn là tháng ba của năm Âm Lịch.

Trong tiếng Pháp, thường dùng Le Dragon (n.m) = Con Rồng đực.

Năm nay, là năm Nhâm Thìn, có can là Nhâm cũng là năm đặc biệt, rớt đúng vào năm trong dân gian thường nói :” Nam Nhâm

nữ Quý “ để chỉ người phái Nam có tuổi Nhâm và người phái Nữ có tuổi Quý xem như tốt.

Nhưng nếu chúng ta bình tâm mà xét cho kỹ, thì không thể chấp nhận được, bởi vì con người sanh ra có : Giờ, Ngày, Tháng và Năm, với thời gian đó thường kết hợp Can và Chi. Hơn nữa, chúng ta chỉ thấy phái nam có can là Nhâm và phái nữ có can là Quý, mà kết luận như thế thì quá vội vàng. Mặc dù, can Nhâm thuộc dương và can Quý thuộc âm là thuận chiều. Ngoài ra, trong Thập Thiên Can không những chỉ có can Nhâm là dương, mà còn có các can dương nữa là : Giáp, Bính, Mậu, Canh. Do vậy, trong Thập Thiên Can có năm can dương đã dẫn và năm can âm là : Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý. Về hành trong Thập Thiên Can chúng nó cũng đi từng cặp với nhau.

Xin trích dẫn nhắc lại (trang 138 và 1523) bảng kê :

1.- Thập Thiên Can đối với Ngũ Hành

Thiên Can	Hành
Giáp, Ất	Mộc
Bính, Đinh	Hỏa
Mậu, Kỷ	Thổ
Canh, Tân	Kim
Nhâm, Quý	Thủy

Do vậy, cặp can Nhâm, Quý chỉ là một trong năm cặp của Thiên Can mà thôi.

Hơn nữa, mỗi tuổi phải kết hợp Can và Chi, ví như năm Nhâm Thìn là năm được kết hợp can Nhâm và chi Thìn (nên nhớ rằng can dương kết hợp với chi dương và can âm kết hợp với chi âm). Muốn biết năm tuổi nào đó tốt hay xấu, thì chúng ta phải phân tách về ngũ hành xem coi có thuận hợp hay khắc kỵ không? Có như thế mới chánh xác và trung thực của vấn đề.

2.- Thập Nhị Địa đối với Ngũ Hành

Địa Chi	Hành
Thân, Dậu	Kim
Dần, Mão (Mèo)	Mộc
Hợi, Tý	Thủy

Bính Thìn = từ thứ năm 03-02-1916 đến thứ hai 22-01-1917
 Mậu Thìn = từ thứ hai 23-01-1928 đến thứ bảy 09-02-1929
 Canh Thìn = từ thứ năm 08-02-1940 đến chủ nhật 26-01-1941
 Nhâm Thìn = từ chủ nhật 27-01-1952 đến thứ sáu 13-02-1953
 Giáp Thìn = từ thứ năm 13-02-1964 đến thứ hai 01-02-1965
 Bính Thìn = từ thứ bảy 31-01-1976 đến thứ năm 17-02-1977
 Mậu Thìn = từ thứ tư 17-02-1988 đến chủ nhật 05-02-1989
 Canh Thìn = từ thứ bảy 05-02-2000 đến thứ ba 23-01-2001
 Nhâm Thìn = từ thứ hai 23-01-2012 đến thứ bảy 09-02-2013

Dân tộc và đất nước Việt Nam chúng ta đối với Rồng rất mật thiết với nhau, bằng chứng là dân tộc chúng ta giống giống Rồng Tiên, theo truyền thuyết, Cha là Lạc Long Quân (gốc Rồng), kết hôn với Mẹ là bà Âu Cơ (Tiên nữ), rồi sanh bọc trăm trứng, từ đó, chúng ta xem như giống Rồng Tiên. Nếu chúng ta nhìn hình thể đất nước Việt Nam, từ Bắc chí Nam, với hình cong chữ S, không khác con Rồng nằm uốn khúc dọc theo bờ biển và có các địa danh như : Long Đỗ (Rún Rồng), Long Biên, Thăng Long (tên thủ đô Việt tộc vào thế kỷ thứ 6), Vịnh Hạ Long (đây là kỳ quan thế giới được công nhận), Bình Long, Phước Long, Long Thành, Long Khánh, Long Hải (bãi tắm đẹp ở Vũng Tàu), Long Bình, Long An (nếu ai đi trên đường từ Sài Gòn về Miền Tây sẽ qua cầu Bến Lức thuộc Tân An ngày xưa, nằm trong lãnh thổ Long An), Long Hồ (nằm trong lãnh thổ Vĩnh Long), Long Mỹ (nằm trong lãnh thổ Chương Thiện), Thới Long (đây là một xã của Quận Ô Môn, Tỉnh Cần Thơ ngày xưa, tức Hậu Giang ngày nay, nơi đây có trồng nhiều cây trái danh tiếng như là Cam, Bưởi...).

Ngoài ra, ở miền Tây có hai địa danh mang tên Long, trở thành tỉnh lỵ, không những có những cây trái ngon ngọt.... Đó là, Vĩnh Long và Long Xuyên.

Đất nước chúng ta trải dài từ Bắc xuống Nam, bởi con Rồng xuyên Việt. Đó là, sông Cửu Long, bởi vì con sông này phát nguồn từ cao nguyên xứ Tây Tạng, có chiều dài hơn 4000 cây số, chạy qua các nước Trung Hoa, Lào, Cao Miên (Campuchia), nơi đây có một nhánh thông vào biển hồ Tonlé Sap, rồi xuôi về



Nam bằng hai nhánh là Tiền Giang và Hậu Giang thuộc miền Tây Nam Phần Việt Nam, còn gọi là sông Bassac, cuối cùng thoát ra bằng 9 cửa sông, cho nên có tên gọi là Sông Cửu Long (tức 9 con Rồng).

Như chúng ta đã biết, dân tộc Việt Nam là giống Rồng Tiên, cho nên đất nước Việt Nam cũng kết tạo từ miền Bắc với thủ đô Việt tộc Thăng Long, với kỳ quan thế giới Vịnh Hạ Long tức cha là Rồng. Còn mẹ Tiên tức ở địa

danh rất đẹp có đồi núi, có sông biển hùng vĩ và đầy thơ mộng, đó là Hà Tiên thuộc tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang).

Nhân dịp bước sang năm mới Mừng Xuân Nhâm Thìn 2012, xin kính chúc quý bà con đồng hương mọi nhà làm ăn phát đạt như Rồng bay và sức khoẻ thật dồi dào, mọi sự hạnh thông như ý là mừng.

Hàn Lâm NGUYỄN PHÚ THỨ
Mừng Xuân Nhâm Thìn 2012

Thi Văn Bạn Đọc

Mừng Xuân Nhâm Thìn (2012)

Mừng Xuân mới, đón Nhâm Thìn,
Bước Đạo ngày càng vững Đức Tin.
Trau chuốt Thánh Tâm nên Bác Ái;
Bảo tồn Phật tánh gốc Công Bình.
Thánh Tòa không thể gìn Chơn Pháp!
Hải ngoại cố công giữ Luật Hình.
Hiệp nhứt thuận hòa qua cảnh khó;
Có ngày sẽ thấy Đạo quang vinh.



Tố Nguyên cẩn bút

Họa Vận 1

Mai vàng nở rộ đón Xuân Thìn
Nước lũ dâng tràn báo hiệu tin
Thánh chất Rồng thiêng như ẩn hiện
Tinh thần Đại Đạo hưởng an bình
Sự đời điên đảo cơn vay trả
Ánh Đạo huyền linh rõ tội hình
Xuân đến gieo tình, ban mạch sống
Rạng nguồn Thiên Đạo, Thế phồn vinh!

NGỌC NƯƠNG

Họa Vận 2

Mai vàng, đào tía đón Nhâm Thìn,
Khảo đảo thế gian vững đức tin.
Tôn chỉ Đạo Trời : lòng Bác Ái,
Đại đồng thế giới : luật Công Bình.
Thánh Tòa biến thể nền Chơn Pháp,
Hải Ngoại gìn trau Đại Đạo hình.
Hoà hiệp, yêu thương chìa khoá Đạo,
Ngọc Hư tiến nhập mới quang vinh.

HT. Võ Thị Bạch Tuyết.

Họa Vận 3

I

Phước trạch Nữ lưu tuổi Quý Thìn,
Mang bầu nhiệt huyết vững niềm tin.
Không màng vật chất vui kinh kệ,
Chẳng hám công danh mộng thái bình.
Cơ Đạo quay cuồng nghiêng ảo ảnh,
Môn Đồ trụ vững giữ nguyên hình.
Mừng Xuân vọng hướng về Thầy, Mẹ,
Tuyệt đối trung thành nhục hóa vinh.

II

Cùng nhau chúc tụng suốt năm Thìn,
Đệ tử Cao Đài ắt trọn tin.
Nói dẫu chân Cha cơn Đạo loạn,
Ôm tròn gót Mẹ lúc thanh bình.
Trung cùng Hội Thánh gìn Tân Luật,
Hiếu với Chí Tôn giữ thể hình.
Cải đổi Chơn Truyền Nền Đại Đạo,
Theo lời Hộ Pháp khó danh vinh...!?

III

Người ơi! Hỉ hạ đón Nhâm Thìn,
Xuân đến tưng bừng rộn rã tin.
Thánh Thất muôn nơi đua nở rộ,
Nghơn Sanh khắp nẻo mãi an bình.
Thiếu Niên háo hức nhìn duyên dáng,
Bô lão lãng xảng ngắm đẹp hình.
Thời tiết ôn hòa hoa lá trở,
Khung trời tái tạo cảnh phồn vinh.

Kim Minh & Hoàng Hồ

Kính bút

Họa Vận 4

Mão niên nhộn nhịp đến năm Thìn,
Thử thách lọc lừa quyết vững tin.

Đường Thánh nẻo phàm phân thiết giả,
Ngôi Tiên Phẩm Phật mới công bình.
Đệ huynh đoàn kết gìn chơn pháp,
Quý kế rẽ chia nhớ luật hình.
Hằng niệm danh Thầy, Thầy độ dẫn,
Long Hoa đại hội hưởng quang vinh.

Quang Thông

(Mùa Giáng Sinh 2011)

Tu

Hoan vui xướng họa khởi Tâm Tu,
Thức tỉnh chừ ta thoát ngục tù.
Danh lợi hết ràng tâm tự tại,
Thế tình không buộc ý vân du.
Thiện tâm gắng luyện đem nguồn sáng
Tâm trí minh tường để kiếm ngư.¹
Tĩnh lặng vào “không” tìm Ý Đạo,
Chơn Tâm hiển lộ hẳn không lu

Minh Tranh

Trụ

Vui ca xướng họa trụ vào Thiên
Huệ Trí tường minh thoát não phiền
Hư vọng dứt đi dời Đạo Hạnh
Lợi quyền không nghĩ bỏ Tâm viên²
Tĩnh tâm tịnh luyện khơi an tịnh
Mang ý hòa tâm khởi phút tiên
Tĩnh thức chơn Tâm tâm thấy Đạo
Thiên ban phước báu của trăm niên

Vân Dương

*1-Tâm ngư (tìm trâu để học Đạo để cuối cùng còn chừ vô mà
thôi- Tranh họa Đạo Giáo)*

*2- Tâm viên ý mã: Tâm như vượn cuyện cành, Ý như ngựa chạy, ý
nói lên Thân Tâm dao động, mất sự tĩnh lặng của nội tâm.*

Xuân Ly Hương

Xuân đến xứ người tuyết trắng phau,
Còn quê ta ở tận nơi đâu ?
Hiệp Ninh làng cũ thương trào lệ,
Tòa Thánh chùa xưa nhớ ngập sâu.
Hồn nước vấn vương còn khắc khoải
Tình nhà tha thiết vẫn ghi sâu.
Xuân về đất khách - ai hay biết ?
Mòn mỗi riêng ta kiếp dải dàu.

Lưu Quốc Minh
(Holiday-FL)

Hiếu Thảo

Xuân về hiếu hạnh vui lòng mẹ,
Buồn thương tuổi trẻ sống tha hương
Đất tổ quê cha xa diệu vợi,
Tu hành giác ngộ... vượt trùng dương
Tín ngưỡng Cao Đài nền Đại Đạo,
Nặng tình non nước nợ quê hương
Mẹ cũng mong tu đời một kiếp,
Đặc ân Đại Xá giữ Đạo thường.
Tộc Đạo địa phương huynh tử đệ,
Thánh Thất Cao Đài dâng lễ hương
Chức việc anh em Bàn Trị Sự
Muội cùng huynh phụ giúp lễ đường.
Cúng kiếng cơm chay ấy lễ thường,
Đồng môn Đạo hữu thắm chao tương
Tu chơn dưỡng tánh lâu kinh kệ,
Là ấm lòng mẹ Việt Nam thương...

Mai Xuân Thanh
(29 - 12 - 2011)

CHÂN DUNG QUYỀN GIÁO TÔNG LÊ VĂN TRUNG



(Tiếp theo TSTD số 50)

5. Đời Thánh tượng và xây cất Toà Thánh .

Theo lệnh Ôn Trên từ mồng 1 -10 - Bính Dần (12-11-1926), chư chức sắc ngưng mọi việc phổ độ Lục Tỉnh trở về Tây Ninh lo sắp đặt lễ Khai Minh Đại Đạo, khánh thành Thánh Thất Từ Lâm tại Gò Kén mà giáo dân gọi là Gò Hồng Đào vì trái kén giống trái hồng đào. Đây là ngày lễ trọng đại nhưt, chư chức sắc mặc Thiên phục mới lần đầu tiên nên còn gọi là Lễ Tấn phong nữa. Ngày 14-10 là ngày chọn rộn tấp nập nhất. Ngài Thượng Đâu Sư hướng dẫn phái đoàn từ Sài gòn về dự lễ. Phái đoàn Hoa kiều do Thượng Tông Thanh, phái đoàn người Miên, phái đoàn người Tà Mun (Stiêng), chư đạo hữu Lục Tỉnh lớp đi xe hơi, lớp đi thuyền ghe chen chúc về dự lễ. Nhà khách Đông

Lang, Tây Lang chật ních người. Ban tổ chức phải cất thêm nhiều lều, trại từ trong ra tới lộ 22.

Đêm 14 rạng rằm tháng mười (18-11-1926) là lễ chính thức khai đạo. Ngài Lê Văn Trung thay mặt toàn đạo mời quan chức Pháp Việt vào dự lễ. Kể chung bốn đạo trên vạn người.

Bỗng một chuyển biến xảy ra, khi cơ bắt đầu tấn phong chức sắc Cửu Trùng Đài thì quỷ nhập vào Lê Thế Vĩnh (lúc này chưa thọ phong Tiếp Thế) tự xưng là Tề Thiên Đại Thánh và cô Vương Thanh Chi (con ông Vương Quan Kỳ) tự xưng là Quan Thế Âm. Hai cốt nam nữ đó nhảy múa lung tung trong đàn làm nhiều người bất bình. Khách quan nhốn nháo bỏ ra về.

Đại úy Paul Monet nói với Ngài Lê Văn Trung rằng :

“ Công việc các ông làm rất phải. Các ông chẳng nên vì cuộc biến động như vậy mà ngã lòng thối chí. Tôi cho là thường tình. Bên Tây phương mấy đàn quỷ Tiên cũng thường xảy ra những điều rối rắm như vậy. Tôi khuyên các ông từ nay sắp lên hề có cầu cơ thì chớ nên đông đảo, cần phải thanh tịnh. Hễ đông người thì một là mất thanh tịnh, hai là tư tưởng bất đồng không tương ứng nhau được thì không linh nghiệm”¹.

Sau khi quan khách và người hiếu kỳ ra về , Ngài Lê Văn Trung muốn hỏi các Đấng về việc tà quái. Hai Ngài Cư, Tắc ngồi cơ. Thấy ngọc cơ lên điển, Paul Monet làm phép cất điển theo lối Thông Linh học phương Tây, nhưng cơ vẫn lên như thường (tức thực điển). Đức Chí Tôn giảng dạy :

“ Các con chớ nên phiền hà. Chuyện nơi Thánh Thất vừa xảy ra ấy cũng là một bước trắc trở trong đường đạo của Thầy. Thầy còn đau lòng thay, nhưng cũng là Thiên cơ vậy. Thầy hằng biết công của các con, nhưng Thầy phải cực lòng chiều ý của mỗi đứa mà xây đắp nền đạo. Vì vậy mà nhiều sự xảy ra đều do nơi tâm trí của nhiều đứa. Sự xảy ra nơi Thánh Thất, tuy làm mối đạo chậm trễ nhưng cũng do nơi lòng tà vạy của nhiều đứa mà ra. Vì tâm trung chánh làm cốt cho Tiên Thánh, còn tâm tà vạy

1-Nguyễn Trung Hậu, *Đại Đạo Căn Nguyên*, Sài gòn 1930, trg 27.

là chỗ của quỷ ma xâm nhập”¹.

Đức Chí Tôn cũng dạy đại úy Paul Monet như vậy :

“ Monet ! Con lại đây. Chắc con tưởng rằng Thượng Đế không thể làm được những gì Thượng Đế muốn ư ? Monet, con đã được Ta chỉ định làm một việc tế nhị mà nhân đạo. Mối cảm tình của con đã làm vững dạ một giống người có văn minh đang suy tàn. Con đã giúp cho họ một bài học luân lý thiết thực. Con hãy đọc hết những Thánh giáo để biết tôn chỉ của Đạo Cao Đài là một tôn chỉ ĐẠI ĐỒNG. Nếu nhân loại thực hiện được điều đó thì hoà bình chắc đến cho tất cả mọi chủng tộc. Con có bổn phận là cho nước Pháp biết rằng nước Việt Nam xứng đáng với trọng trách xây dựng hoà bình”².

Do việc tà quái, các phật tử xúi Hoà Thượng Như Nhân đòi chùa lại. Hội Thánh hẹn ba tháng sau sẽ trả chùa để cơ bút xây dựng cơ chế Tân Luật Pháp Chánh Truyền. Hội Thánh Cửu Trùng Đài, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài cho xong.

Nhờ tà quái mà Ông Trên chỉ cho Ngài Lê Văn Trung thấy trước hai vấn đề lớn: Sự tham vọng phẩm tước và việc xây Toà Thánh to lớn đủ sức cho ngoại quốc nhìn vào. Xây cất Toà Thánh là việc trọng đại, cái khó đó có thể vượt qua và có thể hoàn thành. Còn sự tranh giành tham vọng phẩm tước của nhiều người như Đức Chí Tôn đã tiên khải thì khó lường hết được. Vì mấy ai “ lấy thước mà đo lòng người”? Đó là nỗi đau đeo đẳng suốt đời hành đạo của Ngài Lê Văn Trung. “Càng cao càng cả gió lay”, Ngài phải chấp nhận để trọn lời dạy của Đức Chí Tôn “ Đạo Người (nhân đạo) vẹn vẽ mới thành Tiên”.

Dù vậy, ngày 19-1-Đinh Mão (19-2-1927), Đức Lý Thái Bạch giảng cơ dặn dò khuyến nhủ :

“ Cười ! Thượng Trung Nhật, ngày nay rán gắng nghe Lão dạy chẳng vì Thánh Thất. Như Nhân phản ngôn mà trề phổ thông Thánh giáo. Cười ! Đã hiểu đời còn mê muội, chẳng phân định chơn giả, thẩm thay !

1-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 33).

2-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, trang 34 .

Chí Tôn đau đớn bấy nhiêu, Lão càng giận bấy nhiêu. Biết bao phen Lão cầm viết toan bôi xoá cho rồi phái oan nghiệt mà Chí Tôn xin Lão để cho Người gia công độ rồi. Ngày nay Lão nhất định chùa này trả lại. Chư đạo hữu phải hiệp sức nhau dựng lập thành Toà Thánh, chi chi cũng ở tại Tây Ninh mà thôi, vì là Thánh Địa. Vả lại phong thổ thuận cho nhiều nước ngoài quốc đến đây học Đạo.

Thượng Trung Nhựt! Phải làm thế nào chừa đất dư ra ít nữa là 50 mẫu là trọn bản đồ Bạch Ngọc Kinh và cho đủ Thánh Địa. Hiền hữu đi chọn đất về cho Lão hay, cầu khẩn Chí Tôn nghe!”

Ngày 21-1-Đinh Mão (21-2-1927), đàn tại Gò Kén, Đức Lý lại dạy rằng:

“Thượng Trung Nhựt, Thái Thơ Thanh,

Cười ! Nhị vị Hiền hữu muốn cho Đạo phải mang tiếng rằng trốn lánh hay sao mà tính dời Toà Thánh xa dữ vậy?

Trung bạch : có hai làng cúng đất.

Mua thìặng khó gì ? Một nơi chí Thánh trước mắt mà chư hiền hữu chẳng biết xem, ấy còn hai phần phạm.

Thái Thơ Thanh ! Lão cậy hiền hữu một phen nữa. Mai này đi lên đường trên (Haute route, tức đường trước cửa Hoà Viện ngày nay) gọi là đường dây thép (có giăng dây điện thoại tới đôn cao su Cầu Khởi), nhắm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ coi hiền hữu thấy đặng chặng cho biết. Lão đã nói rằng : mỗi sự chi chi đều bày ra trước mắt như sanh hết. Chư hiền hữu đừng sợ ai hết, hễ sợ thì chối quyền thiêng liêng của Chí Tôn, và vì Đạo, nghe à !

Trung, Thơ bạch : Không có lòng nhác sợ”²

Hai hôm sau, Đức Lý giảng đàn dạy :

“ Lão khen Thái Thơ Thanh, tưởng chư hiền hữu không thấy nữa. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh Địa (tức đất xây cất Toà Thánh hiện nay) : sâu hơn 300 thước như con sông giữa trung tim đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn làm như 6 con rồng

1-Hương Hiếu, *Đạo Sử, quyển II*, trang 222.

2-Hương Hiếu, *sách đã dẫn*, trang 224.

tranh châu. Nguồn nước ấy trúng ngay đỉnh núi gọi là Lục Long Phò Ấn. Ngay miếng đất đó đặng ba đầu ; một đầu ra Giếng mạch Ao Hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia”

Về Lục Long phò ấn , ta thấy như sau : Viễn cảnh Toà Thánh, về phía Đông địa lý (cung Chấn) gối lên giồng Sân Cu (Đất lành chim đậu), mặt trước phía Tây (cung Đoài) trông ra rạch Tây Ninh. Phía tả (Nam) thanh long nước sông Cẩm Giang - Bến Kéo chảy cuộn quanh. Phía hữu (Bắc) bạch hổ núi Điện Bà ôm vòng lại như cánh cung. Đó là điểm kết long mạch sách gọi là hàm rồng. Phong thủy âm dương hội đủ.

Cận cảnh, hồ Động Đình (bàu Cà Na) nước chảy không ngừng nghỉ (pháp luân chuyển) vào rạch Ao Hồ. Hướng Tây Nam (Càn). Trái phải rừng Thiên Nhiên xanh biếc hài hoà cảnh trí. Phía bắc (cung Ly) suối Lâm Vô. Phía Đông Bắc (cung Tốn) Suối Đá. Phía Đông (Chấn) Suối cái chảy về Nam (Khảm) qua Đoạn Trần Kiều, Suối con lượn ra Giải Khổ Kiều ; bốn suối hợp sức tưới mát và bao quanh vùng Thánh Địa, kết tụ Lục Long phò ấn.

Biểu hiện Tay Long (dương), Tay Hổ (âm) không đối lập nhau mà còn hoà hợp lồng vào nhau nhiều lần, viễn cảnh như cận cảnh. Bên trái (Thanh Long), bên phải (Bạch Hổ) thế sông núi châu đầu vào nhau như hình móng ngựa (đại Kiết), địa thế Lục Long phò Toà Thánh đó, không đâu tốt đẹp bằng (Xem “ Ngôi thờ Đức Chí Tôn” cùng người viết) .

Ngày 27-1-Đinh Mão (28-2-1927), Đức Lý dạy về việc cất Toà Thánh tạm như sau :

“ Thánh Thất tạm phải cất ngay miếng đất trống. Còn Hiệp Thiên Đài tạm phải cất trước Thánh Thất tạm. Đạo hữu phải khai phá đám rừng trước miếng đất ấy. Ngay trung tim rừng cách miếng đất trống chừng ba thước rưỡi, đóng một cây cọc đo Hiệp Thiên Đài như vậy : Ngoài bàu Cà Na đo chừng 30 thước đóng một cây cọc. Ấy là khuôn viên Toà Thánh. Lão lại dặn từ cây cọc bên phía miếng đất đo vô Bàu Cà Na 27 thước, nghe à ! Tư vuông 27 thước, mỗi góc của Bát quái Đài nghĩa là nhà hình

tròn có 8 nóc, cao từ đất lên 9 thước, làm 9 góc, rộng bao nhiêu tùy ý. Trên điện Bát quái Đài bề cao 9 thước, hình nóc tròn nhô lên chỉ tám nóc cho phân minh. Kế nữa là Chánh điện bề dài 81 mét, bề ngang 27 mét. Kế nữa Hiệp Thiên Đài dài tư vuông 27 mét hai tầng, mỗi tầng 9 mét. Hai bên Hiệp Thiên Đài bên mặt có Lô Âm Cổ Đài, bên tả có Bạch Ngọc Chung Đài”¹

Sau đó, Đức Lý giảng cơ thu nhỏ họa đồ lại như sau :

“Cười ! Họa đồ của Lão. Chí Tôn chê và trách, hao phí vô nền nặng lắm. Chí Tôn sửa lại mỗi cấp 3 tấc tây mà thôi, dưới đất 5 tấc, chín cấp 3 tấc là 2,70 mét, cộng là 3,20 mét. Còn lại 10 mét chỉ đầu nền Bát quái Đài, trên đầu song chí nóc 13 mét mới khỏi bị mưa nước đọng. Nóc của Đại Điện và Hiệp Thiên Đài cũng y mực như vậy, phải làm plafond hai đài chuông trống cao hơn nóc Hiệp Thiên Đài dài 6 thước”.²Vì Ngài Thượng Trung Nhựt lo việc phổ độ Lục Tỉnh nên việc cất Toà Thánh tạm giao lại cho Ngài Thái Nương (Thái Đầu Sư thay Thái Minh Tinh ở lại Gò Kén) .

Đức Chí Tôn dạy như sau :

“Trung, Thái Bạch hầu Thầy để lời khen con. Thầy mừng lắm. Con nghe Thầy dặn :

Về Vĩnh Nguyên Tự, con nhứt định gọi Thụ (Thái Lão Sư Trần Văn Thụ, thợ phong Ngọc Chưởng Pháp) về Toà Thánh.

Hai em con Cư, Tắc từ đây ở bên con đặng đi phổ độ. Ba con ra Tương (Xuyên Mộc) trong tuần tới này đặng Thầy giảng cơ dạy nó, kéo nó lo lắng tội nghiệp. Về phần con lại phải đi Ô Môn tại chùa Vạn Đức, cầu Thái Bạch đặng nghe nó dạy về phổ độ chúng sanh.

Nương, từ đây con phải sắp đặt đặng giữ cho an thuận Toà Thánh. Thái Bạch nói với Thầy rằng: Nó giao Toà Thánh cho con, đặng Trung, Cư, Tắc đi phổ độ”.

Nhưng Ngài Thái Nương ở Toà Thánh không bao lâu trở về quê, nên việc xây cất Toà Thánh tạm, Đức Cao Thượng Phẩm

1-Hương Hiếu , *Đạo Sử, quyển II, Tây Ninh 1967, trang 256.*

2-Hương Hiếu , *sách đã dẫn , trang 230.*

phải đảm trách.

“ Buổi sơ khai Đạo còn nghèo, nên Đức Cao Thượng Phẩm dắt người Miên đi phá rừng cho trồng đặng lấy cây đem về tạo tác Toà Thánh tạm. Đức Cao Thượng Phẩm cầm cây thước, hễ cây nào hạ xuống đáng làm cột cái thì đo làm cột cái, cây nào đáng làm cột hàng nhì, hàng ba v.v... ”

Đòn tay thì vô rừng đốn tre, mè rui cũng chẻ tre ra làm và bứt dây cỏ rùa đem về làm lạt cột, lợp tranh.

Lúc bấy giờ ai hỏ tâm cúng hiến vật chi đều treo lên cho họ vui lòng, như màn, chấn, và hai cái đồng hồ bằng giấy treo hai bên cây cột, chứ không phải Đạo làm như vậy”¹ Ngài Lê Văn Trung kể lại chuyện khó khăn buổi đầu phải mượn chùa khai đạo rồi phải dời Thánh Tượng như sau :

“Trời hằng thương con đại biết bao, mới vận trù thiết lập thế độ nhà Thiên, mượn cảnh chùa Gò Kén cheo leo, lập Pháp Chánh Truyền mà khai đạo vào ngày 14 tháng 10 năm Bính Dần. Sang năm Đinh Mão vào hạ tuần Thượng Nguyên đất bằng sóng dậy. Trời dương thanh bạch, khiến ngút toả mây giăng vì có đơn kiện vào nơi chính phủ. Bốn muôn dư đồ đệ của Đấng Chí Tôn lòng dạ tí tê, giọt lụy tuôn dầm.

Đêm 13 tháng 2 năm Đinh Mão (1927), quả Càn Khôn, cốt Phật Tổ, Tòa Bát Quái, Tượng Ngũ Chi phải dời đi hết. Đức Lý Giáo Tông truyền dạy mua đất Long Thành, cất chòi tranh. Trời vẫn vũ tở cuộc bi ai, thương bầy con đỏ, đất rung rinh đường đưa cốt Phật qua chùa mới. Từ Gò Kén qua tới đây, đạo hữu nam nữ lao nhao, lổ nhổ, chen chất đường sá suốt đêm. Qua tảo thìn, chư Phật được yên nơi, đều ở ngoài rừng trồng, dãi nắng dầm mưa. Kế đó người phá rừng phá gốc bứng chồi, kẻ dỡ gỗ, đánh tranh, tạm làm một lều tranh che cốt Phật.

“ Mái tranh thưa thớt, bóng trăng rằm dội thấu lòng son, vách tre xịch xạc, ngọn gió thổi lồng tạt sương trắng”. Ấy là cảnh chùa, nguồn gốc Đại Đạo hồi năm Đinh Mão. Kể chi xiết việc đặng cay ngán đường đón ngõ...

1-HƯƠNG HIẾU, *Sự tích xây bàn, Tây Ninh 1969, trang 22.*

Ồi, thương bấy chí hào kiệt chẳng núng, ngày nay chùa mặt anh hùng nước mắt nhỏ sa. Nhưng Thượng Đế lắm phen độ chúng sanh qua khỏi tai nạn. Cảnh chùa rách Phật vàng hiện rõ. Tuy tạo cảnh chùa tranh mà trong đạo rất thanh hành, thảy thảy đều trọn câu phổ độ. Tôi nhớ lễ Trung Nguyên năm Đinh Mão, người đến dự muôn”.¹

Sau khi đăng điện Quyền Giáo Tông, vào tháng 10 năm Quý Dậu (1933), Đức Thượng Trung Nhật mới khởi công tạo tác Toà Thánh bằng vật liệu nặng. Ngài cho công quả đào hầm đỡ nền móng theo kích thước : dài 145 mét, rộng 40 mét. được một thời gian rồi ngưng. Sau đó Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh mượn kỹ sư Phan Hiếu Kinh tiếp tục. Nhưng do Nguyễn Phan Long và Đầu Sư Ngọc Trang Thanh họp hội Vạn Linh kích bác, chê bai vu cáo điều này, lẽ nọ nên việc xây cất lại đình, chờ Đức Hộ Pháp về sau tiếp tục và cơ bản hoàn thành năm 1941, trang trí và tô điểm, khánh thành vào năm 1955.

Tóm lại, trong hai năm 1926-1927, nền đạo dưới sự điều dắt của Ông Trên, nhất là Đức Lý Giáo Tông nền Đạo đã có đầy đủ các cơ chế Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Hội Thánh Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, các chức sắc cao cấp lương đài, từ Thời Quân và Đầu Sư trở lên không thiếu vị nào. Nền Đạo tuy gặp khó khăn phải cất chùa mới, nhưng mọi người đồng tâm hiệp lực, mọi trở ngại xây dựng và phổ độ đều trôi qua một cách tốt đẹp.

CHƯƠNG III **BỐ CÁO CÙNG CHƯ ĐẠO HỮU** **(1928 -- 1929)**

- 1-Tình đồng đạo
- 2-Đức Chí Thành
- 3-Mở mang dân trí
- 4-Bố cáo cùng chư đạo hữu

1-Tiểu Sử Đức Quyền Giáo Tông, Tây Ninh 1973, trang 47.

1. Tình đồng đạo

Ngài Thượng Trung Nhựt, như trình bày ở chương I, tính tình khảng khái, thẳng thắn và cương quyết. Đức tính đó đôi khi làm cho một số người hiểu lầm ra thành quyền thế. Những đức tính đó chỉ biểu hiện trong công việc, trong đạo sự. Muốn việc thành công phải đôn đốc quyết đoán. Thật ra, nội tâm Ngài đối với huynh đệ, với đồng đạo rất chân thành, nhiều khi rơi nước mắt. Không người bạn nào khi qua đời mà Ngài không đến cầu nguyện dù xa xôi ở Rạch Giá như Lâm Quang Bính (Phối Sư Thái Bính Thanh). Khi viếng tang cố Bảo Đạo Ca Minh Chương, Ngài trịnh trọng một cách tha thiết:

“Từ ngày Đạo khai, lần này là lần thứ ba tôi dự việc tống chung của ba vị Đại Đức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Năm Dân (1926), ông Thượng Tương Thanh (tức Nguyễn Văn Tương) Thượng Chương Pháp ly trần, ngày mùng 5 tháng 11 mãn phục. Năm nay (1927) tháng ba Đức Nho Tông Chương Pháp Trần Đạo Nhơn (tức Trần Văn Thụ) liêu Đạo.

Ấy là hai vị Đại Đức bên Cửu Trùng Đài. Ngày nay, Ông Ca Minh Chương thọ thiên ân Bảo Đạo Hiệp Thiên Đài qui vị. Tôi rơi lụy mà tỏ lòng bi ai mộ phần. Con người thân phàm xác thịt ai tránh khỏi sự yêu thương. Người đồng đạo tất con một cha, tâm hoà ý hợp, chia vui sẻ nhọc, ngoảnh lại mấy năm rồi xem cảnh hôm nay. Người qui Tiên nương bóng Đức Cao Đài, kẻ còn lao nhao nơi bể khổ sống mê. Ôi ! Cuộc phân ly như thế, không ngăn được giọt lệ sầu bi.

Anh Bảo Đạo ơi ! Nhớ mấy lúc cùng nhau hội hiệp khi thi phú, lúc bàn cơ nơi Toà Thánh. Nhớ đến tiếng cười, thương vì nghĩa, rồi đây phải ở đồng trống sương gieo....Mấy năm dư, anh đã mượn nâu sông lánh tục. Nay hôn lìa khỏi xác, vệt ngút mây xanh trông vào Cực Lạc an nhàn, non chiều hạc gáy, nghĩ đến đó lấp đặng mạch sầu.

Tôi xin nhắc công lao của Bảo Đạo. Nguyên anh người ấp Thanh Đa, làng Mỹ Lộc Tây, tổng Phước Điền Trung, huyện Phước Lộc (Cần Giuộc). Hồi thiếu niên anh gặp nhiều nho gia

hiền triết như Ông Đồ Chiểu. Ông Ca Minh Chương hữu duyên hữu phần, nên lúc Trời khai Tam Long Hoa hội, người nhập môn cầu đạo liền. Hạ tuần tháng hai năm đó, ba anh em tôi (Trung, Cự, Tắc) thọ thánh chỉ xuống Vĩnh Nguyên Tự, ông Ca Minh Chương cũng theo xuống đó. Một bữa Đại Từ Phụ khai khiếu cho Bảo Đạo. Anh em tôi ngỡ ngáo không hiểu chi hết. Tưởng là đạo hữu Chương niên cao kỹ trưởng, mắt mờ nên Đại Từ Phụ khai khiếu cho sáng láng, hầu khi Đại Từ Phụ giảng cơ viết Hán tự, đạo hữu coi đọc cho dễ.

Thật ra, Đấng Chí Tôn khai khiếu cho anh Chương để cho người phò loan đặng đi phổ độ cùng với đạo hữu Tươi (Hiến Đạo Phạm Văn Tươi).

Ông Bảo Đạo lúc gần qui vị, linh quang anh thiết tinh tẩn. Mấy lời châu ngọc anh than cùng tôi thiết ruột dường như dao cắt. Nay anh về tiên cảnh, xin chung lo giúp Đạo đặng tâm hoà như một. Xin anh chứng lòng thảo của mấy em”.¹

Đối với Đức Cao Thượng Phẩm, Ngài một dạ tôn kính gọi Cao Thượng Phẩm bằng “ Đức”. Ngài nói :

“ Ngày mồng một tháng này (tức 1-3-Quý Tỵ) vì phận sự tôi phải đi Nha Môn rồi Vũng Liêm. Lúc thượng lộ lòng tôi buồn bực không kể xiết. Tôi thầm hỏi : “ Mình đi lo việc Đạo, cơ sao không đặng vui như mọi lần khác ?”.

Tối Thánh Thất Vũng Liêm có hiền hữu Thái Thơ Thanh, Thượng Giảng Thanh hành lễ xong, có người nói : “ Thượng Phẩm décédé” (chết).

Người dẫu gan sắt, dạ đồng nghe tin này cũng bắt động tình thương xót. Hướng chi tôi cùng Đức Cao Thượng Phẩm mấy năm dư cùng nhau keo sơn gắn chặt, thọ Thánh chỉ của Đấng Chí Tôn đi phổ thông Đại Đạo.

Nay người ly trần cõi hạc về quê, kẻ nhơn thế còn lo độ chúng. Nay Đấng hiền lương đạo đức, chừng Trời kêu đến, phải mau hồi cựa vị.

Ấy rõ là quyền Chí Tôn rất lớn vô cực, vô đại mà thương hại

1-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ .

cho những người vô đạo đức, không suy xét lời Thánh Hiền :
“ Vạn ban đô thi mạng, vạn điểm bất do nhân”.

Ấy chỉ rõ Thiên cơ.

Thời kỳ này Thầy lập Đạo vô vi.

Thượng Phẩm là Đạo (tức vô vi) phải trở lại thiên liêng chi vị
đặng đem chơn hồn vào cửu Thiên”.

Còn với kẻ dưới, Ngài cũng hết sức thương mến. Khi nghe
báo tin Phối Sư Thái Bính Thanh mất ở Rạch Giá, không quản
đường xa, Ngài đi liền và đọc diếu tang.

“ Tưởng câu nhứt đán mà ngậm ngùi, nghĩ chữ vô thường càng
bát ngát. Những tưởng trăm năm tuổi hạc, truyền như luân trái
khấp non sông. Nào hay đâu một phút bóng câu đem hồn phách
gởi theo mây gió; dù biết người tu hành coi qui liễu hăng như
Đạo mở, nhưng tình Đạo hữu biệt ly lòng đường muối xát.

Nhớ linh xưa !

Ý tứ từ hoà, tánh tình liên lạc. Nghĩa lân cận không kêu không
hạnh. Gặp kẻ nghèo chẳng nở làm ngơ. Tình anh em cư xử
chẳng dễ chẳng khinh.

Lúc Khai Đạo, Thầy dạy anh làm quả Càn Khôn. Nhớ anh : nào
ra công nào tổn của hiệp cùng đạo hữu mới hoàn thành. Thầy
bảo lập Tân Luật. Anh sắp ghé, sắp bàn hội với Thiên phong
kết dọn tổ đình. Thầy chỉ anh đo thước tác dựng hình Phật Tổ.
Ô qua, thốt lại. Cuộc hằng đổi xây. Vật đổi sao dời, vắn cầu
bóng cây thường tan tác. Vậy thì đồng đạo chẳng chi làm trọng,
nguyện cho linh hồn anh tảo đắc siêu thăng, cầu cho được sớm
tiêu diêu nơi cõi thọ”.

Tóm một lời, lòng nhân ái đối với người với đồng đạo của Ngài
Thượng Trung Nhựt hết sức đậm đà sâu sắc. Ai chỉ thấy tính
khẳng khái, lòng cương trực của Ngài là chưa hiểu hết về Ngài
vậy.

2. Đức chí thành

Ngài gặp quá nhiều khó khăn trên bước đường hành đạo. Kẻ
lãnh phẩm tước thì đông mà người hành đạo không có, lại dựa
vào chức vị mà trích điểm, kẻ vạch điều này điều nọ làm cho

hiều chức sắc không trụ vững đức tin, thối thân lui bước. Lẽ đó, Ngài đưa ra tiêu đề: “ Vì Đức Chí Thành” để giảng đạo :

“ Đức Chí Thành là tánh chất thành thật chơn chánh mà mọi người cần phải có để đối đãi nhau cho ngay thẳng thật thà trong đường đời hay đường Đạo. Đức Chí Thành là gốc năm thường là nguồn trăm nết. Có chí thành thì đạo hạnh con người mới rõ ràng sáng tỏ, không chí thành thì đạo hạnh bị tà che khuất tối tăm. Cho nên con người mà không ung đức khối chí thành làm gốc rễ thì trông chi đến việc trau dồi đức hạnh.

Đức Chí Thành như một khối vàng ròng nó mà chế tạo ra lắm đồ trang sức cao giá, chỉ khối vàng ấy mà pha trộn mất nguyên chất, bảo sao những đồ trang sức làm ra không xấu hèn thấp giá.

Người xưa tuy quê, song giữặng hai chữ Chí Thành. Đối với nhau chẳng hề dối giả, gạt gẫm làm gì. Một tiếng ừ với nhau cầm đáng ngàn vàng. Một lời hứa với nhau lòng khư khư giữ chặt.

Người nay tuy gọi văn minh tấn bộ, song cái ánh sáng văn minh choá ra làm cho con người bị quáng đèn mà không rõ cái chơn tướng của đức chí thành. Bởi không chí thành nên đời mới có người này xảo trá, kẻ kia gian tham, sanh lòng nghi lẫn nhau. Đến nỗi, việc nhỏ mọn nhiều kẻ chung lo cũng hoá ra hư hỏng theo đường đời, còn đường đạo là chỗ cần phải treo tấm gương thanh bạch hầu để thiên hạ soi chung.

Người hành đạo cần phải có đức chí thành mới dặng quang minh chính đại rồi dặng lòng tín nhiệm của nhơn sanh. Khi tụng kinh cầu nguyện khẩn vái với Trời Phật, nếu chí thành mới có cảm, có ứng, có nghiệm. Cho nên có câu : “ Hữu thành tất hữu thần” là vậy.

Người làm đạo mà chí thành chẳng để ý việc làm công quả mà cầu danh, tự đắc tự kiêu, chuyên quyền gây ra lắm điều trái Đạo. Ai nói cũng không nghe. Ai khuyên cũng không nạp. Ai trách cũng không nghe.

Người làm đạo mà chí thành thì chỉ lo cho chúng sanh chớ

không kể thân mình, đem cả hình hài trí thức làm vật hy sinh cho tôn chỉ Đạo. Nói tắt, làm đạo mà còn chú ý về lợi và danh thì chưa có chí thành vậy.

Người theo Đạo mà không chí thành, bất quá theo cầu vui, “bất chước” hoặc là tu “cầu vui” theo ông nọ bà kia để dễ thân cận mà chác mua ý lại nơi người vậy thôi.

Người theo Đạo mà không chí thành, bất quá là mượn danh Đạo để dụ đồng tiền, hoặc lợi dụng đức tin của hàng tín đồ thấp thỏi để mưu điều trái đạo.

Tóm lại, đức chí thành là gốc của nền Đạo. Cho nên trong bài Kinh Niệm Hương mở đầu có câu : “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp”.¹

Trong bài giảng đạo tại nhà ông Cả Hồ Văn Nhơn ở Bến Tre (7-10-1928) đoạn kết giải về chữ tu như sau:

“Tu nghĩa là trau dồi tánh hạnh. Tu không phải từ mới tới chiều gõ mõ mới gọi rằng tu.

Tu có nhiều bậc : bậc Thượng thừa phải ép mình hành xác, phải nâu sồng khổ hạnh, lo làm âm chất, lo công quả cho Trời Phật, chừng công mãn tìm chỗ u nhàn mà luyện đạo. Nếu trong thế gian mọi người đều phế công việc mà tìm chỗ u nhàn như vậy thì thế sự này phải ảm lạnh. Ai làm lo như đạo ?

Người hành đạo mà bỏ đạo, không lo như đạo cho hoàn toàn thì hành đạo vô ích.

Ấy vậy, trước hết phải biết Đạo là biết có Trời, Phật, Tiên, Thánh, phải biết có luân hồi chuyển kiếp. Ở thế phải tùng theo luật thế. Đối với quan viên chức phải biết bốn phận người dân.

Con cái thì phải biết công sanh thành dưỡng dục là ơn trọng phải giữ hiếu để bồi đáp ơn sâu. Anh em như cốt nhục giữ chữ thuận hoà. Vợ chồng nghĩa nặng đối nhau như cân thăng bằng. Người nào giữ như đạo hoàn toàn thì lo gì không gần Thiên Đạo”.²

1-Hương Hiếu, sách đã dẫn, trang 262.

2-Ban Đạo Sử, Tài liệu lưu trữ.

Có người căn cứ vào bài thuyết đạo tại Bến Tre này với Bài giảng đạo tại nhà ông Nguyễn Văn Tường ngày 6-10-1928 (có trích đoạn ở trước) mà cho rằng :

“ Hai bài thuyết đạo do ông Lê Văn Trung khởi thảo....Ta sẽ thấy trong đây tất cả những yếu lý về đạo đức mà các ông đã quan niệm buổi đầu khai đạo, một quan niệm không mấy mới mẻ thoát thai từ những hình sắc cũ của các tôn giáo trước nhưng không phải vì thế mà mất tính chất suy nghiệm của phần tôn giáo mới từ những bài Thánh ngôn đã hấp thụ được nơi cơ bút truyền ra”.¹

Nhận định trên là lời đòi hỏi quá đáng. Đã đành rằng, theo khái niệm khoa học, các chất hoá học tổng hợp sẽ sinh ra một chất mới. Cái mới, Đức Chí Tôn đã cho ta thấy rồi : Hội Thánh, Tân Luật Pháp Chánh Truyền, sắc phục, Thánh Thất. Còn về giáo lý chiết trung và triết thuyết ư ? Đòi hỏi quá sớm. Vả lại, tính từ ngày khai đạo đến đây (1928), Đạo mới có hai tuổi. Một đứa bé đi chập chững mà muốn chạy thì sẽ vấp ngã. Thêm vào đó, các vị cao đồ, nhiều người không xuất thân từ tu viện hoặc chỉ xuất thân từ một chi phái riêng lẻ. Thế nên chưa ai có cái nhìn tổng hợp như Thánh Ngôn dạy. Nhìn lại tiến trình của Phật Giáo : giới tạng, kinh tạng ra đời trước, còn luận tạng chỉ hình thành bốn trăm năm sau khi Đức Thích Ca viên tịch thì so với quá trình giáo lý Đạo Cao Đài còn đủ thời gian để hệ thống hoá.

Đáng nói chăng là năm 1949, nhà văn Pháp Gabriel Gobron cho xuất bản quyển “Histoire et philosophie du Caodaisme” ngoài bìa in là Bouddhisme rénové (Phật giáo chấn hưng). Tại vì, ông chưa nắm vững Đạo Cao Đài có sắc thái riêng, có chủ trương riêng, có cứu cánh riêng. Tất một lời “Cao Đài là Cao Đài” hay “ Cao Đài như một bức khảm xà cừ : nhìn thẳng thấy màu trắng, nhìn nghiêng bên phải thấy màu xanh phơn phớt, nhìn nghiêng bên trái thấy màu đỏ tía và nhìn xuống phía dưới thấy màu vàng nhạt. Các màu vàng (Phật), xanh (Lão), đỏ (Khổng) chỉ là những cách thể hiện các giai đoạn ban sơ của

1-Đồng Tâm, sách đã dẫn, trang 227.

Đạo. Thật sự Đạo Cao Đài là màu trắng, phải hiểu Đạo Cao Đài với tinh hoa bốn nguyên triết lý của chính nền Đạo mới này”. (Xem “ Công đức Đức Phật Mẫu và Cửu vị Nữ Phật”)

Nói một cách khác, nhiệm vụ các cao đồ buổi đầu là gì? Hoàng dương đạo pháp phổ độ chúng sanh và giáo dân qui thiện. Hai nhiệm vụ ấy ta thấy Ngài Thượng Trung Nhật đã đạt thành. Những bài giảng Đạo của Ngài nắm bắt được chữ thiện, lập trật tự chữ hoà . Còn hệ thống hoá giáo thuyết, đó là nhiệm vụ của người đi sau .

3. Mở mang dân trí :

Đạo Đức Học Đường

Ngày còn làm Hội Đồng Quản Hạt, Ngài đã ưu tư mở trường Nữ học. Khi Thánh Tượng dời về chùa mới, năm sau Ngài cho khai giảng trường Đạo Đức Học Đường ngay trong nội ô Toà Thánh trên đường Cao Thượng Phẩm. Đọc câu liễn của trường ta thấy rõ mục đích khai hoá mở mang dân trí là để giúp dân giúp nước.

ĐẠO ĐỨC truyền lưu hậu tấn hiếu trung phò xã tắc,
HỌC ĐƯỜNG giáo hoá thơ sanh nhân nghĩa lập giang san.

Nhân ngày lễ phát thưởng năm đầu tiên cho học sinh Đạo Đức Học Đường vào ngày 14-7-Kỷ Ty (18-8-1929), Ngài Thượng Đâu Sư đến dự lễ để khích lệ thầy cô giáo và các em học sinh.

Ngài nói :

“ Bóng thiều quang nhật thúc, ngày tháng hạn qua. Mậu Thìn bước sang Kỷ Ty, nay trót ba năm dư, lần tay tính lễ Trung Ngươn đây là lễ Trung Ngươn lần thứ ba...

Nay Thầy chấn chỉnh nền Đạo, kêu chức sắc Hiệp Thiên và Cửu Trùng có trách nhiệm lớn lao về Toà Thánh vun trồng cây đức. Ba tháng nay nhờ thiêng liêng giúp sức, cùng anh em xây lưng đầu cột lo chấn hưng nền Chơn Đạo trở nên thanh hành.... Vậy rán nhớ các việc hồi năm Mậu Thìn kiêng dè chùa lổi, nên mấy vị giáo viên, mấy em học sinh, cùng nhi nữ trong mấy năm qua Đạo nghèo, mấy em chịu phần hui hút, còn mấy anh đây

lại bị kẻ thúc người đè, nên không sẵn sóc mấy em trẻ dại, để mấy em chịu chút như gà mất mẹ.

Xét cổ suy kim mới biết rằng tôn giáo nào cũng nhờ học thức mà gìn mối đạo, truyền chánh đạo mới dựng tròn câu phổ độ. Đạo nghèo đồng tiền eo hẹp. Thầy giáo không một đồng lương, lại thêm ngày ngày dạy dỗ ấu nhi, phải làm công quả vùi thân cùng sanh chúng. Học sinh, đồng nhi nam nữ tập viết bằng lá buông¹, chỗ ngủ lấy ván sạp làm giường. Bề ăn uống tương rau hẩm hút. Ba năm dư mới rảnh chút thời giờ, mấy anh đây mới lập trường mà phát thưởng. Lễ đơn sơ để dạ yêu thương, giục mấy cháu biết lòng lo đạo đức”.²

Hình ảnh mà Ngài Thượng Đâu Sư nêu trên thật thấm thương và cảm động. Đạo tuy nghèo mà nuôi cả lưu học sinh. Ngủ trên ván xẻ chưa kịp bào, ăn cơm gạo lức với rau tàu bay rừng, nhất là giấy viết bằng lá buông. Cái học “Trần Minh khổ chuỗi” như vậy mà “hiếu trung phò xã tắc” là tấm lòng thiết thạch đối với quê hương, còn gì bằng !

Báo cáo trước Hội Nhơn Sanh năm 1931 có đoạn viết :

“Trong Toà Thánh có lập một Đạo Đức Học Đường để dạy trẻ em, có 8 lớp học, 6 lớp con trai trình độ lớp nhì, 1 lớp con gái Việt, 1 lớp con nít Tà Mun. tất cả 274 trò. Các thầy dạy đều có bằng cấp Sơ học, làm công quả, không lấy tiền. Học trò cũng không đóng học phí”.

Báo cáo của Hội Nhơn Sanh năm 1932 xác nhận có nhiều tiến bộ : “Trường Đạo Đức Học Đường năm nay có mở thêm được ba lớp học nam nữa. Một lớp nhì (Cours 2 è Année) và hai lớp Đồng Ấu (Cours Enfantin), cộng chung là 11 lớp. Số học trò được 417, trong đó 312 trò nam và 105 trò nữ, thêm được 143 trò, nhiều hơn năm ngoái. Kỳ thi Tiểu học vừa rồi, nhà trường

1-Lá buông cắt đem về, rọc bỏ phần sống lá. Thân lá được cắt từng đoạn dài đều 20cm, rồi đem phơi khô để lá buông từ màu xanh chuyển sang màu vàng nhạt. Sau đó xếp lá chồng lên nhau dùng tấm ván ép cho bằng phẳng, rồi dùng nước cỏ mực viết.

2-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.

có 26 trò đi thi đều đậu hết. Có 21 trò đậu luôn phần Pháp văn (mention française). Mấy cô giáo và thầy giáo dạy nơi trường đều siêng năng lo lắng dạy dỗ. Không người nào ăn lương bổng hết”.

Lấy năm 1952 làm mốc để nhớ ơn tiền bối, để thấy sự phát sinh, phát triển của Đạo Đức Học Đường chưa đâu bằng. Năm đó trường có 60 lớp lợp bằng tranh, xây gạch đất không nung, chỉ có dãy lớp bằng ngói ở phía trước. Có 10 lớp Cao Đẳng đi thi Tiểu Học với 5.393 thí sinh tại Tỉnh lỵ, chỉ rớt 1 trò vì bị bệnh bất thường. Đó là một kỷ lục vô song đền đáp công ơn thầy trò dạy và học đêm luôn, làm rạng danh đạo thời ấy.

Chính năm 1952, ngôi trường phổ thông ở trên đường Hoàng Tông Hường, ngoài cửa số 7 ngoại ô được trùng tu và cất thêm hai dãy để nhận số học sinh vừa mới thi đỗ Tiểu Học. Nhà trường mở 12 lớp Đệ Thất vì phải nhận thêm hai lớp cho học sinh ngoài tỉnh lỵ.

Ngày khai giảng, Đức Phạm Hộ Pháp đến dự và đổi tên trường phổ thông thành trường NGHĨA THỰC LÊ VĂN TRUNG để nhớ ơn Ngài Thượng Đẳng Đầu Sư, người có công đặt viên gạch đầu tiên khai hoá nhân sanh tại vùng Thánh Địa.

Con cháu nối bước. Năm 1961, giáo sư Trần Văn Rạng dạy trường Trung học Tây Ninh đưa đơn xin phép lập “Hội Ái Hữu Cựu Sinh Đạo Đức và Lê Văn Trung”, được Bộ Nội Vụ cấp phép hoạt động số 128-NĐ ngày 20-10-1961, kết hợp hai trường làm một là để nhớ ơn Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung (Người viết gọi chức danh phẩm tước theo thứ tự thời gian) .

4. Tờ bố cáo gửi chư Đạo hữu

Nền đạo trong những ngày đầu năm Kỷ Ty (1929) gây nhiều phấn khởi trong giáo dân. Số người nhập môn càng ngày càng tăng, chứng tỏ Đạo mới hợp lòng nhân dân. Đạo mừng nhưng Đời lo. Chính quyền Pháp không thể ngăn chặn bắt với những người theo Đạo một cách công khai mà chỉ cho lính kín theo dõi trà trộn vào hàng ngũ trong Đạo. Việc xây dựng Toà Thánh lồi

kéo nhiều người có quốc tịch khác nhau khiến một tờ báo phải lên tiếng “Một Jérusalem mới” (Une Jérusalem nouvelle) (J. CENDRIEUX, Une Jérusalem Nouvelle, Extrême Asie (R1) số 25 (7-1928)) có hại cho việc trị an.

Nhưng không thể nào khủng bố Hội Đồng Lê Văn Trung, các đốc phủ Lê Bá Trang, Nguyễn Ngọc Tương nên chính quyền chĩa mũi nhọn vào dân đạo ở nông thôn.

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy về việc này như sau :

“Thầy tưởng các con đã hiểu vì cớ nào chính phủ Lang Sa nghi ngờ như vậy. Vì các con chẳng tỏ ra rõ ràng rằng Đạo là Đạo, còn chính trị là chính trị. Các con chỉ vì Đạo là phận sự. Các con chỉ biết đạo mà thôi. Các con cũng nên bạo gan mà nói trước mặt vạn quốc cùng chính phủ rằng các con là người đạo, chỉ biết giúp đỡ nhơn sanh, dạy dỗ nhơn sanh chớ chẳng biết chính trị là gì. Trong Đạo duy có một điều làm cho chính phủ không vừa lòng là mỗi nước họ muốn phân lìa nhau mà Đạo lại hiệp. Các con nói với người Lang Sa rằng nhờ Đạo mà các sắc dân đặng yêu mến nhau, phải lấy sự yêu mến mà buộc tình người thì quyền hành kia mới vững. Cười ...

“ Trung, con phải tức tốc đến thuyết đạo với người Lang Sa Blanchard de la Brosse nghe. Nói một phen nữa. Thảng như họ chẳng nghĩ tình thì phải đánh giầy thép cho chính phủ bên Tây mà kêu nài”.

Vâng Thánh chỉ, Ngài Thượng Đâu Sư đến gặp Thống Đốc Nam Kỳ Blanchard de la Brosse để xin cứu xét về việc bắt bớ và khủng bố giáo dân. Ngài cho ban hành Tờ bố cáo cùng chư đạo hữu như sau :

“ Nay là buổi Thiên Địa tuần huân, hoàng khai Đại Đạo, đức Ngọc Hoàng Thượng Đế vì thương nhân loại, rộng mở Đạo Trời, để diu dắt sanh linh vào trường đạo đức, hầu hưởng phước về sau . Nay Đại Đạo lập thành, Tân luật đã ban ra, chúng ta cứ theo đó mà hành đạo.

Về phần Thiên Đạo phải hết lòng thành kính Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, phải trau dồi đức

hạnh, dưỡng tánh tu tâm mà hồi minh khử ám.

Còn về phần nhưn Đạo, ta phải tuân theo phép nước, giữ phận làm thần dân, làm lành lánh dữ. Mỗi mỗi phải do luật pháp mà cư xử, sùu lo thuế đống, kính trọng quan viên, giúp nạn kẻ khó. Về phần tin tưởng tự do, tôi tỏ cho chư đạo hữu hay rằng không ai đặng phép ngăn cản chúng ta trong việc thờ Trời Phật. Ta tin tưởng Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, ta sùng bái Ngài, không một ai phạm đến quyền tự do ấy của ta được. Chớ nghe đồn huyền rằng chính phủ bắt Đạo mà sợ, rồi dẹp Thiên Bàn cuốn Thánh Tượng, ấy là điều đại tội cùng Trời Phật đó.

Nếu Chính phủ muốn ngăn cấm điều chi thì dán yết thị khắp nơi cho nhân dân rõ biết, đâu đó phân minh. Còn nếu không có châu tri cùng yết thị thì xin chư đạo hữu chớ vội tin mà lầm mưu kẻ nghịch đạo.

Trong chư đạo hữu, thẳng như có ai bị cưỡng quyền áp chế về việc phụng thờ Thượng Đế, xin mau gửi thơ cho tôi. Tôi sẽ dụng hết công tâm kêu nài cùng chính phủ để làm cho kẻ ấy biết trọng quyền TIN TƯỞNG TỰ DO của chúng ta”¹

Trong hai năm 1928-1929, công việc ở Tòa Thánh do Đức Cao Thượng Phẩm và Ngài Phối sư Thái Bính Thanh coi sóc việc xây cất Tòa Thánh tạm. Còn Ngài Lê Văn Trung đi phổ độ Lục Tỉnh, Đức Phạm Hộ Pháp mở Hội Thánh Ngoại Giáo ở Kiên Biên, Ngài Ngọc Đầu Sư đi lập 72 Tịnh thất rồi trở về Vĩnh Nguyên Tự.

Việc xây cất Tòa Thánh của Đức Cao Thượng Phẩm bị ngưng lại vì sự hiểu lầm của Chưởng Nghiêm Pháp Quân Nguyễn Phát Trước. Đức Ngài bỏ về Thảo Xá Hiền Cung và mất tại đó như viết ở trước.

Đêm 15-4-1928, Đức Lý giảng cơ dạy :

“ Hộ Pháp, hiền hữu xin nghe !

Chẳng phải Lão bệnh vực Cửu Trùng Đài của Lão. Hiền hữu kiểm sẽ thấy tội nhưn về bên Hiệp Thiên Đài. Vậy quyền hành

1-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.

của hiền hữu thế nào mà trách Lão. Chức sắc của Lão vì ám muội mà nghe lời đơ vậy thôi.

“Thái Bính Thanh,

Hiền hữu nói lại với Thượng Trung Nhật rằng Lão nhượng trọn quyền Giáo Tông lại cho người, cho đến ngày Hiệp Thiên Đài nhìn Cửu Trùng Đài rồi Lão sẽ hành chánh, nghe à”.

Vậy từ ngày đó (26-2-Mậu Thìn) Ngài Thượng Đẩu Sư chính thức Chưởng quản Toà Thánh Tây Ninh.

Xin mượn lời thuyết đạo của Ngài Thượng Đẩu Sư đọc nhân ngày lễ kỷ niệm Khai Đạo (14-10-Kỷ Ty) làm câu kết :

“Người trong vòng Trời Đất chẳng nên cãi quá lòng trời vì Tạo Hoá rất công bằng, lòng Trời vô tận.

Tôi xin nhắc lại lời Thánh giáo của Malherbe : “Vouloir ce que Dieu c’est le seule science qui nous methe en repos”. Lời ông hiền triết này như lời của Thánh trong sách nhỏ : “Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong”.

Bốn năm dư (1926-1929) chuông Thánh truy hồn, thuyền Bát Nhã đổ bến mê tân rước khách trần, hầu độ kẻ vô phần không phước. Phần nhiều vì mất thịt, trí phàm không thấu đạo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà chưa trọn hiểu. Tánh vẫn còn mơ hồ kết thêm tội lỗi, vào đường tu mà chưa đổi tánh, phần còn tranh tranh, lẩn lẩn chức quyền mọn trong Đạo.

Đã lánh chốn phồn hoa dựa cửa thiền, mất ngơ, tai diếc diệt phàm tâm trau dồi hạnh đức ! Cầu khẩn Đức Từ Bi rưới giọt lành dương, hằng ngày lo tụng kinh cầu sám chuộc tội tiền khiên nên danh hiền triết.

Mong thay ! Mong thay”¹

(Còn tiếp)

1-Ban Đạo Sử : Tài liệu lưu trữ.

BÀI ĐỌC SAU ĐÀN CÚNG

* * * * *

* **Thuyết Đạo Sau Mỗi Đàn Cúng**

Theo lời dạy của ĐỨC CHÍ TÔN và theo TÂN LUẬT thì sau mỗi Đàn Cúng, vị Chức Sắc chủ lễ phải nói Đạo cho Thiện Nam, Tín Nữ tham dự Đàn Cúng nghe hiểu.

Ngày 5-4-1927, Đức Chí Tôn giảng cơ có dạy về việc thuyết Đạo nguyên văn như sau :

“ Thầy để lời cho các con biết rằng : Phần nhiều các Giáo Hữu không xét biết trách nhiệm của mình, con phải nhắc cho chúng nó hiểu. Mỗi Giáo Hữu ít nữa phải thông cội rễ nền Đạo; chúng nó năng tìm biết Thánh Ngôn của Thầy đã dạy và thay phiên nhau mà nói Đạo cho Thiện Nam, Tín Nữ hiểu. Nhiều Giáo Hữu không biết nét chi về việc Đạo; chớ Tín Đồ không trông học hỏi đến đặng, thì Chức Sắc còn có bổ ích chi. Con phải nhắc cho chúng nó và Hội Thánh phải hội một tháng một kỳ mà chỉ dẫn cho nhau về việc thuyết Đạo trong mỗi Đàn, nghe! Thầy ban ơn cho các con ” (TNHT.I.82 - in 1972) .

Sau đây là lời dạy trong Quyển Tân Luật.

TÂN LUẬT Điều thứ 19 .- *Một tháng hai ngày sóc vọng, bốn đạo phải tựu lại Thánh Thất sở tại mà làm lễ và nghe dạy đạo. Trừ ra ai có việc được chể.*

Như vậy, sau mỗi Đàn Cúng, vị Chủ Lễ có nhiệm vụ phải nói Đạo cho Thiện Nam Tín Nữ nghe, đặc biệt là sau các ngày Lễ Vía. Để góp phần vào việc đọc bài Giáo Lý sau mỗi kỳ Đàn Cúng ĐỨC CHÍ TÔN, chúng tôi sưu tầm một số BÀI ĐỌC SAU ĐÀN CÚNG, ngắn gọn, đọc khoảng trên dưới 10 phút, hầu giúp cho quý vị Chủ Lễ đỡ mất thì giờ.

Xin giới thiệu một số chủ đề sau đây.

Ghi Chú : Tài liệu **“Bài Đọc sau Đàn Cúng”** này chỉ có tánh cách tham khảo, rất mong được sự phản hồi góp ý của Quý Cơ Sở Đạo và của Quý Huynh Tỷ để bài soạn được hoàn chỉnh

Hiền tài Nguyễn Trung Đạo

VÍA ĐỨC CHÍ TÔN (Mùng 9 tháng 1)

* * * * *

Trong dân gian có câu : Mùng 9 Vía Trời, Mùng 10 Vía Đất. Chúng tôi thử tìm hiểu coi tại sao ngày Mùng 9 tháng Giêng Âm Lịch là ngày Vía Trời.

1.- NGUYÊN CĂN ĐỨC CHÍ TÔN

Theo giáo lý Cao Đài, vào thời nguyên thủy, nghĩa là khi chưa tạo Thiên lập Địa, trong khoảng không gian bao la có một chất khí mịt mịt mờ mờ linh thiêng và huyền diệu vô cùng, tồn tại không biết từ thời nào.

- Lão Giáo gọi khí ấy là *Đạo*.
- Nho Giáo gọi khí ấy là *Vô Cực*.
- Phật Giáo gọi khí ấy là *Chơn Như*.
- Đạo Cao Đài gọi khí ấy là *Hư Vô chi khí*.

Chừng đúng ngày giờ, khối khí ấy mới nổ tung ra một tiếng vang lừng dữ dội phi thường, làm cho rung động cả không gian, có một Đại Linh Quang từ trong tiếng nổ ấy hóa sinh ra : Đó là ĐỨC CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn có dạy :

“ *Thầy đã nói với các con rằng : khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn Thế Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sinh ra vạn vật là : vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, gọi là chúng sanh*” (TNHT.II.170 – in 1971).

2.- VỊ THẾ TRONG CÀN KHÔN VŨ TRỤ

Có người hỏi : *Đức Chí Tôn Ngài là ai ?*

Xin thưa :

- Đức Chí Tôn là Người tạo lập ra và cai quản cả Càn Khôn Vũ Trụ.

- Trong dân gian người ta thường gọi Đức Chí Tôn là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Ông Trời,...

Bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế có dạy cho biết phần nào về vị thế của Đức Chí Tôn trong Càn Khôn Vũ Trụ :

- Là Đấng Vua Trời nơi cõi Đại La Thiên, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế sanh hóa và nuôi dưỡng các loài sinh vật.

- Là Đấng Vua Trời ngự nơi Ngôi Thái Cực, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế thống lãnh và cai trị muôn loài vật một cách ổn định.

Đó là ý nghĩa của các câu mở đầu bài kinh :

Đại La Thiên Đế, Thái Cực Thánh Hoàng.

Hóa dục quần sanh, Thống ngự vạn vật.

Bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng có cho biết rằng : Đức Chí Tôn là vua của Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần (ngày giờ), nghĩa là vua của cả Không gian và Thời gian, và là chủ tể Càn Khôn Thế Giới, đứng đầu tất cả các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Đó là ý nghĩa của hai câu kinh sau đây :

Nãi Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần chi Quân,

Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi Chủ.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn cũng đã có dạy : “ Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên, Phật cũng Thầy. Thầy đã nói một Chơn Thần mà biến Càn Khôn Thế Giới và cả nhơn loại... Có Thầy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật ” (TNHT.I.43-1972).

3.- NGÀY VÍA và NGÀY LỄ KỶ NIỆM

*Vía là lễ kỷ niệm ngày giáng sanh xuống cõi trần của các Đấng Thiêng Liêng, đôi khi cũng là lễ kỷ niệm ngày thành đạo.

-Vía Đức Phật Thích Ca : 8-4 âm lịch (giáng sanh).

-Vía Đức Phật Bà Quan Âm : 19-2 âm lịch (thành đạo).

*Ngày Qui Thiên không gọi là Vía, mà gọi là Lễ Kỷ Niệm.

-Lễ Kỷ Niệm Đức Phạm Hộ Pháp Qui Thiên : 10-4 â. lịch.

-Lễ Kỷ Niệm Đức Quyền Giáo Tông Qui Thiên: 13-10 â.l.

Vào các ngày Vía, Hội Thánh cho thiết Lễ Đại Đàn.

Vào các ngày Lễ Kỷ Niệm, thiết Lễ Tiểu Đàn.

4.- VÍA ĐỨC CHÍ TÔN

Vía Đức Chí Tôn là ngày Đại Lễ cúng bái để tỏ lòng sùng kính đối với Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đấng Đại Từ Phụ của Vạn Linh, Đấng Tạo Hóa và Chúa Tể Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật.

Đức Chí Tôn không có giáng sanh xuống cõi trần. Nhưn loại *dựa theo Số Học hoặc theo Dịch Số trong Kinh Dịch mà chọn ra Ngày Vía Đức Chí Tôn.*

* **Theo Số Học.**- Trước khi trình bày theo Số Học, xin nhắc lại lời dạy của ĐỨC CHÍ TÔN như sau : *Vô Cực sanh Thái Cực, Thái Cực phân ra Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn Thế Giới.*

Theo Số Học, các số đơn được khởi đầu bằng số 0 và chấm dứt bằng số 9.

Số 0 tượng trưng Vô Cực, là Hư Vô chi khí.

Số 1 tượng trưng Thái Cực là ngôi của Đức Chí Tôn.

Số 2 tượng trưng Lưỡng Nghi, số 3 là số trung gian.

Số 4 tượng trưng Tứ Tượng.

Số 5 tượng trưng Ngũ Hành, số 6 và 7 làm trung gian.

Số 8 tượng trưng Bát Quái.

Đến số 9 thì Bát Quái biến hóa vô cùng tạo thành Càn Khôn Vũ Trụ.

- Số 1 tượng trưng cho ngôi Thái Cực của Đức Chí Tôn.

- Đến số 9 là số hình thành Càn Khôn Vũ Trụ.

Vì vậy mà số 1 và số 9 được chọn làm Ngày và Tháng trong Lễ Vía Đức Chí Tôn.

* **Theo Dịch Số.**- Theo Dịch Số trong Kinh Dịch :

- Số Dương là các số lẻ : 1 , 3 , 5 , 7 , 9 .

- Số Âm là các số chẵn : 2 , 4 , 6 , 8 , 10 .

Đức Chí Tôn là chủ của Dương Quang, nên khi chọn hai số để làm ngày Vía Đức Chí Tôn, phải chọn những con số dương.

Vì vậy mà số **1** và số **9** được chọn.

*** Nhưng trong hai số 1 và 9, số nào chỉ Tháng và số nào chỉ Ngày ?**

Theo Nho Giáo, khi nói về thời gian, thì nói theo thứ tự: Năm trước, rồi mới tới tháng, ngày, sau cùng là giờ.

*Ví dụ : Mở đầu bài Sớ Văn có câu : Thời duy Thiên vận, **Nhâm Thìn** niên (năm Nhâm Thìn), **Chánh** Ngọạt (tháng Giêng), **Sơ Cửu** nhật (ngày mùng 9), **Ngọ** thời (thời Ngọ : từ 11 đến 13 giờ).*

*Do đó mà số **1** đứng đầu được chọn là tháng, số **9** đứng sau được chọn là ngày (Tháng trước, Ngày sau).*

Vì vậy mà ngày Vía của Đức Chí Tôn được chọn là : **tháng 1, ngày 9, tức Mùng 9 tháng Giêng.**

**Tóm lại, ngày Vía Đức Chí Tôn không phải là ngày giáng sinh mà là ngày do nhơn loại dựa theo Số Học hoặc theo Dịch Số trong Kinh Dịch mà chọn ra, đó là ngày Mùng 9 tháng Giêng.*

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

**Ý NGHĨA
RẪM TAM NGUƠN**

* * * * *

Trong một năm có 3 ngày Rằm Lớn :

- Rằm Thượng Nguơn : 15 tháng Giêng âm lịch.

- Rằm Trung Nguơn : 15 tháng Bảy âm lịch.

- Rằm Hạ Nguơn : 15 tháng Mười âm lịch.

Mỗi ngày Rằm Lớn nói trên đều có một ý nghĩa đặc biệt.

1.- Theo Nho Giáo

Theo Nho Giáo, ba ngày Rằm Lớn trong năm là 3 ngày Đại Lễ

kỷ niệm Thánh Đán của 3 vị Thánh Vương đời thượng cổ nước Tàu, có nhiều công đức đối với dân chúng, đó là **Vua Nghiêu, Vua Thuấn và Vua Hạ Võ.**

- Rằm Thượng Ngươn là lễ kỷ niệm Thánh Đán của **Vua Nghiêu**, với hiệu là : *Thiên Quan Tứ Phước.*

- Rằm Trung Ngươn là lễ kỷ niệm Thánh Đán của **Vua Thuấn**, với tôn hiệu là : *Địa Quan Xá Tội.*

- Rằm Hạ Ngươn là lễ kỷ niệm Thánh Đán của **Vua Hạ Võ**, với tôn hiệu là : *Thủy Quan Giải Ách.*

2.- Theo Phật Giáo

Theo Phật Giáo, ngày **Rằm Trung Ngươn** là thuộc Mùa Báo Hiếu, nơi các chùa làm **Lễ Vu Lan**, Phật tử đến chùa để xin chư tăng ni chú nguyện giải thoát cha mẹ đã chết, được khỏi khổ hình nơi Âm Phủ và được siêu thăng lên miền tịnh độ, dựa theo sự tích Mục Liên Thanh Đề.

Bà Thanh Đề do lòng tham lam độc ác, tạo ra tội lỗi nặng nề, trải qua nhiều kiếp, nay bị đọa vào ác đạo làm loài ngựa quỷ. Đức Phật dạy con của bà là Ngài Mục Kiền Liên vào ngày Rằm Tháng Bảy là *ngày tứ tử* của chư tăng trong 10 phương, sau 3 tháng *an cư kết hạ*, tinh tấn tu hành, công đức tăng thêm nhiều. Vậy Mục Kiền Liên nên chọn ngày ấy làm lễ *Vu Lan Bồn* để báo hiếu cho cha mẹ, và cầu xin cho mẹ được giải thoát khỏi nơi ác đạo. Ngài Mục Kiền Liên vâng theo lời Phật dạy, nhờ đó mà thân mẫu của Ngài được thoát khỏi kiếp ngựa quỷ, và được siêu thăng về cõi giới lành.

Từ đó về sau, mỗi năm đến ngày Rằm tháng Bảy, các hàng Phật Tử có hiếu đều làm lễ Vu Lan để cầu phước cho ông bà cha mẹ quá vãng và hiện tiền.

3.- Theo Đạo Cao Đài

Theo Đạo Cao Đài, vào ba ngày Rằm Thượng Ngươn, Trung Ngươn và Hạ Ngươn đều có thiết Đại Lễ cúng Đức CHÍ TÔN, Đức PHẬT MẪU và các Đấng Thiêng Liêng nơi Tòa Thánh, Thánh Thất, Báo Ân Từ và Điện Thờ Phật Mẫu, để dâng sớ

cầu nguyện Ôn Trên ban ơn xá tội :

-Thứ nhất : *Xá tội cho các đấng vong hồn vừa mới qui liễu,*

-Thứ nhì : *Xá tội cho các chiến sĩ dũng cảm vì nước quên mình,*

-Thứ ba : *Xá tội cho các chơn linh có công hành đạo chịu nhiều khổ nhọc cứu giúp nhơn sanh.*

-Thứ tư : *Xá tội cho Cửu Huyền Thất Tổ và Phụ Mẫu (đã qui vị) được siêu thăng lên miền Cực Lạc.*

*Đặc biệt, đối với Đạo Cao Đài, ngày **Rằm Thượng Ngươn** là thuộc **Mùa Báo Hiếu**, nơi các Thánh Thất, Tín Đồ Cao Đài đi cúng để xin Bàn Trì Sự lập sớ dâng lên Đức **CHÍ TÔN**, lấy công quả hành đạo để **cầu nguyện cho Cửu Huyền Thất Tổ và Phụ Mẫu đã qui vị được siêu thăng lên miền Cực Lạc.**

Nội dung nêu trên có ghi trong lòng sớ dâng lên Đức **CHÍ TÔN** và các Đấng Thiêng Liêng trong **Đại Lễ Rằm Thượng Ngươn.**

Sau đây là một trích đoạn phần Lòng Sớ :

“ ... **NGƯỠNG NGUYỆN VÔ TRUNG TỪ PHỤ** *phát hạ hồng ân, hóa sanh Đại Đức, tùy Ngươn vận hội ân xá chư linh hữu công hành Đạo, tế độ nhơn sanh, cập tiền vãng Thất Tổ, hậu vãng Cửu Huyền do tử tôn lập thân hành Đạo dĩ hiến Phụ Mẫu hiếu nghĩa vì tiên ... ”.*

Tạm hiểu như sau :

... Ngưỡng nguyện Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ trong cõi Hư Vô *ban xuống hồng ân, hóa sanh đức lớn, tùy theo ngươn vận hội, ban ơn xá tội cho các chơn linh có công hành đạo, cứu giúp nhơn sanh, và Thất Tổ đã qua trước, Cửu Huyền đã qua sau, do con cháu lập thân hành đạo để hiến dâng lên cha mẹ vì hiếu nghĩa làm đầu,* Trong dịp **Rằm Thượng Ngươn** này, **Hội Thánh** có tổ chức **Cúng Tế Cửu Huyền Thất Tổ** và **Chiến Sĩ Trận Vong** nơi **Trai Đường**, sau đó là **Cúng Tế** và **Cầu Siêu Hội** cho các đấng vong linh nơi **Khách Đình**.

Tóm lại, **Đại Lễ Thượng Ngươn Rằm Tháng Giêng** là ngày **Đại Khai Ân Xá** của Đức Chí Tôn, là **ngày chúng ta cầu nguyện hữu hiệu nhất cho Cửu Huyền Thất Tổ của mình và cho các đấng**

Linh Hồn sớm được siêu thăng. Đó cũng là ngày trọng đại nhất mà người đang sống làm tròn bổn phận đối với những người đã chết.

* Đặc biệt hơn nữa, theo Đạo Cao Đài, Rằm Hạ Nguơn là ngày kỷ niệm **Đại Lễ KHAI ĐẠO**, có tổ chức cúng Đại Đàn Đức CHÍ TÔN và các Đấng Thiêng Liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật. Trong dịp này, Hội Thánh cũng có tổ chức Cúng Tế Cửu Huyền Thất Tổ và Chiến Sĩ Trận Vong nơi Trai Đường, sau đó là Cúng Tế và Cầu Siêu Hội cho các đấng vong linh nơi Khách Đình, y như trong kỳ Rằm Thượng Nguơn.

Tại sao Đức Chí Tôn cho Khai Đạo vào ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần ?

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế cho khai Đạo vào ngày Rằm Tháng 10, năm Bính Dần, vì những lý do như sau.

- Khởi đầu một chu kỳ 60 năm là năm Giáp Tý, kế đến là Ất Sửu, rồi Bính Dần ... Sách có câu :

“Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần”.

(Có nghĩa là:TRỜI khai ở *Hội Tý*, ĐẤT mở ra ở *Hội Sửu*, NGƯỜI sanh ở *Hội Dần*. Các Hội kế tiếp là sự tiến hóa của trời, đất và vạn vật).

- Mở Đạo cho nhơn sanh nên Đức Thượng Đế khai Đạo vào năm Bính Dần, vì *“Nhơn sanh ư Dần”*.

- Đức Chí Tôn cho làm Lễ Khai Đạo vào ngày Rằm tháng Mười, tức *Rằm Hạ Nguơn*, để chỉ đây là *thời kỳ Hạ Nguơn*. Theo giáo lý Cao Đài thì nhơn loại hiện đang ở vào cuối thời Hạ Nguơn Tam Chuyển, sắp bước vào thời Thượng Nguơn Tứ Chuyển.

Trên đây, chúng tôi vừa trình bày sơ lược một vài ý nghĩa của 3 ngày Rằm Lớn trong năm, gọi là Rằm Tam Nguơn.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

ĐẠO CAO ĐÀI MỘT NỀN TÂN TÔN GIÁO

* * * * *

Các tôn giáo khai mở từ thời Nhị Kỳ Phổ Độ, sau hơn hai ngàn năm truyền bá cứu độ nhơn sanh, lần lần bị người đời canh cải làm sai lạc chơn truyền, nên hầu hết đều bị Ngọc Hư Cung bế lại, người tu thì nhiều mà đắc quả thì rất ít. Như vậy cần phải có một nền tôn giáo mới để thay thế, đặng độ rỗi nhơn sanh một cách rộng rãi hơn.

Vào đầu thập niên 1920, tại nước Việt Nam nhỏ bé và nghèo khổ, Đức NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ đã dùng huyền diệu cơ bút sáng lập một mối Đạo Đại Đồng gọi là ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ, thường gọi là Đạo CAO ĐÀI, để cứu độ chúng sanh. Mặc dầu đến ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (19-11-1926) Đạo Cao Đài mới được chính thức khai nguyên, nhưng trước đó Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế đã cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật giáng cơ để lời tiên tri rằng Đạo sắp được khai minh. Ngoài ra, theo lời Tiên Phụ của chúng tôi là *Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu* kể lại, thì trước đó trên *Bạch Ngọc Kinh* có nhiều *Chơn Linh* lớn tự nguyện giáng trần để góp công vào việc Khai Đạo hầu cứu rỗi nhân loại. Quý vị đó trước khi giáng Trần đều có lập minh thệ trước *Tòa Tam Giáo*.

Vào khoảng đầu thập niên 1920 mầm mống đã bắt đầu nảy sanh ra do hai Nguồn Đạo khác nhau.

Thứ Nhất : Người được nghe hồng danh *Đức Cao Đài* đầu tiên là quan phủ Ngô Văn Chiêu. Đầu năm 1920, lúc còn trấn nhậm tại Tân An (trước khi đổi đi Hà Tiên), trong một đàn cơ thỉnh Tiên, Ngài Ngô Văn Chiêu được một Đấng Thiêng Liêng giáng điện xưng tên là Cao Đài Tiên Ông dạy Đạo. Từ khi ra trấn nhậm ở Phú Quốc, Ngài Ngô Văn Chiêu được Đức Cao Đài tiếp tục dạy đạo. Một hôm, Tiên Ông giáng cơ dạy Ngài phải lo tu và **ăn chay thêm cho đủ 10 ngày một tháng**. Trong khi

Ngài Ngô còn đang phân vân thì vào đêm mừng 1 Tết Tân Dậu (8-2-1921), trong lúc Ngài Ngô chứng đàn tại Quan Âm Tự để cầu Tiên, chưa kịp bạch hỏi điều chi thì Tiên Ông đã điểm danh và ban lệnh :

“ Chiêu, *tam niên trường trai* ”

Kể từ **mùng 1 Tết Tân Dậu (8-2-1921)**, Ngài Ngô Văn Chiêu khởi sự trường trai và học đạo cùng Tiên Ông. *Và cũng từ mùng 1 Tết Tân Dậu*, Ngài Ngô trở thành người đệ tử đầu tiên của Đấng Cao Đài Thượng Đế.

Cũng vào năm 1921, Ngài Ngô được tiếp nhận 2 lần ánh sáng huyền diệu đầy hào quang từ một Con Mắt chiếu thẳng vào Ngài. Con Mắt ấy được gọi là *Thiên Nhân*, là biểu tượng của Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế. Sau đó, theo lệnh của Đức Cao Đài, Ngài Ngô đem tất cả tấm lòng thành kính để họa **Thiên Nhân** mà thờ. Tiên Ông cho phép Ngài Ngô gọi Tiên Ông bằng **Thầy**, và xưng danh hiệu là “**Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**”.

Giữa năm Giáp Tý (1924), Ngài Ngô được lệnh chuyển về làm việc ở Sài Gòn. Trước khi rời đảo Phú Quốc, Ngài được Đức Cao Đài ban cho một bài thơ lục bát dài 20 câu, trong đó có những lời khen như sau :

*Ba năm lòng sáng như son,
Trèo non xuống biển vương tròn công phu.*

Ngài Ngô về tới Sài Gòn ngày 30-7-1924, và sống kín đáo giữa chốn phồn hoa đô hội, hằng ngày đi làm việc ở dinh Thống Đốc Nam Kỳ.

Thứ Nhì : Cũng vào đầu thập niên 1920, ở miền Nam Việt Nam có phong trào xây bàn, cầu cơ, tiếp chuyện với các vong linh để họa thi, vịnh phú, hoặc lập đàn thỉnh Tiên để xin thuốc chữa bệnh.

Vào năm Ất Sửu (1925) quý Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang cùng làm việc ở Saigon, đêm đêm thường họp nhau ở một chỗ, khi đờn địch, lúc ngâm thơ, tiêu diêu với thú phong lưu tài tử lúc bấy giờ. Lối tháng Sáu năm Ất

Sửu (5-6 Ất Sửu, 25-7-1925), do gợi ý của Ngài Cao Quỳnh Cư, ba Ngài và vài vị nữa trong gia đình, bắt đầu tập **Xây Bàn theo kiểu Thần Linh Học ở Âu Châu**, tại nhà Ngài Cao Hoài Sang, ở phố Hàng Dừa đường Arras (nay là đường Cống Quỳnh), gần chợ Thái Bình, Sài Gòn. Qua việc xây bàn, trong số các vong linh về nói chuyện và làm thơ, có vong linh ông Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của hai Ngài Cao Quỳnh Diêu và Cao Quỳnh Cư, vong linh của ông Cao Hoài Ân là thân phụ của Ngài Cao Hoài Sang.

Đêm 10-6 Ất Sửu (30-7-1925), có một Chơn Linh nữ giáng điển, xưng danh là Đoàn Ngọc Quế và cho một bài thơ tự thuật rất hay. Qua đêm 12-6 Ất Sửu (1-8-1925), Chơn Linh cô Đoàn Ngọc Quế tiếp tục giáng điển, chuyện vãn một hồi rồi 3 Ngài xin kết nghĩa anh em với Cô. Cô bằng lòng và kính:

- Ngài Cao Quỳnh Cư làm Trưởng Ca,
- Ngài Phạm Công Tắc làm Nhị Ca,
- Ngài Cao Hoài Sang làm Tam Ca.

Phần Cô Đoàn làm Tứ Muội (Em gái thứ tư).

Về sau, các Ngài được biết rằng Cô Đoàn Ngọc Quế chính là *Nữ Tiên Thất Nương ở Cung Diêu Trì*, có nhiệm vụ dùng văn chương thi phú để dẫn dắt các Ngài vào đường Đạo.

Sau Chơn Linh Cô Đoàn Ngọc Quế, có nhiều Chơn Linh khác cũng giáng điển cho thơ, và góp phần hướng dẫn các Ngài lần lần vào con đường Đạo, như là :

- Bát Nương Diêu Trì Cung (Hồn Liên Bạch),
- Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ (Trạng Trình),
- Ông Quý Cao, một Chơn Linh đang tu học ở Cõi Trên,
- Lục Nương Diêu Trì Cung,
- Ông Cao Hoài Ân, thân phụ của Ngài Cao Hoài Sang,
- Đức Tả Quân Lê Văn Duyệt,
- Hồn Thọ Đình Hầu (Quan Vũ),
- Đại Thi Hào Lý Thái Bạch,...v.v...

Đặc biệt có một **Đấng Thiêng Liêng** xưng danh là **A,Ă,Â** cho

nhều bài thơ hay và dạy Đạo.

Đến thượng tuần tháng 8 âm lịch (cuối tháng 9-1925), Thất Nương chỉ các Ngài cách sử dụng **Ngọc Cơ**. Đêm Rằm tháng 8 âm lịch năm Ất Sửu (1925), các Ngài tụ lại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư ở đường Bourdais Saigon, nay là đường Calmette, để làm tiệc tiếp rước **Cửu Thiên Nương Nương** tức **Đức PHẬT MẪU** và **Cửu vị Tiên Nương**. Qua việc Xây Bàn và Cầu Cơ, quý vị Tiên Khai được Ổn Trên ban nhiều huyền diệu thấy rõ. Khi các Ngài vững tin vào cơ bút và thế giới vô hình, Thiêng Liêng mới từ từ chuyển việc xướng họa thi phú qua khai cơ lập Đạo. Ngày 27-10 Ất Sửu (12-12-1925), Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (Đức Phật Mẫu) giảng dạy rằng :

“Mùng 1 này, tam vị Đạo Hữu Vọng Thiên Cầu Đạo”.

Vâng theo lời dạy của Bà Cửu Thiên Huyền Nữ (tức Đức PHẬT MẪU) và của Đức AẤẤ, đêm Mùng 1-11 Ất Sửu, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang ăn mặc chỉnh tề, áo dài khăn đen, ra quì giữa sân trước nhà Ngài Cao Quỳnh Cư, mỗi vị cầm 9 cây nhang nguyện rằng : *“Ba tôi Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang vọng bái CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ ban ơn đủ phúc lành cho ba tôi cải tà qui chánh”* trước sự chứng kiến của đông đảo khách qua đường.

Sau đêm Vọng Thiên Cầu Đạo, để củng cố đức tin và đạo tâm cho ba Ngài, Đức Thượng Đế cho các Đấng thường xuyên giảng dạy. *Từ đây ý tứ trong các bài Thánh Giáo luôn luôn hướng về khuyến tu*, giúp cho các Ngài thấm nhuần đạo lý. Tình đạo càng nồng sẽ khiến cho men đời càng phai nhạt.

Đêm Giáng Sinh 24-12-1925 (9-1 Ất Sửu), trong khi các giáo đường rộn rịp đón mừng Lễ, ba Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang lặng lẽ họp nhau tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư để lập đàn cầu cơ.

Thất Nương giảng cơ truyền ba Ngài phải chỉnh đàn cho nghiêm trang hầu tiếp giá. Nghe vậy, ba Ngài nửa mừng nửa sợ, lật đật sắm đủ hương đăng trà quả, chỉnh đàn cho có nghi tiết, đoạn hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc mới ngồi lại chấp

cơ. Cơ giáng như vậy :

“NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ
TÁT MA HA TÁT
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG.

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên.
Đạo mâu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

*Đêm nay, 24 Décembre, phải vui mừng vì là ngày của Ta xuống
trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà đặng
thấy đệ tử kính mến Ta như vậy... ”.*

Tuy nhiên, đến ngày cuối năm dương lịch 31-12-1925 (16-11-
Ất Sửu) thì các Ngài mới được biết AẢẢ là một tá danh của
Đức Cao Đài Thượng Đế. Đức Cao Đài dạy :

*“Bấy lâu THẦY vẫn tá danh AẢẢ là cốt để điều dắt các con vào
đường đạo đức hầu chẳng bao lâu đây, các con phải ra giúp
THẦY mà khai Đạo. Các con thấy THẦY khiêm nhường dường
nào chưa ? Các con nên bắt chước THẦY trong mấy mún thì
mới xứng đáng là con người có đạo đức ”.*

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

**ĐẠO CAO ĐÀI
SỰ HÌNH THÀNH CƠ ĐẠO**

* * * * *

Đã là đệ tử của Đấng Cao Đài Ngọc Đế, gọi Đức Ngài bằng
Thầy và xưng là Con, các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư,
Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, ... muốn lập tran thờ Đức
Ngài, nhưng chưa biết phải thờ ra sao ...

Trong đàn cơ ngày 7-12 Ất Sửu (20-1-1926), Đức Thượng Đế
dạy các Ngài phải đến gặp Quan Phủ Ngô Văn Chiêu để được
chỉ cách thờ Thầy. Khi các Ngài đến nhà Ngài Ngô thì được
Ngài đón tiếp niềm nở. Ngài hướng dẫn cách thức thờ Thiên

Nhân mà Đức THƯỢNG ĐẾ đã cho Ngài được thấy vào năm 1921. Kế đó quý vị lập đàn cầu Đức CHÍ TÔN. Đức Chí Tôn giáng cơ dạy các Ngài *Trung, Tắc, Cư, Sang, Đức, Hậu*,... phải hiệp với Ông Phủ Ngô Văn Chiêu mà lo mở Đạo. Đức Ngài lại dạy rằng mỗi mỗi việc chi đều phải do Ngài *Ngô là Anh Cả*. Nhờ cơ bút hướng dẫn, hai nhóm môn đệ của Đức THƯỢNG ĐẾ được gặp gỡ nhau trong tình huynh đệ vô cùng thân mật, tay bắt mặt mừng, còn hơn anh em ruột thịt cùng chung một nhà. Số Đồng Đạo bây giờ gồm có 13 vị Môn Đồ đầu tiên là :

- | | |
|--------------------|----------------------|
| 1. Ngô Văn Chiêu | 8. Cao Quỳnh Cư |
| 2. Vương Quan Kỳ | 9. Phạm Công Tắc |
| 3. Đoàn Văn Bản | 10. Cao Hoài Sang |
| 4. Lê Văn Giảng | 11. Lê Văn Trung |
| 5. Nguyễn Văn Hoài | 12. Trương Hữu Đức |
| 6. Lý Trọng Quý | 13. Nguyễn Trung Hậu |
| 7. Võ Văn Sang | |

Mọi việc đang tiến hành tốt đẹp trong niềm hân hoan của toàn thể quý vị Tiền Khai, thì một điều không hay xảy đến cho Cơ Đạo : Ngài Ngô Minh Chiêu không muốn truyền bá mối Đạo ra cho nhiều người. Ông vẫn lấy câu “*Ngô thân bất độ, hà thân độ*” mà làm tôn chỉ. Vì vậy mà ông tách riêng ra để lo bề tự giác kể từ ngày 13 tháng 3 năm Bính Dần (dl 24-4-1926).

Thật là một mất mát rất lớn lao cho Nền Đạo đang trong lúc phôi thai !

Sau khi Ngài Ngô Minh Chiêu tách riêng ra để ở nhà lo bề tự giác, Ngài Lê Văn Trung và các vị Tiền Khai khác vẫn vâng theo Thánh Ý lo thiết đàn giảng Đạo.

Vào đêm Rằm tháng 3 Bính Dần (26-4-1926), quý vị Tiền Khai tề tựu đông đủ tại tư gia Ngài Lê Văn Trung để tham dự **Lễ Thiên Phong Chức Sắc Đầu Tiên.**

Trong buổi lễ này, Đức Chí Tôn nhập thân vào xác phàm của Ngài *Cao Quỳnh Cư*, chấp bút nhang trần thần các bộ Thiên Phục và những Chiếc Ngai..., chấp bút nhang làm phép trục xuất Chơn Thần của Ngài *Phạm Công Tắc* để cho Chơn Thần

của Đức Phật Vi Hộ Pháp nhập vào xác của Ngài. Sau đó là phần minh thệ của chư vị Chức Sắc Tiền Khai.

Kể từ sau buổi lễ ấy, Chơn Linh Vi Đà Hộ Pháp (tức Phật Hộ Pháp) giáng ngự nơi thân thể Ngài Phạm Công Tắc. Do đó mà trong bài Kinh Đại Tướng có câu :

*Giáng linh Hộ Pháp Di Đà,
Chuyển cây Ma Xử đuổi tà trọc tinh.*

* Sau khi độ thêm được nhiều nhân vật có địa vị trong xã hội như Đốc Phủ, Tri Huyện, Thông Phán, Cai Tổng, Công Chức, Giáo Viên, Thương Gia, Yết Ma,... Đức THƯỢNG ĐẾ mới bắt tay vào Đạo Sự chánh là phổ độ Nhơn Sanh : ra lệnh cho tổ chức một số **Đàn Cơ Phổ Độ** để Đức THƯỢNG ĐẾ giáo Đạo và trực tiếp thân nhận Tín Đồ trong đại chúng. Sau đây là một số Đàn Cơ thường xuyên hoạt động :

- Đàn Hàng Dừa tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư.
- Đàn Chợ Lớn tại nhà Ngài Lê Văn Trung.
- Đàn Cầu Kho tại nhà Ngài Đoàn Văn Bản.
- Đàn Tân Kim tại nhà Ngài Nguyễn Văn Lai.
- Đàn Lộc Giang tại chùa Phước Long.
- Đàn Tân Định tại nhà Ngài Nguyễn Ngọc Thơ,
- Đàn Thủ Đức tại nhà Ngài Ngô Văn Điều.
- Đàn Chuyên Trị Bệnh tại nhà ông Trần Văn Tạ.

Đức Chí Tôn ban cho ông Trần Văn Tạ phép huyền diệu để cứu chữa bệnh nhơn, nhất là để giải bệnh tà. Ông Tạ nguyên trước kia là một nhân viên mật thám của Pháp được giao nhiệm vụ trà trộn theo dõi các hoạt động tại Đàn Cầu Kho, nhưng ông được Đức Chí Tôn gọi tên, độ dẫn nên trở thành một Tín Đồ trung kiên của Đạo.

Ngoài các đàn lệ thường xuyên hoạt động được kể trên, quý vị Tiền Khai còn có thiết lập thêm các đàn không thường xuyên ở nhiều chỗ khác để giúp vào việc phổ thông **Thiên Đạo**, như là : *Đàn Vĩnh Nguyên Tự, Đàn Long Thành Tự, Đàn Giồng Ông Tố, Đàn Hội Phước Tự, .v.v...*

* Đến tháng 8 Bính Dần (tháng 9-1926), số đồng đạo qui tụ đã

được khá đông, lên đến cả ngàn. Lúc bấy giờ, Ngài Lê Văn Trung đã là *Đầu Sư Thượng Trung Nhật*, sau khi lấy ý kiến chung và được mọi người nhất trí, mới kính bạch lên Đức Chí Tôn xin cho công khai hóa hoạt động truyền Đạo. Đức Chí Tôn dạy hai Ngài *Đầu Sư Thượng Trung Nhật* và *Ngọc Lịch Nguyệt* phải họp các huynh đệ lại để thảo luận thật kỹ về bản văn Khai Đạo, sau đó dâng lên cho *Đức Chí Tôn* duyệt trước khi gửi cho chánh quyền Pháp.

* **Đêm 23-8 Bính Dần** (29-9-1926), 247 bốn đạo tề tựu tại nhà ông Nguyễn Văn Tường, hẻm số 237 đường Gallieni, Sài Gòn (nay là đường Trần Hưng Đạo) để lập Tờ Khai Đạo. Buổi chiều hôm ấy, đột nhiên trời đổ mưa rất lớn, kéo dài khoảng 3 tiếng đồng hồ, làm ngập đường sá, giao thông bị bế tắc. Nhờ điều kiện thời tiết trợ giúp mà buổi họp không bị lính mật thám Pháp quấy rầy, và cũng đồng thời loại được những người hiếu kỳ chỉ muốn đến xem cho vui. Sau khi Đại Hội thống nhất nội dung Tờ Khai Đạo, Ngài Lê Văn Trung chịu trách nhiệm soạn ra văn bản bằng tiếng Pháp để gửi lên chánh quyền Pháp. Đại hội kết thúc vào khảng 9 giờ tối, và lúc đó trời cũng bắt đầu tạnh mưa. Đồng đạo lần lượt bình an ra về, như đã được Ông Trên hộ trì.

* **Ngày 1-9 Bính Dần** (7-10-1926), Ngài *Đầu Sư Thượng Trung Nhật* tuân lệnh Đức CHÍ TÔN, đến dinh Thống Đốc Nam Kỳ nạp tờ Khai Đạo với 28 chữ ký cho ông Thống Đốc Le Fol. Tiếp nhận Tờ Khai Đạo, một **Bản Tuyên Ngôn Chánh Thức** về việc thành lập Đạo Cao Đài, ông Thống Đốc Nam Kỳ đã hành xử rất khôn khéo : Vui vẻ tiếp nhận văn kiện nhưng không cam kết công nhận chánh thức mỗi Đạo.

Tờ Khai Đạo không phải là *Đơn Xin Phép Khai Đạo*, mà là *Bản Tuyên Ngôn Chánh Thức* của một số Tín Đồ Cao Đài, khai báo cho nhà cầm quyền Pháp biết là có một số người đứng ra thành lập một nền tôn giáo mới. Sau khi *Ngài Lê Văn Trung* đã nạp Tờ Khai Đạo cho chánh quyền Pháp, các vị Tiền Khai mới sắp xếp phân ra thành **Ba Nhóm Đi Truyền Đạo** ở các tỉnh. Kết quả cuộc phổ độ này rất khả quan : chỉ có một tháng mà độ được khoảng 150.000 người nhập môn cầu Đạo.

* Công việc quan trọng kế tiếp là chuẩn bị làm Lễ Khai Minh Đại Đạo trước Nhơn Sanh. Đức CHÍ TÔN ra lệnh cho các Chức Sắc tạm ngưng công cuộc truyền đạo ở Lục Tỉnh kể từ ngày 10-10 Bính Dần để về chung lo cho ngày **Đại Lễ Khai Đạo** vào **Rằm Hạ Ngươn** năm Bính Dần (19-11-1926).

Có thể nói, hầu hết những chi tiết của Ngày Đại Lễ, từ hình thức đến nội dung, nghi thức trong ngoài, từ số lượng Đồng Nhi Lễ Sĩ đến việc tiếp rước quan khách, xuất nhập thu chi, v.v... tất cả đều do Ôn Trên giảng cơ chỉ dạy từng chi tiết.

* **Ngày 15-10 Bính Dần** (19-11-1926) : Lễ Khai Đạo được tổ chức rất long trọng tại Thánh Thất tạm đặt tại chùa Gò Kén, tỉnh Tây Ninh. Lễ Khai Đạo được dự kiến trong vòng 3 ngày, nhưng vì nhơn sanh khắp nơi vẫn tiếp tục kéo về xin bái lễ và Nhập Môn Cầu Đạo quá đông nên buổi lễ phải kéo dài đến khoảng 3 tháng.

Mặc dầu gặp rất nhiều trở ngại trên bước đường phát triển Đạo, quý vị Tiền Khai luôn luôn nắm vững đức tin tiến bước đến mục tiêu mà Thượng Đế đã đề ra : KHAI MỞ ĐẠO TRỜI ĐỂ CỨU RỖI NHƠN SANH. Rốt cuộc sau 4 năm hiện hữu, Đạo Cao Đài đã có được hơn nửa triệu Tín Đồ.

Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát

(còn tiếp)

Đính Chính

Trong Tập San Thế Đạo số 50 tháng 11-2011, Mục Thi Văn Bạ Đọc, trang 130, Bài Thơ Thiên Tai của HT. Võ Thị Bạch Tuyết, có một chữ in sai, xin đính chính như sau:

Thay vì: Bể khổ trần gian đồng tử tơi

Xin chính lại là: Bể khổ trần gian sống tử tơi.

Thành thất cáo lỗi cùng Hiền Tỷ HT.Võ Thị Bạch Tuyết và quý độc giả.

Tập San Thế Đạo

Nghiệp báo nhân quả

Toàn Không

Nghiệp chữ Phạn là Karma, nghĩa là hành động từ ý nghĩ, lời nói đến việc làm.

I- Nghiệp báo nhân quả là gì?

Nghiệp chữ Phạn là Kamma, nghĩa là hành động từ ý nghĩ, lời nói đến việc làm. Tất cả đều sinh bởi ý muốn, có tác ý. Do đó nghiệp là tư tưởng, lời nói, việc làm có tác ý, nếu không có ý muốn sẽ không có nghiệp

Báo là trả lại, kết quả, như trả ân, báo phục: Ân trả ơn, oán báo thù.

Nhân là hạt giống, mất đi tái lại, theo cũ lập lại.

Quả là hậu quả của ý nghĩ, lời nói, hành động. Nghiệp ví như cái nhân cái hạt, quả ví như mầm, cây, lá, hoa, trái.

Tất cả những hành động từ thân, khẩu, ý đều tạo nghiệp. Tuy nhiên, những hành động không thiện không ác không tạo nghiệp, và những hành động không tác ý, không có ý muốn cũng không tạo nghiệp.

Nghiệp báo nhân quả thuộc về tâm thức, nó vô hình không thấy được, nhưng nó điều khiển cả vật chất lẫn tinh thần. Nghiệp quả trong phạm vi vật chất như giàu nghèo, mạnh yếu, thọ yếu v.v...; trong phạm vi tinh thần như vui sướng, buồn khổ, v.v...

Một nghiệp tốt mang lại kết quả tốt, có thể ở kiếp hiện tại hay ở kiếp tương lai. Cũng vậy, một nghiệp xấu mang lại kết quả xấu, ở ngay kiếp này hay ở kiếp mai sau.

Muốn thoát khỏi luân hồi, phải thoát khỏi nghiệp báo nhân quả. Muốn thoát khỏi nghiệp quả, phải từ bỏ nghiệp xấu. Muốn từ bỏ nghiệp xấu phải trừ hết ái dục, ái dục là vi tế ngủ ngầm của tham sân si, tức là sạch hết “Vô minh”. Sạch hết vô minh tức được giải thoát.

Có người chủ trương quá mức rằng dù có ý muốn hay không, dù có tác ý hay không, khi đã gây tội, đều có tội ngang nhau không hơn không kém. Lập luận này đưa đến sự phi lý. Họ đưa ra quan điểm lý luận rằng như khi một người vô tình chạm tay vào lửa và một người cố ý cho tay vào lửa đều bị cháy bỏng như nhau. Lập luận này không đúng, nếu một bào thai vô tình quay đạp trong bụng làm cho người mang thai đau đớn, cũng có tội hay sao? Một người lái xe vô tình gây tai nạn làm chết người khác, tội cũng ngang với kẻ giết người hay sao?

II - Nguồn gốc nghiệp quả

Tham sân si vi tế là ái dục ngu ngâm khó thấy. Hết tham sân si vi tế là hết ái dục, hết ái dục là hết vô minh. Chỉ có bậc đại Bồ Tát và chư Phật mới hết vô minh hoàn toàn. Thành ra chỉ có Phật và đại Bồ Tát mới hết tạo nghiệp, ngoài ra các hàng tu hành khác đều còn tạo nghiệp vi tế, dù vị ấy cảm thấy hết tham sân si.

Mọi người phải chịu trách nhiệm về những hành động từ ý nghĩ, lời nói đến việc làm của mình. Muốn sướng hay khổ hoàn toàn do mình tự tạo chứ không do một ai khác có quyền định đoạt sướng khổ cho mình. Vì vậy, muốn không bị tham sân si tà kiến thúc đẩy tạo nghiệp, chúng ta phải biết làm chủ lấy mình, không để những tư tưởng ý kiến vô căn cứ lung lạc ý chí của chúng ta.

Mỗi chúng sinh đều có quyền làm chủ lấy mình, khi họ quyết định tạo nghiệp thiện hay ác, nghiệp đã tạo rồi, họ không còn quyền định đoạt số phận của mình được nữa, mà nghiệp quả sẽ định tương lai cho họ được tốt hay xấu. Ngoại trừ họ tạo một nghiệp khác mạnh mẽ trái ngược lại mới có thể sửa đổi được nghiệp đã gieo ấy.

Một trong muôn nghìn nguồn gốc của tạo nghiệp là ngòi bút. Ngòi bút dạy bảo người làm điều tốt, nhưng ngòi bút cũng hướng dẫn người làm ác, cổ súy việc làm ác mà nhiều khi khó đo lường được hậu quả của nó. Ngòi bút còn độc hơn một thanh kiếm, hại hơn một khẩu súng. Kiếm và súng chỉ giết được một

số người, còn bút làm hại vô số người, giết vô số người. Ngòi bút đưa đến sự bất mãn cho cả một tập thể, gây sự đấu tranh cho cả một dân tộc, hay cả một nước v.v...

Tại sao ngòi bút lại có thể che đậy được chân ngụy? Vì ngòi bút khi bị tham sân si, tình cảm quyền lợi chi phối thì trí tuệ bị che lấp. Lúc đó ngòi bút sẽ là vũ khí gây tai hại cho biết bao người, ngòi bút ở đây tệ hại hơn súng đạn gươm đao rất nhiều là vậy. Trường hợp này người viết sẽ lãnh trách nhiệm về nghiệp báo nhân quả của họ.

Nhiều người mặc dù là trí thức, nhưng vì không nhận kỹ sự đúng sai của thiện ác, bị quan điểm thiên lệch, bè phái cố chấp, danh vọng địa vị v.v... đã dùng ngòi bút gieo rắc sai lầm cho nhiều thế hệ. Ngòi bút của những người này phát nguồn từ sự hận thù, từ ái dục, là thuốc độc ghê gớm nhất để giết chết điều thiện, đào hố sâu chia rẽ bởi kích động dục vọng của con người. Nếu họ dùng ngòi bút để kêu gọi tình thương yêu giữa người và người, giữa quốc gia và quốc gia, thì thế giới này đã không xảy ra khủng bố chiến tranh hết ở nơi này lại đến nơi kia, làm cho con người đã khổ lại càng khổ hơn. Thật đáng thương cho những người không chịu suy xét kỹ càng trước khi viết, nhưng những người tin theo, hùa theo ngòi bút của họ lại càng đáng thương hơn, vì họ đi vào con đường tối tăm mà họ không hay không biết, để rồi cùng lãnh hậu quả của nghiệp báo mai hậu.

Những người viết văn, nhà thơ, họa sĩ, người dựng kịch, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình, người làm chính trị v.v... có người đời sống khỏe mạnh thung dung, có người trở nên giàu có, nổi tiếng, là do bố thí bằng tài vật của họ, hoặc họ dùng phương tiện văn hóa để viết lên, diễn tả, nói lên những điều đạo đức. Như những tác phẩm chuyển hóa lòng người trở thành thánh thiện đạo đức, sẽ đưa dần tác giả đến hạnh phúc. Nếu thiếu một trong hai điều trên, người cầm bút sẽ chôn vùi đời mình trong nghèo túng, bệnh tật, hoạn nạn, khổ sở. Như những tác phẩm sai lạc, ích kỷ, hận thù, tà kiến v.v... Tác giả của những loại tác phẩm này đi dần vào khổ từ tâm hồn đến thể xác. Vì vậy muốn tạo được những tác phẩm lợi ích tốt đẹp,

người viết, người dựng kịch, làm phim, vạch đường lối v.v... phải gột rửa, trau dồi tâm hồn mình trước khi viết, làm.

Một nghiệp báo không phải do một nhân duy nhất, mà nó sẽ theo nghiệp nào mạnh nhất để trở quả. Như chỉ sai đường cho một người và chặt chân một người, tội chặt chân nặng hơn phải chịu quả báo địa ngục. Sau khi hết hạn địa ngục, được sinh làm người bị tật về chân như đi cà nhắc hay bị què. Còn nếu chỉ dẫn đường lối sai lầm, hoặc biết sai mà vẫn làm, hoặc giam giữ chúng sanh trong tối tăm, hoặc nói những điều tà kiến làm người khác hiểu sai, sẽ bị tật về mắt. Nếu phá cầu, phá đường, lấp lối, giam cầm người, vật, bẻ gãy hoặc chặt chân súc vật, sẽ bị tật về chân, đi đứng khó khăn v.v...

Những người săn bắn, sập bẫy, câu cá, thường bị đọa làm con vật hoặc con cá, nếu đủ phúc không bị đọa, sẽ làm người hay bị lừa gạt. Hình ảnh những con vật bị bắn, bị bẫy, bị nhử mồi là những hình ảnh mà những người ấy sẽ gặt quả tương ứng. Như bị dụ dỗ, bị lừa gạt, bị vấp ngã, sa hố, bị tai nạn, bị giặc lừa vào chỗ chết v.v...

III -Phân loại nghiệp quả

1)- Hình thức của nghiệp: Có hai thứ:

1.1- Vật chịu nghiệp: Có hai sự thực

- Về vật chất: Sự thực vật chất như cái ghế, cái nhà, con bò, con chim, cái xe v.v... Sự thực này biểu hiện rõ ràng, tức bản chất của nó.

- Về vi thể: Sự thực không biểu hiện khó thấy, trừu tượng, như phân tích cái ghế, cái nhà, con bò, con chim, cái xe, ta chỉ thấy những nguyên tử, tế bào, và năng lực tính chất kết hợp lại mà thành những thứ ấy. Sự thực không biểu hiện là sự thực cuối cùng, tức bản thể của mỗi sự vật.

Khi một sinh vật như người, con bò, con chim hiện hữu, luôn luôn biến đổi không ngừng, không thể tồn tại y hệt trong hai khoảng khắc kế tiếp nhau, nghĩa là ở khắc sau khác với khắc trước đó. Do đó không có một thực thể đơn thuần đồng nhất, không có một người cố định, mà chỉ có hành động, có tri giác,

có thức, mà không có người hành động, không có người tri giác, không có người ý thức. Tác ý hay ý muốn là động cơ phát xuất hành động nghĩ nói làm, là kẻ tạo nhân. Cảm giác thụ hưởng là kẻ nhận quả. Ngoài hai cái đó không có người gây nhân hay kẻ nhận quả. Cũng như một người do năm Uẩn (Sắc, Thụ, Tưởng, Hành, Thức) hợp lại, khi quả lành hay quả dữ xuất hiện, ta nói là may mắn hay xui xẻo.

1.2- Các loại nghiệp: Có hai loại nghiệp:

- **Biệt nghiệp:** Là nghiệp chỉ gây ra bởi một cá nhân, và khi nhận quả cũng chỉ một mình cá nhân ấy nhận lãnh.

- **Cộng nghiệp:** Nhiều người cùng nhau gây nhân cùng lúc, đến khi nhận quả mọi người cùng nhau nhận lãnh. Cộng nghiệp còn gọi là nghiệp chung, do cộng nghiệp mà những người cùng chung trong một điều kiện, một nước, một địa phương, một xóm, một tập thể, một chuyến máy bay, một chuyến xe phải chịu chung một bất hạnh, hay được một may mắn. Dĩ nhiên trong cộng nghiệp vẫn có biệt nghiệp riêng của mỗi người, như xe bị tai nạn có người chết, có người bị thương, nhưng cũng có người không hề hấn gì . . v.v...

2)- Hành động thiện ác gây nghiệp báo.

2.1- Hành động thiện tạo quả lành: Sinh lên cõi Trời, cõi Thần hoặc cõi Người được giàu sang, địa vị quyền uy, mạnh khỏe sống lâu. Các hành động thiện như:

- Bố thí, có lòng quảng đại giúp đỡ người về mọi phương diện.
- Trì giới, tránh làm ba điều ác về Thân, bốn điều ác về miệng, và ba điều ác về ý.

- Phục vụ tôn kính người đáng được phục vụ, đáng được tôn kính.

- Vui vẻ hoan hỷ vui mừng khi thấy người khác được phúc báo tốt đẹp.

- Học hỏi các điều hay lẽ phải trong Phật pháp, tu hành và giáo hóa chúng sinh.

- Giữ gìn vẹn toàn chính kiến không để quên và không để ái dục vô minh lung lạc.

- Nhớ nghĩ đến chúng sanh và hồi hướng phúc đức cho tất cả chúng sinh.

2.2- Hành động ác gây nghiệp dữ:

Các hành động ác như:

- **Sát sinh:** Giết hại tùy theo là bậc chân tu hay người thường, hoặc tùy theo sinh vật lớn hay nhỏ mà bị quả báo nặng hay nhẹ khác nhau. Sau khi chết đọa sinh vào Địa ngục, Súc sinh, hay trở lại làm người bị chết yểu, bệnh tật, hoạn nạn, chia ly, lo sợ, buồn rầu v.v...

- **Trộm cướp:** Lấy của không cho mà lấy từ tiền bạc, của cải, đến vật dụng v.v... tùy theo nặng nhẹ bị quả báo tương ứng, khi chết sinh vào cõi dữ. Nếu được tái sinh làm người phải làm việc khó nhọc, nghèo hèn, thất vọng, mất mát của cải, hân hạnh phúc gia đình bị tan vỡ, nghi kỵ bất hòa, cãi nhau, đánh nhau, không sao ngóc đầu lên được.

- **Tà dâm:** Hãm hiếp, dùng thủ đoạn lường gạt ái tình, trộm cướp hạnh phúc của người, gian dâm. Nếu được tái sinh làm người có vợ (chồng) không chung thủy, gia đình không hạnh phúc, có nhiều kẻ thù v.v...

- **Nói dối,** nói hai lưỡi, nói thiêu dệt, nói ác, có nói không, không nói có, lừa gạt người. Cùng một việc nói với người này thế này, nói với người kia thế khác. Nói thêm bớt không đúng sự thật, nói bóng nói gió đâm thọc. Chửi bới tục tằn, nguyên rủa thậm tệ. Nếu được tái sinh làm người hay bị vu oan, nói không ai tín nhiệm tin cậy, hay bị bệnh ở miệng, miệng hôi. Thân quyến xích mích, bạn bè xa lánh, và có nhiều người chống đối. Lại phải nghe những lời tục tằn thô lỗ độc ác v.v...

- **Uống rượu:** Uống rượu say có thể gây cả bốn nghiệp trên, hiện đời dễ mắc bệnh, chết sớm, gia đình mất hạnh phúc đi đến nghèo, con cái yếu đuối kém thông minh, kiếp sau làm người ngu dốt, mất trí, điên dại.

- **Tham lam đố kỵ:** Tham lam đủ thứ, thèm muốn lợi danh của người khác, luôn luôn chấp lòng ganh tị với kẻ khác. Nếu sinh làm người, sẽ là người không có ảnh hưởng, nói gì, làm gì

cũng không có người theo, và ái dục tăng trưởng mạnh làm cho người ấy càng đi sâu vào tội lỗi, gây thêm nghiệp ác.

- **Sân hận:** Thô lỗ, cục cằn, luôn giận dữ, nhả nhó, khó chịu. Người có tính sân giận hay gây gỗ, tìm đủ cách để bắt bẻ người, gây thù kết oán. Thường sau khi chết làm loài quỷ dữ, nếu được tái sinh làm người có thân hình xấu xí, mặt mũi khó coi, tính nết không ai ưa, và tính sân hận càng tăng trưởng gây thêm nghiệp xấu.

- **Ngu si tà kiến:** Người không chịu học hỏi tìm hiểu nghiên cứu, không chịu gần người có tài có đức để học hỏi các điều phải trái lành ác. Vì vậy hiểu biết sai lầm, những điều sai cho là đúng, những điều đúng cho là sai. Như không tin nhân quả nghiệp báo, không tin luân hồi sinh tử. Sau khi chết đọa vào cõi dữ, nếu được làm người sẽ là người tâm thần mê mẩn, ngu ngu khờ khờ, hoặc bệnh hoạn liên miên.

- **Kiêu ngạo ngã mạn:** Không tôn trọng người đáng tôn kính, tự tôn tự đại, khinh người, coi trời bằng vung, coi mọi người như cỏ rác, và không biết phục thiện. Khi chết đọa vào ác đạo, khi được trở lại cõi người nghèo nàn khốn khổ, bị người khinh rẻ, không dám ngẩng đầu lên.

- **Keo kiệt bủn xỉn:** Dù giàu dù nghèo mà suốt đời keo kiệt từng đồng, không cho dù với chút ít, từ phẩm vật, của cải, tiền bạc, đến lời chỉ bảo lợi ích. Người ấy sống keo kiệt ích kỷ, và không có lòng thương người nghèo nàn khốn khổ. Người ấy sau khi chết sinh vào cõi dữ, tái sinh vào nhân gian làm người nghèo hèn không của cải.

3)- Kinh Nhân Quả :

Để hiểu rõ về nhân quả, chúng ta lược trích một đoạn Kinh Đức Phật giảng dạy vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ như sau:

Một hôm vua Ba Tư Nặc đến viếng Đức Phật tại đạo tràng Kỳ Hoàn, sau khi cúi đầu lễ dưới chân Phật, Vua ngồi vào chỗ, liền hỏi thăm sức khỏe và hỏi Phật:

- Thưa Thế Tôn, các người quý phái (Bà la môn) sau khi chết

rồi sẽ trở lại sinh vào dòng quý phái không? Và các người dòng vua chúa quyền bính (Sát lợi), dòng nông công thương (Thủ đà la), dòng tột nô lệ (Chiên đà la) cũng thế chăng?

- Đại Vương, đâu được như vậy. Đại Vương nên biết có bốn hạng người, đó là:

1- Người từ tối vào tối:

Có người sinh vào nhà nghèo túng, làm các nghề hạ tiện, thân thể xấu xa, chết yếu, bị người sai làm các việc hạ tiện, đó gọi là tối. Ở trong chỗ tối, người ấy lại thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do nhân ác, khi chết sẽ sinh vào cõi dữ. Ví như người dùng máu rửa máu, như thế là người từ tối vào tối.

2- Người từ tối vào sáng:

Có người sinh vào nhà ty tiện nghèo hèn, làm nghề hạ tiện, đó gọi là tối. Nhưng người ấy ở chỗ tối thân làm lành, nói lời chân thật, ý nghĩ điều tốt. Do nhân duyên lành, khi chết sinh vào chỗ tốt, lên trời hoặc vào nhà giàu sang quyền quý. Ví như người từ ngựa bước lên voi, như người từ tối vào sáng.

3- Người từ sáng vào tối:

Có người được sinh vào nhà giàu có tiền của, thân đẹp đẽ, được ăn học, có tột sai bảo, đó gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này, thân làm việc ác, miệng nói những lời dối trá, ý nghĩ điên đảo ác độc. Do nhân duyên bất thiện, khi chết sinh vào cõi dữ địa ngục. Ví như người từ nhà lầu xuống ở bờ ở bụi, như từ sáng vào tối.

4- Người từ sáng vào sáng:

Có người sinh vào chỗ giàu sang, lắm tiền nhiều của, thân hình đẹp đẽ, có người sai bảo, ăn học tới nơi tới chốn, đó gọi là sáng. Ở trong chỗ sáng này lại thân làm việc thiện, nói lời ngay thẳng chính trực phải đạo, ý nghĩ cứu giúp chúng sinh. Do nhân lành, khi chết hóa sinh lên cõi trời. Ví như người từ nhà lầu đến nhà lầu cao đẹp hơn, như người từ sáng vào sáng.

Thời gian nhân trở quả có ba loại:

1- Hiện nghiệp: Nghiệp hiện tại lại chia ra hai loại:

- Quả lành trở trong kiếp hiện tại: Có những quả lành trở ngay

trong kiếp hiện tại, ví như học sinh chăm học, đi thi đậu vậy.

- Quả dữ trở trong kiếp hiện tại: Có những quả dữ trở ngay trong kiếp hiện tại, ví như làm ác giết người, trộm cắp, bị bắt bỏ tù giam giữ.

2- Hậu nghiệp: Những nghiệp trở trong các kiếp về sau. Hậu nghiệp này ai ai cũng có, và chúng ta không thể biết được nhiều nghiệp hay ít nghiệp, nghiệp nặng hay nhẹ. Chỉ có Phật và các vị đắc đạo có “Sinh tử thông” mới thấy được nghiệp báo nhân quả.

3- Nghiệp vô hạn định: Quả trở sinh bất cứ lúc nào từ hiện tại cho đến mãi về sau. Ngoại trừ khi giải thoát nhập Niết Bàn mới hết.

3)- Nghiệp căn cứ trên sự báo ứng:

Căn cứ trên sự báo ứng chia ra làm bốn loại:

1- Nghiệp nặng: Nghiệp nặng dù lành hay dữ cũng phải trở quả ngay sau khi chết đến cõi tốt hay cõi xấu. Một nghiệp nặng là hành động tạo tác nghiêm trọng, nó gây nghiệp chắc chắn trở quả trong hiện tại hoặc kiếp kế tiếp. Như người tu thiền định, tham thiền đắc quả, hoặc người phạm tội giết cha mẹ v.v...

2- Nghiệp gần: Nghiệp gần là nghiệp gần lúc lâm chung sẽ dẫn dắt đi thọ sinh nếu không có một nghiệp nặng quan trọng nào. Vì lẽ đó, thường phải nhắc nhở người sắp qua đời nhớ nghĩ các việc lành, tạo công đức lành, như bố thí, đọc kinh, trì chú, niệm Phật, tham thiền v.v... Như vậy, có khi người đáng lẽ phải tái sinh vào cõi xấu lại được sinh vào chỗ tốt. Mặc dù người này được sinh vào chỗ tốt, nhưng người ấy vẫn còn nghiệp xấu chờ trở quả vào bất cứ lúc nào chín mùi.

3- Nghiệp thường: Nghiệp thường là những hành động hàng ngày, những thói quen suy nghĩ hàng ngày ảnh hưởng đến lúc sắp chết. Các thói quen này đã ăn sâu vào tiềm thức, thành những thói quen tự nhiên mà ta ít để ý, nhưng sự thực nó đã tiềm ẩn trong tâm thức. Khi sắp chết, nếu không có một nghiệp đặc biệt nặng nào, ta thường nhớ lại những hành vi hình ảnh quen thuộc ấy, và nó sẽ dẫn dắt ta tái sinh. Như người đi

săn, người đi câu, người đồ tể, v.v... nhớ tới hình ảnh săn bắn, nhử mồi, sập bẫy, giết súc vật v.v... và nó sẽ dẫn người ấy vào cõi dữ.

4- Nghiệp tích trữ: Nghiệp tích trữ gồm tất cả những nghiệp không thuộc ba loại nghiệp vừa kể, nó giống như một nhà kho chứa các tạp nghiệp đủ thứ.

4)- Nghiệp cư ngụ ở đâu?

Nghiệp được tích chứa trong thức thứ tám là A Lại Đa Thức. Nghiệp là sự thu nhận tất cả các kinh nghiệm trải qua, là sự thu nhận những cảm giác, những thụ cảm, những hành động từ ý nghĩ, lời nói đến việc làm đều được ghi lại đầy đủ. Mặc dù vậy, nó không ở một nơi nào nhất định, nó vô hình vô tướng, nó nằm trong tâm thức luôn luôn biến đổi không ngừng như dòng nước chảy luân lưu bất tận. Nó chỉ phát hiện ra khi đủ nhân đủ duyên thích ứng. Cũng ví như một trái cây xuất hiện trên cây đúng mùa, tùy chỗ mà hiện quả, không nhất định trước ở chỗ nào cả. Nghiệp có năng lực chuyển từ kiếp này qua kiếp khác, và còn mãi mãi trong nhiều kiếp nếu trở quả chưa hết. Nghiệp giữ vai trò quan trọng trong việc cấu tạo tâm tính, trí thông minh, thiên tài của con người.

5)- Cách trả nghiệp quả:

Cách trả nghiệp báo nhân quả không nhất thiết phải là người mình hại kiếp sau người đó hại lại mình, mà có thể là một người khác hại mình. Tỉ dụ như ông X hại ông Y, kiếp sau ông X bị ông Z hại lại giống như ông X đã hại ông Y. Cũng có thể trở thành người trong gia đình bà con như cha mẹ, con cái, vợ chồng, họ hàng, bạn bè v.v... để trả ơn báo oán.

Vì quyến luyến yêu thương hết mức trong tình chồng vợ, một người lại có nghiệp làm Súc sinh sẽ dễ dàng tái sinh làm một trong những con vật trong gia đình ấy. Một người quyến luyến súc vật, mê thích súc vật đến độ không rời những con vật ấy được, lại có nghiệp vào Súc sinh, sẽ dễ dàng sinh vào loài mà người ấy đã ưa thích quyến luyến, làm bạn sống chung với chúng. Nếu không có nghiệp phải vào loài Súc sinh thì không

sao, đừng lo.

Nên nhớ, có sự khác biệt giữa lòng quyến luyến với lòng từ bi. Lòng quyến luyến là do ái dục điều khiển, như tình yêu vợ chồng, cha mẹ, con cháu, anh em, bạn bè, bà con, nhân tình v.v... Nó sẽ không còn hay mất luôn khi có sự thay đổi. Còn lòng từ bi là do lòng mong muốn cho vui hết khổ, thương cứu chúng sinh hết khổ được vui. Nó sẽ tồn tại mãi mãi như tình thương đối với kẻ cô đơn tật nguyên nghèo khổ khốn cùng.

V- Hiện tượng cái chết.

1- Tại sao chết?

Theo thế gian chết là do bệnh già chết, bị tai nạn chết, bị giết chết, tự tử mà chết, rủi ro mà chết v.v... Nhưng theo Phật giáo chết là do:

- Nghiệp hết khi năng lực tái tạo đã cạn thì sinh hoạt của cơ thể chấm dứt.
- Hết tuổi thọ như già chết, tuổi thọ dài ngắn tùy loài.
- Nghiệp xấu như sát sinh làm cho chết yểu, bị giết hay bị tai nạn chết đột ngột. v.v...

2)- Hiện tượng khi chết: Có ba hiện tượng:

1- Hấp hối: Nghiệp sắp hết, lúc đó người có ý nghĩ hoặc tốt hoặc xấu mà trong suốt đời người ấy đã hành động, đều hiện ra tất cả. Cái nghiệp nào mạnh hiện rõ ràng nhất trước mắt, nó hiện đi hiện lại rất nhiều lần. Nếu không có nghiệp nặng thì nghiệp gần nhất hiện ra. Nghiệp gần nhất cũng không có thì nghiệp thường làm hàng ngày, hoặc nghiệp tích trữ, nghiệp kiếp trước hiện ra. Nghiệp hiện ra đây cả nghiệp tốt lẫn nghiệp xấu trong lúc hấp hối sắp chết. Nhưng đa phần đối với người không tu thường thì nghiệp tốt rất ít, phần lớn là nghiệp xấu đây rầy. Bởi vậy cần phải tu hành là điều cần thiết nhất.

2- Hiện tượng: Hiện tượng ở đây dưới hình thức sáu trần là “sắc, thanh, hương, vi, xúc, và pháp” mà người ấy trong đời sống hàng ngày đã từng trải qua trong các hoạt động, nghề nghiệp. Như con vật bị bắn, bị bẫy, con cá bị mắc lưới câu đang giẫy chết; con vật bị chặt đầu, mổ bụng đối với người

săn bắn, câu cá, đồ tể. Như cảnh giết chóc, lấy tiền của, dâm dục v.v... đối với người giết người, trộm cướp, tà dâm, v.v...

3- Biểu hiện cảnh giới: Lúc hấp hối, người ấy cũng thấy cảnh giới mà người ấy sắp sinh vào. Như thấy cảnh giới đẹp có cung điện nguy nga lộng lẫy cõi Trời, nét mặt tươi sáng. Thấy cảnh đẹp cõi Thần, nét mặt tươi. Thấy nét mặt bình thản, trở lại cõi người. Sắp vào cõi Súc sinh có nét mặt sợ hãi. Sắp vào cõi Ngạ quỷ có nét mặt buồn. Sắp vào cõi Địa ngục có nét mặt vừa sợ vừa buồn.

Còn có thể biết sinh về đâu nếu ta thấy điểm nóng cuối cùng của người hấp hối chết nằm tại đỉnh đầu về cõi Cực Lạc, nằm tại trán sinh cõi Trời, nằm tại ngang hai mắt sinh cõi Thần, nằm tại vùng tim ngực sinh lại cõi Người, nằm tại bụng rốn sinh vào Ngạ quỷ, nằm tại đầu gối sinh vào Súc sinh, nằm tại bàn chân sinh vào Địa ngục.

Nếu ta quan sát nét mặt người hấp hối và sờ các điểm ấm vùng nêu trên, ta có thể biết được. Nhưng điều quan trọng là hướng dẫn người hấp hối như đọc Kinh, trì Chú, niệm Phật để dẫn tư tưởng người ấy theo hướng tốt lành.

Khi ngưng thở là hết một đời, và một đời sống mới kế tiếp sẽ khởi sự bắt đầu. Nên chết không phải là hết, chết không phải là tiêu diệt hoàn toàn. Dù một kiếp chấm dứt, cái tiềm lực làm sống vẫn còn, nhưng không phải hoàn toàn giống với chúng sanh đã chết. tuy nhiên không phải hoàn toàn khác, vì chung một luồng nghiệp. Cũng giống như châm lửa từ một ngọn đèn sang một ngọn đèn khác, ngọn đèn sau không phải là ngọn đèn trước, nhưng không có ngọn đèn trước thì không có ngọn đèn sau vậy. Người chết và người tái sinh cũng giống như vậy.

VI- Các thuyết quan hệ nghiệp báo.

Mỗi người khi sinh ra không giống nhau về mọi phương diện từ thể xác đến tinh thần, từ vật chất đến đạo đức. Sự thăng trầm của cuộc đời lại muôn phần sai khác. Nguyên nhân của sự khác biệt đó rất sâu xa khó hiểu, vượt khỏi tầm hiểu biết của người bình thường, nên họ không biết phải trả lời thế nào, không biết

phải giải quyết ra sao. Nên đã có một số lý thuyết được đề ra như sau:

1-Thuyết ngẫu nhiên:

Một số người giải thích sự khác biệt giữa mọi người là do sự ngẫu nhiên may rủi. Họ cho rằng mọi người đều có sự may rủi ngẫu nhiên mà có sự khác biệt giữa người sinh vào gia đình giàu sang quý phái hay vào gia đình nghèo nàn bần tiện, do sự ngẫu nhiên mà người này đẹp đẽ thông minh, người kia xấu xí đần độn v.v

Nếu công nhận sự ngẫu nhiên rủi ro thì dễ dãi quá, không có một sự lý luận của bậc trí thức, vì có tính cách buông xuôi. Nếu cho là ngẫu nhiên may rủi, tức không công nhận có đời sống trước, không công nhận có đời sống sau, tức không công nhận nhân quả. Đời sống chỉ bắt đầu từ lúc sinh ra và đời sống chấm dứt chẳng còn gì khi thở ra lần cuối. Như vậy, những người này sẽ sống vội vã để thụ hưởng và là những kẻ giành giật làm cho xã hội mất đi sự công bằng, tạo nên khủng hoảng xã hội, và tội ác sẽ đầy rẫy khắp nơi không thể nào dập tắt được.

Hơn nữa, nếu công nhận ngẫu nhiên may rủi, không thể giải thích được về trí tuệ của những người có cùng một sở thích sống trong cùng một hoàn cảnh, mà tính khí người này lại khác với người kia. Tại sao vậy? Và thuyết ngẫu nhiên may rủi không thể giải thích được trường hợp “Thần đồng” cùng trong môi trường sống của một xã hội nhưng lại xuất chúng về tài năng.

2- Thuyết khổ hạnh:

Có người chủ trương chỉ có khổ hạnh mới trừ hết tội lỗi đã gây ra. Họ dùng những cách hành hạ xác thân như tự đánh đập mình, chỉ đứng một chân, phơi nắng chống tay chống chân lên trời, nằm trên sỏi trên gai, ăn cỏ v.v... Họ cho rằng chỉ có khổ hạnh mới diệt hết được nghiệp đã gây và được giải thoát an vui. Nhưng những người này không biết nghiệp quá khứ họ đã làm gì gây tội. Họ cũng không biết cần phải tu loại khổ hạnh nào trong bao lâu để dứt khổ và được giải thoát. Họ đã thực hành dựa trên sự không biết, nên chẳng biết kết quả sẽ ra sao?

Họ cũng không biết rằng nghiệp báo nhân quả thuộc tinh thần mà họ đầy đọa xác thân thuộc vật chất, thì làm sao gột rửa được nghiệp báo?

3- Thuyết có một Thượng Đế:

Nhiều người tin có một vị Chúa tể của loài người, có uy quyền rộng lớn, có phép thần thông biến hóa bao trùm hết vạn vật con người. Họ quy trách nhiệm cho vị Thượng Đế tối cao làm mọi việc mà họ không thể giải thích được. Họ chỉ cần nói: “Thượng Đế muốn như vậy, mọi người phải tuân theo như vậy, không có thắc mắc, không được oán trách quyết định của Thượng Đế tối cao. Họ yên tâm lễ bái cầu xin vị ấy tha tội và ban ơn cho họ được thế này hay thế khác, chấp thuận hay không là quyền của Thượng Đế. Quan điểm này họ truyền lại cho thế hệ sau”. Có người nói: “Con người trở thành nô lệ cho một vị Thần linh tưởng tượng đã được dựng lên”. Họ còn nói: “Con người tạo ra Thượng Đế theo ý của con người và theo hình ảnh của con người, chứ sự thực, không một vị Chúa tể nào lại có thể đủ thời giờ nhòm ngó vô lượng chúng sanh về mọi vấn đề trong cùng một lúc ở khắp mọi nơi. Vả lại, đã là Thượng Đế, tức là bậc toàn giác, toàn trí, toàn năng, toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ, sao lại bất công giữa người này và người kia? Tại sao có người sinh vào nơi giàu sang quyền quý sung sướng, có người sinh vào chỗ nghèo hèn khổ sở? Tại sao có người sinh ra đẹp đẽ thông minh, có người sinh ra xấu xí ngu đần tật nguyên mù điếc ngọng câm dị hình dị thể? Tại sao người khoẻ mạnh, sống lâu, kẻ ốm đau, chết yểu? Tại sao Thượng Đế lại không công bằng như thế?”

Rev. W Kirkus viết trong *Orthodoxy Scripture and Reason* nơi trang 34: “Rõ ràng không thể chứng minh một cách chính xác sự hiện hữu của Thượng Đế. Cho đến nay, hầu hết đều nêu lên ở tiền đề như dẫn chứng, những gì phải được chứng minh ở phần kết luận.....Ta đi đến chỗ phải nhìn nhận rằng có những tội lỗi xấu xa nằm trong vũ trụ. Và điều ấy là trách nhiệm của Thượng Đế. Chúng ta không thể phủ nhận khuyết điểm của Thượng Đế đã cho phép tội lỗi và đau khổ tồn tại”

4-Thuyết của Khoa học:

Các nhà Khoa học dựa vào sự quan sát của năm giác quan để giải thích về sự chênh lệch giữa người này và người kia. Họ cho rằng sự chênh lệch là do nguyên nhân vật lý, hóa học, tổng hợp, truyền thống, xã hội.

Nhà sinh lý học Julien Huxley nêu ra những đơn vị sinh lý gọi là “Gene”, tế bào cực nhỏ có ảnh hưởng đến cấu trúc của cơ thể con người mà họ tìm thấy trong tinh trùng của người cha truyền cho con. Tế bào cực nhỏ này có ảnh hưởng đến tuổi thọ, sức khỏe, thông minh con người. Tuy nhiên về tinh thần phức tạp, không thể chứng minh cụ thể, và không thể xác nhận rõ ràng như về thể chất.

Thành ra, giải thích về hiện tượng lý hóa chỉ đúng một phần về thể chất chứ không đúng hẳn. Còn về tinh thần lại càng mù mịt không rõ ràng. Vì sao? Vì nhà Khoa học không thể giải thích được trường hợp hai trẻ sinh đôi có cùng một thứ gene của cha mẹ, cùng một môi trường như nhau, dù giống nhau nhưng vẫn có điểm khác nhau. Nhất là tính nết mỗi đứa trẻ một khác nhau, tại sao thế? Ngay cả khi cha hoặc mẹ có một bệnh kinh niên nào đó, khi sinh con hoàn toàn khỏe mạnh không có bệnh ấy. Khoa học không giải thích được.

Về truyền thống gia đình không thể giải thích được sự khác biệt tính nết giữa các người trong gia đình nhiều khi trái ngược nhau. Cũng không giải thích được do đâu có những thần đồng, vĩ nhân, mà người trong gia đình của thần đồng vĩ nhân không có, kể cả các thế hệ trước hay thế hệ sau cũng không có đặc tính thần đồng vĩ nhân ấy. Vì vậy thuyết truyền thống cũng không đứng vững.

5-Thuyết của Phật Giáo:

Rất may có thuyết “nghiệp báo nhân quả” của Phật giáo giải thích từng chi tiết tỷ mỉ qua quá trình nhiều kiếp liên tiếp. Luật nghiệp báo nhân quả là một chân lý của sự thật, nó tương đương với chân lý về khổ, chân lý về vô thường. Tuy nhiên nó thuộc lãnh vực cao hơn, phức tạp hơn, mà ai hiểu được, thấy

được, người này có đủ chính kiến để sống an vui.

Đức Phật không công nhận thuyết cho rằng có một vị Chủ tế duy nhất toàn trí toàn năng tối thượng. Phật giáo bác bỏ quan điểm cho rằng có một linh hồn trường cửu được tạo nên bởi sự ngẫu nhiên và độc đoán. Phật giáo nêu lên định luật chân lý thiên nhiên, không phải là một đấng Thượng Đế toàn năng hay một đức Phật toàn năng tạo nên. Theo định luật chân lý thiên nhiên thì mỗi hành động đều gây nên một phản ứng tương xứng, mà người đời lầm tưởng là một sự ban ơn hay trừng phạt.

Phật giáo bác bỏ thuyết ngẫu nhiên may rủi, và chỉ công nhận một phần thuyết về truyền thống và giới thân cận giáo hóa của khoa học mà thôi. Phật giáo bổ khuyết cho sự thiếu sót bằng luật nghiệp báo nhân quả, tức là tổng hợp hết các hành động của một người trong quá khứ và hiện tại. Chính ta phải chịu trách nhiệm về những hành động của ta mà được an vui hay đau khổ. Chính ta tạo thiên đường hay địa ngục cho ta, chính ta tạo tương lai cho ta. Không ai có thể quyết định được tương lai của ta qua các hành vi tạo tác.

Thời Phật còn tại thế, một hôm có một thanh niên đến hỏi Ngài về sự khác biệt giữa người nọ và người kia, đức Phật trả lời: “Tất cả mọi người đều mang theo cái nghiệp của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như người chí thân, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng của mỗi người mỗi khác, nên mới có sự khác biệt giữa người nọ và người kia”.

Do sự khác biệt giữa các nghiệp của mỗi chúng sinh, nên người sống thọ kẻ chết yểu, người giàu sang kẻ nghèo khổ, người đẹp đẽ thông minh kẻ xấu xí đần độn, người được tôn trọng kẻ bị khinh khi, người có quyền cao sai bảo kẻ phải hầu hạ vâng làm. Chính do nghiệp chuyển mà chúng sanh luân chuyển tồn tại không ngừng trong sáu cõi. Do nghiệp chuyển mà chúng sinh được tôn vinh sung sướng hay bị chê bai khổ sở. Do nghiệp chuyển chúng sinh vướng mắc cấu hợp với nhau, xoay vần như bánh xe quay mãi mãi.

VII - Nghiệp chuyển nên tái sinh.

Theo khoa học, con người do cha mẹ sinh ra, nên trước đời sống có đời sống. Nhưng khoa học không thể giải thích người đầu tiên ở đâu ra.

Đối với Phật giáo chủ trương thời gian “vô thủy vô chung” (không có khởi đầu, cũng không có sau cùng), về không gian “vô biên” (không gian vô tận, không có biên giới). Chúng sinh như những dây chuỗi vô tận. Chính do hành động tạo nghiệp của ta trong quá khứ tạo điều kiện tái sinh. Chính thần thức mang theo nghiệp gá vào tinh cha huyết (trứng) mẹ, nên có nguồn sống cho bào thai. Chính nghiệp lực vô hình từ quá khứ là hiện tượng tâm linh tạo cơ hội cho “tế bào mầm” nảy nở phát triển khi đủ nhân duyên. Nó là chủng tử là mầm sống. Đừng hiểu lầm đây là linh hồn bất tử. Tại sao? Vì nếu là linh hồn bất tử, nó có quyền lựa chọn chỗ tốt mà đến, không thèm lựa chỗ nghèo nàn khổ sở. Còn thần thức do nghiệp đưa đẩy không có quyền lựa chọn, mà tùy nghiệp thiện ác đã làm mà phải đến nơi tương ứng lành dữ.

Sự sinh tử luân hồi giống như quả đất quay quanh mặt trời, lúc mặt trời lặn ở phía Tây châu Mỹ, là lúc mặt trời mọc ở phía Đông châu Á. Nghĩa là một người vừa tắt thở, sẽ có một chúng sinh khác ra đời. Nó cũng giống như làn sóng nhấp nhô trên biển cả, khi chết mất sóng, khi sinh sóng nhô lên. Vô số chúng sinh chết đi sinh ra nhấp nhô như sóng biển. Sinh tử, tử sinh của kiếp sống luân hồi mãi mãi như thế. Chỉ khi nào ái dục bị cắt đứt hoàn toàn, vô minh sạch hết mới không còn tái sinh nữa mà vào Niết Bàn an vui đời đời. Tái sinh ở đây bao gồm cả sáu cõi chứ không chỉ một cõi Người mà thôi.

1-Do đâu tin có tái sinh?

Nghiệp tác động tạo điều kiện để tái sinh. Nghiệp quá khứ tạo điều kiện tái sinh kiếp này. Nghiệp quá khứ và nghiệp kiếp này tạo điều kiện tái sinh kiếp sau. Khi đang thọ quả ta lại tạo nhân, do đó nhân quả còn mãi mãi.

Trong các Kinh đức Phật nói rất nhiều về các kiếp của chính

Ngài và nhiều người khác. Nếu chúng ta đọc Kinh sách của Phật giáo sẽ thấy chuyện tái sinh đầy rẫy rất nhiều. Theo dõi báo chí thỉnh thoảng chúng ta cũng thấy nêu lên chuyện có người nhớ được tiền kiếp của mình. Thiết tưởng chuyện tái sinh hầu như trên thế giới ngày nay coi như chuyện bình thường, không còn mấy người ngạc nhiên hay thắc mắc nữa.

Bác Sĩ Edgar Casey tại Hoa Kỳ vào đầu thế kỷ thứ 20 mà nhiều người đã biết. Ông chuyên bắt mạch định bệnh bằng thiền định và dùng mắt thần để nhìn các kiếp trước của bệnh nhân, mà người ta gọi là dùng “thôi miên” để nhìn xem người bệnh đã trải qua các kiếp trước như thế nào để định bệnh cho bệnh nhân và chữa trị trong mấy chục nghìn trường hợp, mà hiện hồ sơ còn được lưu giữ.

Bác sĩ Edgar Casey có dùng thuốc chữa trị cho bệnh nhân, nhưng rất ít. Ông thường bảo bệnh nhân tu sửa lối sống, tu sửa nội tâm, và làm việc thiện để tự chữa bệnh. Những bệnh nhân tin tưởng làm theo đều có kết quả cụ thể. Nhưng có những trường hợp ông cho biết bệnh không thể hết vì nghiệp quá nặng, không thể cứu vãn dù có gia tăng phúc đức hiện tại cũng chỉ được hưởng ở kiếp sau, chứ kiếp này không thể làm gì hơn được nữa. Cũng như quả ác đã chín mùi rồi phải lĩnh thụ đền trả nghiệp xưa.

Không thể giải thích hiện tượng thần đồng, nếu ta không giải thích bằng nghiệp báo tái sinh luân hồi của một em bé mới hai ba tuổi đã nói được nhiều thứ tiếng ngoại quốc. Chỉ có thể giải thích rằng em bé kiếp trước đã là người được học nói nhiều thứ tiếng ngoại quốc mà thôi.

2)- Những trường hợp gây nghiệp xấu:

Như đã nói ở trên về các nghiệp ác, chúng ta xét thêm vài trường hợp đặc biệt gây nghiệp xấu như:

1- Hứa hẹn:

Hứa hẹn mà không giữ lời hứa, kiếp sau sẽ bị người hứa hão lại, buôn bán gì cũng thất bại. Vậy kiếp này chúng ta hãy tập giữ lời hứa, cố ghi nhớ lời hứa. Vì hứa là làm cho người hy vọng

vào ta, rồi không làm theo lời hứa, tức là làm cho người thất vọng buồn rầu. Hơn nữa, ta nên làm gấp hai gấp ba lời hứa, thì nghiệp báo đời sau sẽ gấp lên hai ba chục lần, vô cùng tốt đẹp.

2- Phỉ báng:

Phỉ báng, nói xấu, hay nhục mạ người khác đưa đến kiếp sau làm người thấp hèn, mắc bệnh lở loét hôi hám xấu xa. Nếu phỉ báng bậc Thánh tội đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh. Khi được trở lại làm người là người bị một trong bệnh tật: méo miệng, sứt môi, câm, ngọng, cùi hủi. Muốn tránh những quả báo ấy, chúng ta nên hướng tâm về chư Phật và chư Bồ Tát khởi lên niềm tôn kính vô biên. Chúng ta cũng nên có tâm thương yêu kính trọng mọi người. Ngoài ra đối với mọi loài, chúng ta cũng trái lòng thương vô bờ bến, phúc đức dần dần sẽ tới với chúng ta vô lượng vậy.

3- Nghiệp quả tái sinh có thể giải thích:

Thuyết nhân quả nghiệp báo và tái sinh có thể giải thích:

- Sự khác biệt giữa người nọ và người kia.
- Sự xuất hiện của thần đồng và vĩ nhân.
- Hai trẻ sinh đôi có cá tính khác biệt.
- Trẻ con tự nhiên có tật xấu như tham, sân, si v.v...
- Tại sao mỗi người đều có tính xấu và tính tốt.
- Tại sao có người sung sướng, có người đau khổ. . .

VIII - Hóa giải nghiệp xấu:

Một số người lầm tưởng chỉ cần tu thiền định hay niệm Phật, không cần để ý đến mười điều lành (là ba điều về thân, bốn điều về miệng, và ba điều về ý) phải thực hành, hay giữ năm giới. Nếu không giữ gìn sẽ không dễ dàng yên ổn để tu Thiền hay Tịnh, mà bị các nghiệp quấy phá như nghèo túng phải làm việc cực nhọc, bệnh hoạn, ngứa ngáy, buồn ngủ, tê chân ngồi thiền không được v.v... và bị sống trong không tiện lợi cho việc tu hành. Ngoài việc giữ giới, hóa giải nghiệp xấu còn có:

1- Làm các việc phúc đức: Như:

- 1- Bố thí với tâm trong sạch, không ganh tị, không khoe khoang

hẹp hòi. Bối thí thể hiện chân thật của tình thương, không ở miệng lưỡi, mà ở cử chỉ và hành động.

2- Phóng sinh chim, cá, ốc, cua, tôm, sò, hến, v.v... hóa giải ngục tù, hóa giải mạng sống đang bị đe dọa bởi bệnh nan y. Người không nghiệp sát sinh, mà phóng sinh được hưởng sự bình an lại sống thọ, không bị bức bách bởi bệnh khổ..

3- In Kinh sách Phật hoặc góp phần in Kinh sách Phật để giáo hóa chúng sinh tạo công đức rất lớn lao.

4- Đã có vị Thầy chữa bệnh nan y bằng cách yêu cầu bệnh nhân viết mười điều lành trên mười tờ giấy, rồi bệnh nhân đưa cho mười người thân hữu, mỗi người cũng làm tương tự như thế để có 100 người thực hành mười điều lành để hồi hướng công đức làm lành ấy cho người bệnh. Người bệnh đã giải trừ được bệnh nan y do nghiệp ác gây ra, và còn có lợi về lâu về dài của 100 người ấy nữa.

2- Duyên hỗ trợ và duyên cản trở nghiệp:

1- Duyên hỗ trợ làm cho nghiệp quả dễ sinh, thuận lợi cho quả trở. Như sinh vào gia đình giàu có tiền của làm cho quả lành dễ phát sinh, vì được ăn học nên đỗ đạt hiển vinh v v...

2- Duyên cản trở làm cho nghiệp báo không phát ra được. Như sinh vào gia đình nghèo quả lành không phát sinh được, vì không tiền ăn học, nên không đỗ đạt hiển vinh, khó giàu có được v.v...

Dung mạo cũng là yếu tố quan trọng làm cho một người thành công hay thất bại. Một người đẹp đẽ tuy nghèo nhưng vẫn được cảm tình của những người khác, ngược lại một người xấu đẽ gây ác cảm với người đối diện.

Dù không hoàn toàn lệ thuộc nghiệp, nhưng ta cũng không hoàn toàn làm chủ được mình. Những yếu tố trợ duyên hay phản duyên sẽ ảnh hưởng đến nghiệp do sự tái sinh. Do nghiệp hỗ trợ hay nghiệp cản trở, mà có thể một người làm ác khi chết sinh vào chỗ tốt lành, một người làm thiện khi chết sinh vào chỗ dữ. Khi gặp sự gì xảy đến, chúng ta phải nhận định rằng

mình đang gặt quả mà mình đã gieo, đang hưởng hay trả nợ trong quá khứ. Nhưng chúng ta không nên hưởng hết phúc cũ mà phải tạo thêm phúc mới; chúng ta cũng phải cố gắng diệt trừ nợ xấu bằng cách gieo giống tốt để có tương lai tốt đẹp.

IX- Nghiệp không giống định mệnh:

Nguyên nhân sự chênh lệch khác biệt giữa người này và người kia là do nghiệp, nhưng không phải hoàn toàn như vậy. Nếu tạo nghiệp gì phải chịu quả ấy cũng giống như thuyết “định mệnh an bài”, mọi sự đã được định sẵn, có sẵn số phận, không thể thay đổi được. Tất cả phải tuân theo, tất cả phải gánh chịu theo “số mệnh”, không một ai được tự mình cải thiện đời sống hiện tại và tương lai của mình.

Nếu tin vào một vị Chủ tể có toàn quyền định đoạt số phận của ta, và ta phải tuân theo, cũng giống như tin rằng Nghiệp tạo ra số phận của ta, ta phải tuân theo không thể chống cãi lại được. Tuy nhiên thuyết nghiệp báo nhân quả của Phật giáo không phải với ý nghĩa cứng nhắc như thế. Tại sao? Vì tùy vào nhân duyên liên quan để phát triển nhân quả như sau:

1- Môi trường: Nhân duyên liên quan đến môi trường như thời tiết nóng lạnh, nắng mưa, bão tuyết v.v...

2-Vật thể: Nhân duyên liên quan đến vật thể là giống nào có dòng ấy như hạt lúa sinh cây lúa, hạt cam sinh cây cam v.v... Việc này liên quan tới tế bào cực nhỏ (gene) mà các nhà khoa học đã khám phá ra.

3- Hành động: Nhân duyên liên quan đến hành động thiện hoặc ác đưa đến quả báo lành hoặc dữ. Đây là luật tự nhiên, chứ không phải là thưởng hay phạt, mà nhiều người lầm tưởng có bàn tay của một vị Tối cao.

4- Hấp lực: Nhân duyên liên quan đến hấp lực trong vũ trụ, sức hút của mặt trời, trái đất, mặt trăng v.v... Như khi Bồ Tát muốn thị hiện mà vào thai mẹ để sinh ra và giáo hóa chúng sinh.

5- Tâm thức: Nhân duyên liên quan đến tâm thức như thần giao cách cảm, tâm lực, huệ nhãn, huệ nhĩ, tha tâm thông v.v...

mà khoa học chưa giải thích được.

Do năm nguyên tắc trên, Phật giáo có thể giải thích tất cả các hiện tượng vật lý, sinh lý, và tâm lý trong vũ trụ. Năm nguyên tắc trên không do một oai lực thiêng liêng nào tạo nên cả.

Đúng là làm thiện hưởng quả lành, làm ác hưởng quả dữ, nhưng không hẳn đúng là như vậy. Nếu ta biết rằng ta đã làm ác, và ta cố ý tạo việc thiện khác để hóa giải làm dịu nghiệp lực ác. Chúng ta có đủ năng lực để chuyển cái nghiệp ác thành vô hiệu, nhiều hay ít là tùy ta làm được nhiều hay ít việc thiện. Nó tùy thuộc ở ta và hành động thiện của ta. Do đó, ta sẽ không bị nghiệp trói buộc như “định mệnh, số phận an bài”, hay “tiền định” do một oai lực huyền bí định đoạt mà ta không thể sửa đổi được

Ta phải đặt tất cả lòng tin nơi ta, tạo an vui cho ta và cho tất cả. Tin tưởng sự tinh tấn nơi ta, không đặt lòng tin nơi nào khác, vì chỉ có ta mới mang lại hạnh phúc cho ta mà thôi. Chính ta là người xây dựng hay phá đổ tương lai của ta. Chính ta tạo thiên đường cho ta, và cũng chính ta tạo địa ngục cho ta, hoàn toàn tùy thuộc nơi ta. Chính những ý nghĩ, lời nói, việc làm của ta đưa đến nghiệp quả tốt xấu cho tương lai của ta.

Bởi vậy sự cố gắng làm lành tránh làm ác của mỗi người là quan trọng hơn cả, vì ta có thể tạo nghiệp tốt để chuyển đổi nghiệp cũ xấu, tạo hoàn cảnh mới thuận tiện. Khi có hoàn cảnh để trợ duyên mà không cố gắng, tức bỏ lỡ cơ hội, lúc quả dữ tới dịp phát tác là ta mất cơ hội tốt rồi.

X - Kết luận về nghiệp quả.

Nghiệp báo nhân quả là con đường vô hình, không thấy, nên nhiều người không tin. Đúng, vì chúng ta không mắt thấy tai nghe, và chỉ khi nào mắt thấy tai nghe chúng ta mới tin. Nhưng, qua lịch sử đã chứng minh, có những sự mắt thấy rõ ràng mà lại sai lầm. Như hồi thế kỷ thứ mười sáu tại Âu châu, người ta thấy rõ ràng mặt trời và tất cả tinh tú quay quanh trái đất. Mặt đất trông như một mặt phẳng. Nên mọi người bảo là chỗ chúng ta ở là trung tâm vũ trụ, tất cả mặt trời, mặt trăng, và các tinh

tú có nhiệm vụ xoay vòng chung quanh nó v.v... Vì vấn đề này, nên đã làm khổ một số người, trong đó có các nhà khoa học vì đã nói rằng : “Không phải như thế, mà quả đất quay quanh mặt trời”. Nhưng họ cho rằng đó là lời của “tà giáo dị giáo”, vì không đúng với mắt họ thấy và nhất là đi ngược lại Kinh sách của họ. Phải đợi mãi vài trăm năm về sau mọi người mới tin các nhà khoa học đúng, thì đã lỡ muộn mất rồi!

Đây là vật chất, vật thể, nhìn thấy được, mà còn nhìn sai, hướng là vô hình không thấy như nghiệp báo nhân quả. Nhưng chúng ta yên tâm tin tưởng vì đã nói ra bởi đức Phật, một bậc toàn giác, biết tất cả sự thật trong vũ trụ. Lại nữa biết bao nhiêu trường hợp của những người nhờ được kiếp trước nên đã chứng minh nghiệp báo nhân quả tái sinh là có thật.

Một vấn đề được đặt ra, đó là có người cả đời hiền lành lại hay bị tai ương, đời sống ngăn ngủi, như bị tai nạn, nước, lửa, thiên tai, hay bệnh rồi phải qua đời, tại sao? Vì nghiệp quá khứ thường do từ sát sinh, quá nặng. Đáng lẽ phải trả trong ác đạo, nhưng vì một nghiệp thiện nào đó người này đã không bị đọa vào cõi dữ, và đời này ăn ở đạo đức nhưng vẫn bị tai ương chết yểu. Đó là do nghiệp nặng cũ hoành hành, nếu người ấy không ăn hiền ở lành, còn bị nặng hơn nữa. Nhờ có đạo đức nên đã vơi đi phần nào, và kiếp sau sẽ được giàu sang tốt đẹp hơn. Còn kẻ làm ác lại nhờ nhờ khỏe mạnh giàu có, vì họ hưởng phúc từ đời trước. Đã hưởng hết phúc lại tạo ác, đời sau chắc chắn họ sẽ phải sống đời tương ứng trong khổ sở. Vì vấn đề phức tạp này của nghiệp báo nhân quả, mà nhiều không hiểu, không tin.

Trong một nước, người đứng đầu rất quan trọng. Cũng như một đàn trâu rừng, con đầu đàn hướng dẫn đàn trâu lội qua một khúc sông khúc suối. Nếu nó biết lựa chọn, nó quan sát kỹ càng lựa chỗ tốt để dẫn cả đàn trâu qua một cách êm xuôi dễ dàng. Nếu nó không biết quan sát lựa chọn, nó sẽ dẫn đàn trâu vào nguy hiểm như bị nước cuốn, ghềnh đá mấp mô, hoặc gặp đàn cá sấu giết hại ăn thịt. Người đứng đầu một nước, một vùng, một khu cũng vậy, phải đủ đức tính của một người lãnh đạo như thông minh, biết nhiều, khỏe mạnh, đạo đức. Lại biết thương

dân, vì dân, công bằng, liêm chính, biết dùng người tài giỏi trong mỗi ngành chuyên môn v.v....Người lãnh đạo còn phải sống gương mẫu cho người dân bắt chước sống theo. Từ thái độ sống của người dân sẽ ảnh hưởng đến đời sống vui khổ của họ.

Tóm lại, đức Phật dạy:

“Nếu nói “Người nào làm nghiệp gì phải chịu quả báo cố định như thế”, nếu sự kiện đúng như vậy thì không có sự tu hành, không có cơ hội để đoạn diệt đau khổ.

Nếu “Người gây nghiệp thế nào tức là có tội thế ấy”, nếu như vậy thì có sự tu hành, có cơ hội để diệt đau khổ.

Ở đây, có người không tu tập về thân, về giới, về tâm, vị kỷ (vì mình), nhỏ nhen; người như vậy, dù có làm nghiệp ác nhỏ cũng đủ đưa vào Địa ngục.

Còn người có tu tập về thân, về giới, về tuệ, không vị kỷ, không nhỏ nhen; người như vậy dù có làm việc ác nhỏ tương tự, ngay trong hiện tại, một chút khổ báo cũng không có, huống là nói nhiều ư?

Ví như bỏ một nắm muối vào một bát nước nhỏ, nước đó sẽ mặn, còn bỏ nắm muối vào một dòng sông, nước sông không thể mặn được. Sự kiện là như vậy, có tu hành là có cơ hội diệt khổ”.

Nhân quả nghiệp báo là có, nhưng nếu tu hành giữ giới làm lành tránh ác, nghiệp ác sẽ rửa được. Cho tới khi tu hành đắc đạo, nghiệp báo sẽ hết luôn. Mọi người từ vô thủy tới giờ đã tạo biết bao nhiêu tội lỗi, gây biết bao nhiêu nghiệp chồng chất. Vì thế cho nên, kể từ ngày hôm nay ta bắt đầu làm nhiều việc thiện, giữ giới trong sạch từ thân miệng ý đều phải kiểm soát trong mỗi ngôn ngữ cử chỉ hành động. Đó là ta bắt đầu tích chứa đầy nước công đức trong một dòng sông, dù nghiệp ác cũ có nhiều nặng như cả tấn muối cũng không thể làm mặn một dòng sông đầy nước công đức.

Nghiệp báo nhân quả là căn bản cho đời sống con người. Nếu mọi xã hội đều được giảng dạy môn “Nghiệp báo nhân quả”,

nó bao gồm cả “Đạo đức học” và “Xã hội học”. Chúng ta không còn phải giáo huấn các tù nhân, chỉ còn ít người phạm pháp, không cần nhiều nhà tù, không cần nhiều người trông coi gìn giữ trật tự nữa v.v... Vì các thế hệ trẻ hiểu được luật nghiệp báo nhân quả rồi sẽ cố gắng làm lành tránh ác. Dần dần tới khi mọi người đều hiểu được sự lợi ích của làm thiện, và sự tai hại của việc làm ác, sẽ đều làm mười điều lành một cách tự nguyện tự giác. Lúc bấy giờ thế giới này sẽ là thế giới an lạc vậy.

Toàn Không

Nhắn Tin

*- **Hiền Tỷ Minh Thi Nguyễn Thị Chờ, Pháp:**

Đã nhận được 2 bài thơ của Hiền Tỷ. Sẽ lần lượt đăng vào Tập San Thế Đạo các số sau. Cám ơn Hiền Tỷ.

*- **Hiền Huynh Bùi Đông Phương, Úc Châu.**

Đã lâu không nhận được thơ của Hiền Huynh. Mong.

*- **Hiền Huynh Vân Dương, Quang Thông, Lưu Quốc Minh, . . . v . . v . . và quý Hiền Huynh Hiền Tỷ bên Úc Châu.**

Mong thường xuyên nhận được bài vở (giáo lý, văn nghệ, tùy bút, phóng sự , thi văn . . .) của quý Huynh Tỷ.

*- **Hiền Huynh Luân Tâm, MD**

Đã nhận được bài thơ của Hiền Huynh. Sẽ đăng vào TSTĐ số sau.

Thành thật cám ơn quý Hiền Huynh Hiền Tỷ.

Tập San Thế Đạo

Nón lá

Nguyễn Quý Đại

“Nón này che nắng che mưa
Nón này để đội cho vừa đôi ta”

Ca dao

Nón lá không xa lạ với chúng ta. Ngày nay ở hải ngoại chỉ thấy nón lá xuất hiện trên sân khấu, trình diễn nghệ thuật múa nón và áo dài duyên dáng mềm mại kín đáo của thiếu nữ Việt Nam nổi bật bản sắc văn hoá dân tộc,. Áo dài và nón lá là nét đặc thù của phụ nữ Việt Nam, chắc chắn không ai chối cãi. Nếu mặc áo đầm, hay quần tây mà đội nón không tạo được nét đẹp riêng.



Nón dùng để che nắng mưa, có lịch sử lâu đời đã khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, trên thạp đồng Đào Thịnh vào khoảng 2500 - 3000 năm. Nón lá gắn với đời sống tạo nhiều nét bình dị, đoan trang, yêu kiều, duyên dáng và thực tiễn với đời sống

nông nghiệp, một nắng hai sương, trên đồng lúa, bờ tre lúc nghỉ ngơi dùng nón quạt cho mát mẻ ráo mồ hôi.



Nón lá ở Việt Nam có nhiều loại khác nhau qua từng giai đoạn lịch sử:

- Nón dậu: Nón có chóp nhọn của lính thú thời xa xưa
- Nón gò găng hay nón ngựa: Sản xuất ở Bình Định làm bằng lá dừa đội khi cỡi ngựa.
- Nón rơm: Nón làm bằng cộng rơm ép cứng.
- Nón quai thao: Người miền Bắc thường dùng trong lễ hội.
- Nón cời: Nón rách
- Nón gõ: Nón gõ làm bằng tre ghép cho lính hồi xưa.
- Nón lá sen: Cũng gọi là nón liên điệp.
- Nón thúng: Thứ nón lá tròn bầu giống cái thúng.
- Nón khuê: Viên đầu, nón của người hầu các quan xưa.

- Nón chảo: Thứ nón mo tròn lên như cái chảo úp nay ở Thái Lan còn dùng.
- Nón cạp: Nón xuân lồi đại dành cho người có tang.
- Nón bài thơ: Ở Huế thứ nón lá trắng và mỏng có lồng hình hay một vài câu thơ v.v...



Người Việt từ nông thôn cho tới thành thị đều dùng nón lá, nhưng ít người để ý nón lá có bao nhiêu vành, đường kính rộng bao nhiêu cm? Nón lá tuy giản dị rẻ tiền nhưng nghệ thuật làm nón cần phải khéo tay. Nghề chằm nón không chỉ dành riêng cho phụ nữ mà cả những người đàn ông trong gia đình cũng có thể giúp chuốt vành, lên khung nón.



Với cây mác sấu, người làm nón chuốt từng sợi tre thành 16 nan vành một cách công phu; sau đó uốn thành vòng thật tròn trịa và bóng bẩy. Người phụ nữ thì chằm nức vành. Để có được lá đẹp, họ thường chọn lá nón non vẫn giữ được màu xanh nhẹ, ủi lá nhiều lần cho phẳng và láng.

Khi xây và lợp lá, người ta phải khéo léo sao cho khi chêm lá không bị chồng lên nhau nhiều lớp để nón có thể thanh và mỏng. Nghề làm nón lá thường sản xuất từ miền Bắc và miền Trung trong các làng quê sau các vụ mùa, ở các tỉnh miền Nam không thấy người ta chằm nón?

Vật liệu làm nón tuy đơn sơ nhưng khó tìm loại lá làm nón, lá mọc ở những vùng núi, sau này người ta đem giống về trồng ở vườn, có tên “du quy điệp” là lá làm tươi, thời gian vẫn minh

chưa phát triển, người ta dùng loại lá nây làm cái tời để mùa đông chống mưa gió. Một loại khác là “bồ quy điệp” là loại mỏng và mềm hơn để làm nón lá.





Lá non lúc khô có màu trắng xanh, người mua phải phơi lá vào sương đêm cho lá bớt độ giòn vì khô, mở lá từ đầu tới cuống lá, cắt bỏ phần cuối cùng, dùng lưới cây cũ hay một miếng gang, đặt trên nồi than lửa nóng đỏ, dùng cục vải nhỏ độn giống như củ hành tây, người ta đè và kéo lá nón thẳng như một tờ giấy dài màu trắng, có nổi lên những đường gân lá nhỏ, lựa những lá đẹp để làm phần ngoài của nón.





Người ta dùng cái khung hình giống như Kim Tự Tháp Ai Cập, có 6 cây sườn chính, khoảng cách giống nhau để gài 16 cái vành nón tròn lớn nhỏ khác nhau lên khung. Cái khung này phải do thợ chuyên môn làm kích thước đúng cỡ khi lợp lá và chằm nón xong, tháo nón ra dễ dàng.

Nón thường chỉ 16 vành tròn làm bằng tre cật vót nhỏ đều nhau nối lại. Nón bài thơ nhẹ mỏng chỉ 2 lớp lá trong chen hình cảnh và các câu thơ, nón thường độ bền lâu hơn dày có 3 lớp phần trong lót thêm loại lá đốt, (loại cây này giống cây sậy, khi trở bông người ta lấy bông làm chổi). Chằm xong nón tháo khỏi khung, cắt lá thừa nức miệng nón và làm quai, nón rộng đường kính thường 41 cm, người ta phết phía ngoài lớp mỏng sơn dầu trong suốt nước mưa không thấm qua các lỗ kim vào bên trong. Để có được một chiếc nón, phải trải qua 15 khâu, từ lên rừng hái lá, rồi sấy lá, mở, ủi, chọn lá, xây độn vành, chằm, cắt lá, nức vành, cắt chỉ...

Thời gian chưa có chỉ cước người ta dùng bẹ lá cây thuộc loại thơm (hùm) tước lấy phần tơ ngâm nước vài ba ngày cho nát phần thịt của lá, dùng bàn chải, chải lấy phần tơ dùng làm chỉ để chằm nón, hay dùng chỉ đoác. Nhưng sau này phát triển

người ta dùng cước nhỏ bằng nylon, chằm nón có đường nét thanh nhã hơn. Nón lá đã đi vào thi ca bình dân Việt nam:
“Nón em chẳng đáng mấy đồng,
Chàng mà giật lấy, ra lòng chàng tham
Nón em nón bạc quai vàng
Thì em mới dám trao chàng cầm tay
Tiếc rằng vì nón quai mây
Nên em chẳng dám trao tay chàng cầm”



Nón quai thao, hay nón thúng các cô gái Bắc thời xưa chưa chồng thường dùng, ngày nay đến Hà Nội không còn thấy ai đội nón quai thao, trên đường phố cổ trầm mặc dưới bóng cây cổ thụ, thiếu nữ Hà Nội che dù màu, đội mũ lát, đội mũ tân thời, nhưng vào thăm Văn Miếu sẽ thấy trình diễn văn hoá, hát quan họ, các cô đều trang sức giống như thời xưa với chiếc nón quai thao.

Thuở xưa, con gái sau khi lập gia đình, bốn phận làm vợ, làm mẹ, họ chỉ chú trọng đến niềm vui tận tụy làm tròn bốn phận

trong gia đình, xao lãng những vẻ đẹp bề ngoài.

“Chưa chồng nón thúng, quai thao

Chồng rồi, nón rách, quai nào thì quai...”

Thân phận của những bóng hồng khi về chiều nhan sắc tàn phai:

“Còn duyên nón cụ quai tơ

Hết duyên nón lá quai dừa cũng xong”

Dáng dấp con gái Việt Nam mềm mại, dịu dàng, nếu trên đầu nghiêng nghiêng vành nón trắng. Nụ cười, ánh mắt giấu sau vành nón ấy mới cơ hồ e ấp, rạo rức vì những băng khuâng...



Mỗi thiếu nữ đều có một cái duyên để làm say đắm người khác phái. Nhưng tựu trung, nhan sắc của các nàng cũng không ngoài những điều đã được ca dao truyền tụng. Có nàng đẹp nhờ mái tóc thề hay cắt ngắn, đôi chân mày cong vồng như vầng trăng non dưới vành nón lá:

“Sao em biết anh nhìn mà nghiêng nón,

Chiều mùa thu mây che có nắng đầu.

Nắng sẽ làm phai mái tóc xanh màu,

Sẽ làm khô làn môi em dịu ướt.

Còn ta mắt anh...

Có sao đâu mà em phải cúi đầu từ khước,
Nếu nghiêng nón có nghĩa là từ khước
Thì mười ngón tay em sao bỗng quăn quít đan nhau
Nửa vầng má em bỗng thắm sắc hồng đào,
Đôi chân bước... anh nghe chừng sai nhịp.”

Thu Nhất Phương



Ở Huế, có nhiều vùng chằm nón nổi tiếng từ xa xưa cho đến bây giờ như: Phú Hồ, Phước Vĩnh, Dạ Lê, Triều Sơn, Nam Phổ, Kim Long, Dương Nỗ, Tân Mỹ, Hương Sơ, Mỹ Lam, làng Chuồn, bên dòng sông Như Ý, thuộc xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế làm nón bài thơ dáng thanh mảnh,

độ mỏng, màu nón nhả nhận người ta còn cất những bức tranh với chùa Linh Mục, cầu Trường Tiền, con đò trên sông Hương ... và đặc biệt nhất là vài câu thơ chất chứa tâm hồn xứ Huế:

“Sông Hương lảm chuyển đò ngang
Chờ anh em nhé, đừng sang một mình”

Ca dao

“Sao anh không về thăm quê em
Ngắm em chằm nón buổi đầu tiên.
Bàn tay xây lá, tay xuyên nón
Mười sáu vành, mười sáu trăng lên”

Nguyễn Khoa Điềm



“Tà áo dài trong trắng nhẹ nhàng bay,
Nón bài thơ e lệ nép trong tay”

Bích Lan

Những chiếc nón bài thơ thường trở thành vật “trang sức” của biết bao thiếu nữ. Lụa nón, lụa quai, cũng là một thú vui nên



không ít người đã kỳ công đến tận nơi làm nón để đặt cho riêng mình với dòng thơ yêu thích. Buổi tan trường, các con đường bên sông Hương như dịu lại trong nắng hè oi ả bởi những dáng mảnh mai với áo dài trắng, nón trắng và tóc thề:

“Dòng nước sông Hương chảy lặng lẽ
Ngàn thông núi Ngự đứng như mơ
Gió cầu vương áo nàng tôn nữ
Quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ”



Nón bài thơ hiện hữu trên khắp nẻo đường và trở nên gần gũi, thân quen trong cuộc sống thường nhật của phụ nữ Huế, dùng nón lá nâng hay đựng xoài, cũng tạo nên nét đẹp mỹ miều.

“Anh về Bình Định ba ngày
Dặn mua chiếc nón, lá dày không mua”

Nón bài thơ đặc sản Huế, nón Gò Găng ở Bình Định còn gọi là nón ngựa làm bằng vành tre chặt, chuốt nhỏ như tăm, đan thành ba lớp mê sườn; bên ngoài phủ lớp lá kê non, chằm bằng những đường chỉ tàu trắng muốt và đều đặn. Trên đỉnh chóp được gắn chụp bạc hoặc đôi môi có chạm trổ long - lân - qui - phụng. Quai nón được làm bằng lụa xanh hoặc đỏ, bản rộng và đều người ta chằm một chiếc nón ngựa phải mất cả tháng trời



dày công nhọc sức. Vì vậy giá thành rất đắt, nó chỉ dành cho những người cao sang quyền quý, những chức sắc quan lại của triều đình. Dần dần theo nhu cầu của giới bình dân, nón ngựa được cải biên thành ngựa đơn rồi nón buôn, nón chũm, rẻ hơn nhiều. Các loại này đều không có chụp bạc, nó được thay bằng

những tua ngũ sắc ở chóp nón cho đẹp. Ở các vùng làm nón, ngày cưới, nhà giàu rước dâu bằng kiệu, chàng rể thì đội nón đi ngựa; còn những nhà nghèo cũng ránh sắm đôi nón ngựa cho cô dâu chú rể đội đi trong ngày cưới. Vậy nên có câu ca dao:

“Cưới nàng đôi nón Gò Găng
Xấp lảnh An Thái, một khăn trâu nguồn”.



Ngày nay các cô gái làm nón hầu như không còn giữ được phương pháp làm nón ngựa nữa. Họ quen với công đoạn nhanh, giản tiện và dễ tiêu thụ của chiếc nón trắng mảnh mai - một sản phẩm của quá trình cải cách lâu dài. Để làm loại nón này phải qua nhiều công đoạn. Ván sườn, lợp lá, chèn lá, chằm và nức. Việc làm lá đòi hỏi nhiều tính tỉ mỉ và kinh nghiệm lâu năm.

Nghề nón là thuộc thị trấn Gò Găng, Nhơn Thành - An Nhơn. Nơi đây có một chợ nón lớn họp thường ngày từ 3 - 4 giờ sáng. Cứ hết một đợt làm được 25 - 30 chiếc thì bà con các vùng phụ cận lại mang nón đến bán và mua sắm vật liệu cho đợt sau.

Mỗi tháng Gò Găng có thể cung cấp cho cả nước 50,000 chiếc nón. Gần đây nón Gò Găng còn được xuất cảng sang các nước láng giềng như Trung Quốc, Lào, Campuchia dưới dạng cải biên cho hợp với xứ người. Như vậy, từ vùng núi cao nguyên mưa nguồn gió dữ cho đến các miệt vườn miền Nam:

“Nhớ nón Gò Găng
Vằng trăng đập đá
Sông dài sóng cả
Người quân tử,
Khăn điều vắt vai...”

Đời sống văn minh, phát triển nhưng nón lá Việt Nam vẫn thuần túy nguyên hình của nó. Ở bất cứ nơi đâu, từ rừng sâu hẻo lánh, trên đồng ruộng mênh mông, dọc theo sông dài biển cả, đều thấy chiếc nón lá ngàn đời không đổi thay...

Nguyễn Quý Đại

CẢM ƠN

Nhân dịp Lễ Giáng Sinh 2011, Xuân Nhân Thìn 2012, Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo có nhận được rất nhiều email, điện thoại, thiệp chúc Giáng Sinh và thiệp chúc Tết Nhâm Thìn 2012 từ quý đồng đạo, thân hữu và Cơ Sở Đạo ở hải ngoại.

Trước sự thương yêu chân tình này, Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo xin thành thật cảm ơn và nguyện sẽ cố gắng vượt bực trong thời gian tới để phục vụ Đạo để không phụ lòng tin yêu của quý Hiền Huynh, Hiền Tử và các Cơ sở Đạo.

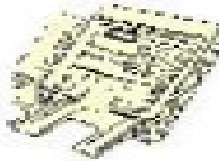
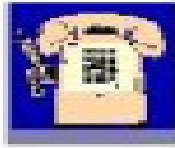
Xin chúc quý Hiền Huynh Hiền Tử và quý Cơ Sở Đạo :

Mọi Sự An Lành và luôn luôn được hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng.

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn.

Kính,

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.



Việc Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại

I- Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121-1716.

1- HT. Nguyễn Ngọc Dũ Phone : (408) 238-6547

Fax: (408) 440-1372 Email: dutani@comcast.net

2- HT. Nguyễn Văn Cầu, Email: caunguyencd@gmail.com

3- HT. Bùi Văn Nho, Email: caoninh12@yahoo.com

II- Ban Thế Đạo Bắc California:

HT. Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 926-9186.

Email: tn_ndk@yahoo.com

III- Ban Thế Đạo Nam California:

HT. Bùi Văn Nho, Phone: (951) 710-7766

Email: caoninh12@yahoo.com

IV- Ban Thế Đạo Texas:

HT. Trịnh Quốc Thế, Phone: (281) 489-1770

Email: theqtrinh@yahoo.com

V- Ban Thế Đạo Úc Châu:

HT. Bùi Đông Phương, Phone: 61-2-8798-0276

VI- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại WA & OR:

HTDP. Trần Trung Dung, Phone: (206) 973- 6874.

Email: tranyoung7@yahoo.com

VII- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại LA:

HT. Trần Huyền Quang, Phone: (504) 347-9326

VIII- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP. Nguyễn Chí Hiền, Phone: 33-1-4852-6017.

Danh Sách Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu
Yểm trợ Tập San Thế Đạo
(Từ ngày 16-10-2011 đến ngày 31-12-2011)

STT	Đồng Đạo - Cơ Sở - Thân Hữu	USD
I- Yểm Trợ TSTĐ		
01	Nguyễn Xuân Thu, San Jose, CA	20.00
02	Hoàng Văn Viên, Pearl City, HI	100.00
03	Nguyễn Bá Trang, Garden Grove, CA	15.00
04	Th.Sự Cao Hòa Thuận, San Diego, CA.	20.00
05	Lê Văn Minh, Riverside, CA	50.00
06	Đỗ Thị Lành, Atlanta, GA	20.00
07	Nguyễn Ngọc Chương, Gardem City, KS	10.00
08	HTDP Nguyễn Ân Hồng, Beaver creek,,OH	60.00
09	Phạm Quân, San Jose, CA	20.00
10	Võ Văn Tơ, Arlington, TX	40.00
11	Dương Thị Huỳnh, San Jose, CA	20.00
12	Phạm Thị Nguyệt Nga, Sacramento, CA.	20.00
13	Lê Ngọc Huệ, San Diego, CA	20.00
14	Céline Bùi Thúy, Quarouble, France	100.00
15	Yvette Trần, Fremont, CA	20.00
16	Trương Thị Khanh, Oakland, CA	30.00
17	Nguyễn Phú Thọ, Portland, OR	50.00
18	Quang Thomas Đỗ, San Antonio, TX	40.00
18	Quả phụ Đặng Quang Dương, Coppell, TX.	100.00
19	Lưu Quốc Minh, Holiday, FL.	40.00
20	Nguyễn Văn Lợi, Anaheim, CA.	20.00
21	HTDP Phan Phú Nghiệp. Kennesaw, GA	50.00
22	Lâm Văn Sơn, Arlington, TX	30.00
23	Trần Thanh Điền, Santa Clara, CA	20.00
24	Nguyễn Phương Chắc, Sacramento, CA	25.00
25	HT Bùi Văn Nho, Riverside, CA	100.00
26	HTDP Nguyễn Tấn Vũ, Houma, LA	100.00
27	Lê Hồng Lạc, San Jose, CA.	10.00
28	Huỳnh Phú Tâm, Quincy, MA	20.00

29	Dược sĩ Lê Văn Hai, Toronto, Canada.	100.00
30	CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA	20.00
31	Võ Văn Mía, San Antonio, TX	20.00
32	CTS Lê Quang Giai, San Diego, CA	20.00
33	HTDP Nguyễn Thành Hưng, San Jose, CA	20.00
34	David Độ Nguyễn, San Francisco, CA.	20.00
35	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	20.00
36	CTS Hà Thị Nết, Garden Grove, CA	40.00
37	HTDP Christine Bùi, Houston, TX	50.00
38	Nguyễn Thị Sumpter, Mullberry, FL (Bích Liên)	100.00
39	HT Nguyễn Thị Hạnh, Westminster, CA	30.00
40	HTDP Đặng Thành Cư, Fort Worth, TX.	30.00
41	Ngụy Thanh Sơn & Đặng Kim Sơn, SJ, CA . .	200.00
42	Võ Văn Xu, Wichita, KS	20.00
43	Đoàn Văn Giáp. Lake City, GA	30.00
44	HT Võ Văn Mười, San Diego, CA	100.00
45	Võ Thành Trân, Guelph, ON, Canada	20.00
46	Nguyễn Thị Thương, Elk Grove, CA	40.00
47	Nguyễn Thị Định, Houston, TX	50.00
48	Huỳnh Văn Triệu, Garden Grove, CA	50.00
49	Lê Văn Bé, Arlington, TX.	20.00
50	Đỗ Thh Nghiêm & Phan T. Đẹp, SJ, CA	50.00
51	HT Lê Ngọc Thơ, Randolph, MA	50.00
52	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX	20.00
53	Nguyễn Hữu Thang, Garden Grove, CA	20.00
54	Đoàn Phụng Cơ, San Jose, CA	20.00
55	HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA	20.00
56	HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA.	50.00
57	CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA.	30.00
58	Trương Văn Thi, Seattle, WA	20.00
59	HT Mai Văn Tim, Everett, WA.	40.00
60	CTS Trương Thị Ngọc Anh, Antelope, CA. . .	20.00
61	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA	20.00
62	HT Nguyễn Thừa Long & HTDP Kim Cúc . .	100.00

63	Nguyễn Chính, Prior Lake, MN	40.00
64	Vương Vĩnh Nghi & Huỳnh T. Lê Hằng, KS	25.00
65	Huỳnh Thị Bữa, Forest Park, GA	50.00
66	Nguyễn Thị Dung, Houston, TX	50.00
67	Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA	100.00
68	Nguyễn Minh Đức, Rockford, IL	30.00
69	Lê Văn Nhiều, Austin, TX	50.00
70	Cao Đài TâyNinh Temples of TX.	50.00
71	Thánh Thất Synott, Houston, TX	50.00
72	Thánh Thất CaoĐài Hillside, Wichita, KS	20.00
73	CaoĐài Temple of Georgia	100.00

 Cộng (1): 3,195.00

II-Niên Liễm:

01	HTDP Võ Ngọc Diệp	60.00
02	HTDP Phạm Trang Thanh Quang, Wichita, KS.	60.00
03	HTDP Phạm Trang Bảo Trân, Wichita, KS	60.00
04	HTDP P hạm Trang Bảo Châu, Wichita, KS	60.00
05	HT Mai Văn Tim, Everett, WA.	60.00

 Cộng (2): 300.00

III-Yểm trợ In Kinh Sách

01	HTDP Trần Cg Bé & HTDP Võ Ngọc Diệp, TX.	40.00
02	Th.Sự Nguyễn Hữu Nhựt, San Jose, CA.	50.00
03	Lê Văn Bé, Arlington, TX.	30.00
04	PTS Lê Thị Danh, Arlington, TX	50.00
05	Th.Sự Mai Văn Liêm, Arlington, TX	20.00
06	HT. Trần Huyền Quang, Marrero, LA	20.00
07	HT. Bùi Đức Tài, Rancho Cordova, CA	50.00
08	Nguyễn Hữu Tường , DDS & To Mỹ Huệ, DDS San Jose, CA	100.00

09	Dược Sĩ Lê Văn Hai, Toronto, Canada	100.00
10	HT. Lê Văn Năm, Westminster, CA	40.00
11	Hồ Văn Thôi, San Francisco, CA	30.00
12	Đặng Thị The, Harvey, LA	100.00
13	Trương Văn Thì, Seattle, WA	20.00
14	HTDP Sơn Nguyễn & HTDP Trang Trần, TX	20.00
15	HTDP Võ Ngọc Diệp, Fort Worth, TX	20.00
16	Trần Công Định, Santa Clara, CA	20.00
17	HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA	40.00
18	Thánh Thất Synott, Houston, TX	100.00
19	CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX	20.00
20	HT Đặng Bá Nhị, Carrollton. TX	50.00
21	HT Phạm Văn Cờ, Garden Grove, CA	20.00
22	Huỳnh Văn Nhựt, Renton, WA	50.00
23	Cao Đài Tây Ninh Temples of TX	50.00

 Cộng (3) : 1,040 .00

Tổng cộng tiền yểm trợ (1+2+3) trong thời gian từ ngày 16-10-2011 đến ngày 31-12-2011 là Bốn ngàn năm trăm ba mươi lăm đôla (USD 4,535.00)

San Jose, ngày 09-01-2012
 Ban Thế Đạo Hải Ngoại

BÁO CÁO TỒN QUỸ CUỐI NĂM 2011

Tổng thu trong năm 2011:	USD 19,072.09
Tổng chi trong năm 2011	USD 18,585.73
Kết số dư năm 2011	USD 486.36 (1)
Kết số dư năm 2010	USD 7,819.23 (2)
Tồn quỹ cuối năm 2011 là (1+2): .	USD 8,305.59

Tồn quỹ Ban Thế Đạo Hải Ngoại đến ngày 31-12-2011 là Tám ngàn ba trăm lẻ năm đôla năm mươi chín xu (USD 8,305.59)

San Jose, ngày 09-01-2012
 Ban Thế Đạo Hải Ngoại.



PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Thân mẫu của Hiền Tỷ CTS Đỗ Thị Inh thuộc Thánh Thất Cao Đài Houston TX và cũng là Nhạc Mẫu của Hiền Huynh HTDP Phan Văn Tranh cư ngụ tại Houston Texas là:

Cụ Bà Phạm Thị Liên

đã qui vị vào ngày 14 tháng chạp năm Tân Mão (nhằm ngày 07-01-2012) tại Long Thành Bắc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Hưởng thọ 90 tuổi

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ CTS Đỗ Thị Inh, Hiền Huynh HTDP Phan Văn Tranh cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng Thiêng Liêng ban bố hồng ân cho Hương Linh Cụ Bà Phạm Thị Liên được sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Nam California, Ban Thế Đạo Bắc California
Ban Thế Đạo Texas và Ban Thế Đạo Úc Châu
Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các bang
tại Hoa Kỳ và tại Pháp

Thánh Thất & Điện Thờ Phật Mẫu Cao Đài Houston TX
Đại Đạo Thanh Niên Hội TX

Thánh Thất & Điện Thờ Phật Mẫu Wichita KS



PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Thông sự Nguyễn Kim Nhanh

đã qui vị vào lúc 10 giờ 46 PM ngày 13 tháng chạp năm Tân Mão (nhằm ngày 06-01-2012) tại thành phố Santa Ana, bang California.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng Thiêng Liêng ban bố hồng ân cho Hương Linh Cố Thông sự Nguyễn Kim Nhanh được sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Nam California,
Ban Thế Đạo Bắc California.



PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Bào Tử của Hiền Huynh HTDP Trần Công Bé, Chủ Trưởng Phước Thiện Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Dallas-Fort Worth và là Đệ II Phó Tổng Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Texas là:

Đạo hữu **Trần Thị Mừng**

đã qui vị vào lúc 4 giờ chiều ngày 11 tháng 12 năm 2011 (nhằm ngày 17 tháng 11 năm Tân Mão) tại Hương Đạo Long Sơn, Tộc Đạo Tân Châu, Châu Đốc - Việt Nam.

Hưởng thọ 81 tuổi

Thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Trần Công Bé và tang quyến

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì cho Hương Linh Cố Đạo hữu Trần Thị Mừng được sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo
Ban Thế Đạo Nam California, Ban Thế Đạo Bắc California
Ban Thế Đạo Texas và Ban Thế Đạo Úc Châu
Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các bang
tại Hoa Kỳ và tại Pháp

Tộc Đạo và Quản Tộc Đạo
Thánh Thất & Điện Thờ Phật Mẫu Dallas-Fort Worth Texas.

CẢM TẠ

TANG GIA CHÚNG TÔI CHÂN THÀNH TRI ÂN VÀ CẢM TẠ:

Chư Chức sắc, Chức việc, quý Huynh, Tỷ, Đệ, Muội, quý họ hàng và bằng hữu đã dành thì giờ quý báu đến thăm viếng, tụng Kinh, cầu nguyện, gửi vòng hoa, mâm tế lễ, điện thư, điện thoại, chia buồn và tiễn đưa linh cửu Bào Tỷ, Thân Mẫu, Bà chúng tôi là:

Đạo hữu **Trần Thị Mừng**

đã qui vị vào lúc 4 giờ chiều ngày 11 tháng 12 năm 2011 (nhằm ngày 17 tháng 11 năm Tân Mão) tại Hương Đạo Long Sơn, Tộc Đạo Tân Châu, Châu Đốc - Việt Nam.

Hưởng thọ 81 tuổi

Tại Việt Nam:

- *- Quý Sư Chùa Vòng Thành Long Sơn
- *- Quý Chức sắc, chức việc và các Ban Nhạc, Lễ, Đồng Nhi Đạo Tỳ.
- *- Bàn Trị Sự và đồng đạo Long Sơn.
- *- Bàn Trị Sự và đồng đạo Tân An.

Tại Hoa Kỳ:

- *- Thánh Thất Seattle Bang Washington.
- *- Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Mountain View Bang Texas.
- *- Thánh Thất và ĐTPM Dallas Fort - Worth Bang Texas.

TANG GIA ĐỒNG CẢM TẠ

*** Bào đệ:**

- Trần công Bé vợ và các con (USA).
- Trần công Nghiệp và con (VN).
- Trần minh Quang vợ và các con (VN).
- Trần công Bền vợ và các con (VN).

*** Bào muội:**

- Trần thị Lan chồng và các con (VN).

*** Các con:**

- Trưởng nữ: Lê thị Mai chồng và con (VN) .
- Lê thị Hạnh chồng và các con (VN).
- Lê thị Phúc (VN).
- Lê kim Vân và các con (VN).





PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:

Hiền Tài **Ngô Văn Bảo**

Chánh Trị Sự Hưởng Đạo Garden Grove, CA
Cựu Thiếu Tá Trưởng Phòng 4 kiêm Chỉ Huy Trưởng
Trung Tâm Yểm Trợ Tiếp Vận Tiểu Khu Sa Đéc.

đã qui vị lúc 11.30 PM ngày 19-11-2011
(nhằm ngày 24 tháng 10 Tân Mão) tại Orange County, CA

Hưởng thọ 81 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng tang gia hiếu quyến.
Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng
Liên ban hồng ân và độ rỗi cho hương linh cố Hiền Tài Ngô
Văn Bảo sớm được trở về cõi Thiêng Liên Hằng Sống.
Thành kính phân ưu..

Châu Đạo California.

Ban Pháp Chánh Châu Đạo.

Các Tộc Đạo, Hương Đạo, Điện Thờ Phật Mẫu thuộc
Châu Đạo California.

Tộc Đạo Little Saigon và Thánh Thất Cao Đài CA.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo

Ban Thế Đạo Nam CA & Ban Thế Đạo Bắc CA.



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:
Thứ nữ Hiền Huynh CTS Nguyễn Công Tranh,
Quyền Đầu Tộc Tộc Đạo Dallas-Fort Worth và Hiền
Tỷ CTS Phạm Thị Thu Tuyên Hương Đạo Arlington
là:

Phó Trị Sự
Nguyễn Thị Bích Hậu

Hương Đạo Arlington, Texas.

Hưởng dương 40 tuổi

đã qui vị vào lúc 5.50 ngày 29-10-2011 nhằm ngày 3
tháng 10 Tân Mão) tại thành phố Wyler, bang Texas.

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng HH CTS Nguyễn
Công Tranh, Quyền Đầu Tộc và Hiền Tỷ CTS Phạm
Thị Thu Tuyên cùng tang gia hiếu quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các
Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân và độ rỗi cho hương
linh cố Phó Trị Sự Nguyễn Thị Bích Hậu sớm được
trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu..

Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại.
(Hội Đồng Đại Diện- Các Cơ Sở Đạo
Ban Điều Hành và Các Ban chuyên môn).

Thánh Thất-Tộc Đạo & ĐTPM Dallas-Fort Worth
Các Hương Đạo Dallas, Arlington và Garland.
Đại Đạo Thanh Niên Hội Dallas, TX



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:
Hiên thê của Hiền Huynh Nguyễn Thành Trưởng hiện ngụ
tại Orange County, bang California là:

Hiên Tỷ
Huỳnh Ngọc Hà
Pháp danh Diệu Giác

đã tạ thế vào lúc 9.19 AM ngày Thứ Bảy 22 tháng 10 năm
2011 tại Bệnh Viện Fountain Valley.

Hưởng thọ 72 tuổi.

Chúng tôi xin chia buồn cùng Hiền Huynh Nguyễn Thành
Trưởng và các cháu.

Trước sự mất mát lớn lao này chúng tôi nguyện cầu Đức Chí
Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng Thiêng Liêng chan rưới
hồng ân cho hương linh Hiền Tỷ Huỳnh Ngọc Hà sớm được
tiêu diêu nơi miền Cực Lạc.

Thành thật phân ưu.

Tây Ninh Đồng Hương Hội.

Cựu sinh Đạo Đức Học Đường & Lê Văn Trung.

Bạn hữu

Ô.B. Vương Văn Trổ - Ô.B. Võ Hoàng Ngô
Ô. Nguyễn Tấn Phận - Ô.B. Nguyễn Văn Hải.
Ô.B. Nguyễn Ngọc Dũ - Ô.B. Dương Văn Ngừa.
Ô.B. Phạm Văn Minh - Ô.B. Huỳnh Văn Mãng.
Bà Đặng Ngọc Thượng - Ô.B. Văn Thanh Nhân.
Ô.B. Phạm Thành Nền - Ô.B. Phạm Văn Khảm.



PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng thương tiếc khi được tin:
Thân mẫu của Hiền Huynh Chánh Trị Sự Phan Văn Hồ,
Quyền Đầu Tộc Tộc Đạo Little Saigon là:

Bà
Lê Thị Kính

đã qui vị vào ngày 20 tháng 10 năm 2011 (nhằm ngày 24 tháng
9 Tân Mão) tại Sài Gòn.

Hưởng thọ 85 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng Hiền Huynh Chánh Trị Sự
Phan Văn Hồ cùng tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng
Liêng ban hồng ân và độ rỗi cho hương linh Bà Lê Thị Kính
sớm được trở về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Châu Đạo California.

Ban Pháp Chánh Châu Đạo.

Các Tộc Đạo, Hương Đạo, Điện Thờ Phật Mẫu thuộc

Châu Đạo California.

Tộc Đạo Little Saigon và Thánh Thất Cao Đài CA.

Đại Đạo Thanh Niên Hội CA.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.

Ban Thế Đạo Nam CA & Ban Thế Đạo Bắc CA.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Bát Thập Thất Niên -
Toà Thánh Tây Ninh

.....

THÁNH THẤT CAO ĐÀI HOUSTON TEXAS

8415 S. Breeze Dr – Houston, Texas 77071

TÂM THƯ

Kính gửi:

Quý vị Lãnh Đạo Tinh Thần các Tôn Giáo, Quý chức sắc, chức việc, đồng đạo và đồng hương.

Quý vị Mạnh Thường Quân ân nhân, quý vị Giám Đốc các Cơ Sở Kinh Doanh

Quý vị Hiền Tài, Hiền Tài Dự Phong và Thanh Thiếu Niên Cao Đài Đại Đạo Thanh Niên Hội.

Kính thưa quý liệt vị,

Rất hân hoan thông báo cùng quý liệt vị **THÁNH THẤT CAO ĐÀI HOUSTON TEXAS** sẽ được tổ chức **CẦU NGUYỆN KHỞI CÔNG** vào ngày chủ nhật 11/12/2011 nhằm ngày 17/11/ Tân Mão tại 8415 S. Breeze Dr—Houston, Texas 77071.

Chúng tôi vô cùng biết ơn quý vị đã nhiệt tình yểm trợ trong những năm qua để tạo dựng được phần căn bản của Thánh Thất là tạo mả đất đai và xây dựng được một **HẬU ĐIỆN** khang trang, đã khánh thành vào ngày 28/11/2009.

Giờ đây, sau bao nhiêu ngày thiết kế sơ đồ **CHÁNH ĐIỆN**, xin Giấy Phép xây dựng, chọn Kiến Trúc Sư, chọn 1 trong 10 nhà thầu, liên hệ với nhà Bank...vì kiến trúc kiểu Thánh Thất Cao Đài theo mẫu Toà Thánh Tây Ninh thật quá xa lạ với họ nên sự qui giá thật vất vả và gay go, mất rất nhiều thì giờ nhất là về phương diện trang trí về vấn đề lắp ráp cột rồng hay những biểu tượng tâm linh khác. Tổng cộng trị giá xây cất Thánh Thất hơn 1 triệu Mỹ Kim cộng với \$106,000 của những hàng order từ

Việt Nam: 39 món Fiber Glass, 24 món đồ gỗ, và 24 món đồ đồng v.v, chưa kể cước phí..

Chúng tôi, với tâm nguyện là tất cả những biểu tượng tâm linh trang trí nội thất, nếu có thể đặt (order) từ Việt Nam, chúng tôi quyết định làm vì chúng tôi cảm nhận rằng tất cả vật dụng đó mang âm hưởng, đạo vị, hồn thiêng sông núi từ quê hương VN sẽ hoà quyện vào hồn nước của Hoa Kỳ, tạo thành một sự hiệp nhất linh thiêng giữa 2 nền văn minh Tâm linh VN và Khoa học tân tiến của Hoa Kỳ, kết tấu thành bản nhạc TÂM LINH và KHOA HỌC thật là kỳ diệu....

Đây là giai đoạn trọng yếu nhất trong công trình, chúng tôi cầu mong quý liệt vị tiếp tục yểm trợ để TP Houston có được một Thánh Thất uy nghi thờ phượng Thượng Đế và các Đấng Từ Bi và sẽ là tụ điểm TRỜI NGƯỜI hiệp nhất để cùng phụng sự tha nhân. Theo truyền thống Thánh Thất Cao Đài là CĂN NHÀ CHUNG của nhơn loại, không phân biệt màu da sắc tộc, Đạo Đời, tất cả đều chung nguồn, chung cội, chung CHA, chung MẸ, là HUYNH ĐỆ ĐẠI ĐỒNG. Vì thế, chúng tôi không ngần ngại kính mời quý liệt vị cùng nhập vào trường thi CÔNG ĐỨC này trong lý tưởng phụng sự Phật Trời tức phụng sự chúng sanh. Nguyên cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban ân lành cho quý vị và quý quyến được muôn điều may mắn, vạn sự như ý.

Xin chân thành tri ân, trân trọng kính chào.

Houston, ngày Thanksgiving 24/11/11

Đầu Họ Đạo TT HoustonTexas: CTS Phạm văn Soi.

(Home) 832-230-0869

Hội Đồng Quản Trị:

Hiền Tài Trịnh Quốc Thế

(Cell) 832-755-0105. Email: theqtrinh@yahoo.com

Ban Tạo Tác :

Đông Y Sĩ Cảnh Thiên

(Cell) 713-231-4425 Email: hoadahouston@gmail.com

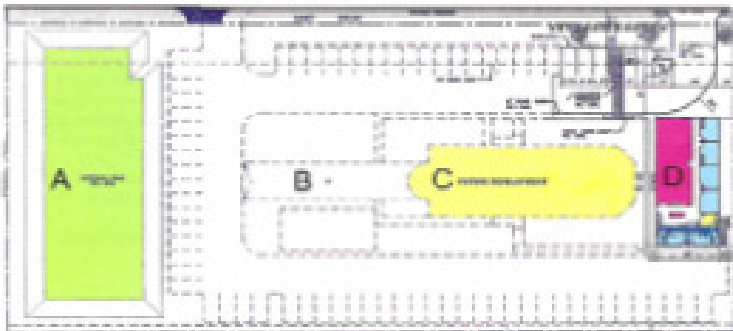
Xin lưu ý:

Mọi đóng góp công quả đều được cấp biên nhận và được miễn trừ thuế. Check, Money Order xin gửi về:

Thánh Thất Cao Đài Houston Texas
P.O.BOX 711385-
Houston, TX 77271-1385.



Sơ Đồ Tổng Thể
Thánh Thất Cao Đài Houston Texas



- A: Hồ Sen - Diện Tích: 10,800 SF
- B: Sân Đại Đồng - Cổng Chính - Trụ Phướn
- C: Chánh Điện Theo Mẫu TTTN - Diện Tích: 5,600 SF
- D: Hậu Điện - Diện Tích: 3,200 SF

**CƠ QUAN ĐẠI DIỆN
CAO ĐÀI HẢI NGOẠI**
9702 Bolsa Ave. # 100
Westminster, CA 92683

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Bát thập lục niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

Số: 07/VP/QCT

Ngày 29/5/2011.

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI

TÂM THƯ

Kêu gọi Phát tâm Công quả

Yểm trợ xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston Texas, Hoa Kỳ

Kính gửi: Quý Chức sắc, Chức việc các Cơ sở Đạo và Đồng Đạo tại hải ngoại.

Kính thưa Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ,

- Căn cứ vào Tâm Thư của Hành Chánh Đạo Thánh Thất Cao Đài Houston Texas kêu gọi yểm trợ xây cất Thánh Thất theo mẫu Tòa Thánh Tây Ninh (Đính kèm)

- Căn cứ chủ trương của Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại trong Đại Hội lần I tại Houston, TX ngày 27&28-11-2010 là “tích cực yểm trợ các công trình xây cất Thánh Thất ở Hải Ngoại mà trọng tâm là tập trung yểm trợ dự án xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston Texas sớm được hoàn thành.

-Nhận định rằng Cơ sở Đạo tại địa phương nào ở hải ngoại có

điều kiện xây dựng Thánh Thất theo mẫu Tòa Thánh Tây Ninh để hình thành Ngôi Thờ Đấng Cha chung của nhơn sanh là làm tiên phong gương cao ngọn cờ Cứu khổ của Đức Chí Tôn đối với nhơn loại. Đây cũng là phương sách góp phần mở ra Trường thi Công quả cho tín đồ và toàn cả nhơn sanh có cơ hội lập công bồi đức.

-Xét rằng địa điểm đang xây dựng Thánh Thất Cao Đài Houston Texas tọa lạc trên một lô đất vuông vức hai mẫu tây (đã làm xong khu Hậu Điện và nay đã bắt đầu khởi công xây Chánh Điện sau khi được Giấy phép xây cất của Thánh Phố) là một địa điểm gần trung tâm thành phố Houston, Texas, được xem là một trong những trung tâm lớn của nước Mỹ. Do đó, khi Thánh Thất được hoàn thành, ngoài việc hành trì Đạo sự tại địa phương, sẽ góp phần phát triển nền Đạo và phổ truyền nền Chánh giáo của Đức Chí Tôn tại hải ngoại.

Kính thưa quý Hiền Huynh Hiền Tỷ,

Qua các nhận định trên, Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại thành tâm kêu gọi Quý Chức sắc, Chức việc các Cơ sở Đạo và Đồng Đạo khắp nơi ở hải ngoại hãy tích cực ủng hộ dưới mọi hình thức cho công trình xây dựng Thánh Thất Cao Đài Houston Texas theo mẫu số 3 để công trình vĩ đại này sớm được hoàn thành.

Riêng trong phạm vi của Cơ Quan Đại Diện, thay mặt Hội Đồng Đại Diện, kính đề nghị quý Huynh Tỷ lãnh đạo các Cơ sở Đạo Thành viên hãy hết sức quan tâm phổ biến, vận động Đồng đạo tại địa phương chung tâm hiệp sức cùng Đồng Đạo tại TT Houston hội nhập vào trường công quả để giúp công trình lớn lao này sớm được hoàn tất.

Tin tưởng vào tiền đồ của nền Đạo tại hải ngoại, vào tấm lòng của tất cả chư Huynh Tỷ, chúng tôi tin rằng ngày Lễ Khánh Thành Thánh Thất Cao Đài Houston Texas sẽ không xa và đây

sẽ là ngày vui chung của người tín đồ Cao Đài hải ngoại thể hiện tinh thần “Thương Yêu và Hiệp Nhất”.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban ân lành cho chư Huynh Tỷ và gia quyến luôn được hạnh phúc an vui và tu tiến trên đường lập vị.

Trân trọng.

TM. CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI
Qu. CHỦ TRƯỞNG

(Ký tên và đóng dấu)

HIỀN TÀI PHẠM VĂN KHẨM

Đồng kính gửi:

-Tập San Thế Đạo

-Tập san Qui Nguyên

-Các trang mạng www.banthedao.org, www.quinguyen.org

“để kính xin phổ biến”



Ban Thế Đạo Hải Ngoại **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ**
3076 Oakbridge Dr (Bát thập lục niên)
San Jose ,CA 95121 Tòa-Thánh Tây-Ninh

Số 08/VP/BTDHN/2011

San Jose, ngày 01-04-2011

Ban Thế Đạo Hải Ngoại,

Kính gửi : *Ban Thế Đạo Bắc California- Ban Thế Đạo Nam California- Ban Thế Đạo Texas – Ban Thế Đạo Úc Châu.

*Các Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các Bang tại Hoa Kỳ,

*Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Canada, tại Pháp.

*Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ Hiền Tài / HTDP tại Hải Ngoại.

*Quý Đồng đạo và Thân hữu.

Trích yếu: v/v yểm trợ xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

Tham chiếu: *Tâm thư ngày 15-03-2011 của Thánh Thất Cao Đài Houston Texas.

*Phương hướng Hoạt Động của Ban Thế Đạo Hải Ngoại năm 2010-2013.

Thưa quý Hiền Huynh Hiền Tỷ,

Trong Đại Hội Hiền Tài kỳ 6 tổ chức ngày 25-12-2010 tại Thánh Thất Cao Đài Houston Texas số 8415 S. Breeze Dr, Houston TX 77071, Đại Hội đã đồng thanh nhất trí thông qua Bản Phương Hướng Hoạt Động của Ban Thế Đạo Hải Ngoại cho những năm 2010-2013. Bản Phương Hướng này gồm có 8 điểm trong đó ở điểm 7 đã ghi như sau:

“Yểm trợ tích cực việc xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston Texas để công trình này sớm được hoàn thành.”

Nay Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã nhận được Bức Tâm Thư ngày 15-03-2011 của Hành Chánh Đạo, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tạo Tác Thánh Thất Cao Đài Houston Texas thông báo cho biết là đã nhận được giấy phép xây cất Thánh Thất số 10058284 ngày 08-03-2011 và kêu gọi yểm trợ việc xây cất.

Nhận định rằng Thánh Thất là cửa chung của nhân sanh và là nơi trang nghiêm cần có để thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, việc yểm trợ xây cất Thánh Thất dưới mọi hình thức cũng đều là phương tiện giúp chúng ta mạnh dạn bước vào Trường Thi công quả, và căn cứ vào điểm 7 Phương Hưởng Hoạt Động của Ban Thế Đạo Hải Ngoại trong những năm 2010-2013, chúng tôi xin thông báo và kính mời quý Hiền Huynh Hiền Tỷ tích cực yểm trợ việc xây cất Thánh Thất Cao Đài Houston theo mẫu số 3 để việc xây cất được sớm hoàn thành.

Chúng tôi nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban hồng ân cho quý Hiền Huynh Hiền Tỷ luôn luôn được sức khỏe dồi dào, thân tâm an lạc và tu tiến trên đường Đạo.

Trân trọng

TM. Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Tổng Quản Nhiệm,

HT Nguyễn Ngọc Dũ.

Đồng kính gửi:

www.banthedao.org & www.quinguyen.org.

Tập San Thế Đạo

“Để xin tùy nghi phổ biến rộng rãi”

Hồ sơ- Lưu

Tin Tức Đạo Sự Tóm Lược

I- Tin Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Theo tin từ Ban Thế Đạo Hải Ngoại, từ tháng 7 đến tháng 11-2011, Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã công nhận thêm 4 vị Hiền Tài Dự Phong hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại như sau:

1-Mai Xuân Thanh, sinh năm 1945 tại Quảng Nam, hiện ngụ tại San Joss, California.

2-Bùi Lê Phong, sinh năm 1962 tại Sài Gòn, hiện ngụ tại News South Wales, Úc Châu.

3-Phạm Ngọc Nhi (nữ), sinh năm 1954 tại Sài Gòn, hiện ngụ tại New South Wales, Úc Châu.

4-Nguyễn Minh Phụng (nữ), sinh năm 1979 tại Sài Gòn, hiện ngụ tại New South Wales, Úc Châu.

Tập San Thế Đạo xin chúc quý vị tân Hiền Tài Dự Phong luôn luôn dồi dào sức khỏe, tu tiến trên đường lập vị.

2-Tin Tộc Đạo Santa Clara, CA

Theo bản Phúc Trình số 01/HĐ/PT ngày 08-11-2011 (ngày 13 tháng 10 Tân Mão) do CTS Nguyễn Văn Bé, Đầu Hương Đạo San Jose, CA phổ biến thì kể từ ngày ký tên Bản Phúc Trình nêu trên, Chức Việc Hương Đạo San Jose, CA vẫn giữ quyền và bổn phận chức việc trong địa phương hành đạo nhưng không còn hợp tác hành đạo dưới quyền HH CTS Mai Ngọc Tuyết và hoàn toàn không liên đới trách nhiệm cầm quyền hành chánh của HH CTS Mai Ngọc Tuyết tại Thánh Thất San Jose về mọi phương diện đạo lẫn đời.

Bản phúc trình có nêu 8 lý do và ghi tên 5 vị Chức Việc Hương Đạo San Jose, CA không còn hợp tác hành đạo dưới quyền CTS Mai Ngọc Tuyết .

Năm vị chức việc nêu trên như sau:

1- CTS Nguyễn Văn Bé, Nam Đầu Hương Đạo San Jose.

2- CTS Lê Thị Kim Ánh, nữ Đầu Hương Đạo San Jose.

3- PTS Lê Kim Tuấn,

4- Phó Trị Sự Lê Thị Nhựt.

5- Thông sự Nguyễn Hữu Nhựt.

Mọi việc xin liên lạc CTS Nguyễn Văn Bé, điện thoại số 408-832-7048.

3- Tin Alabama

Lễ An vị Thánh Tượng một gia đình đầu tiên tại thành phố Madison bang Alabama.

Vào ngày 15-11-2011 một phái đoàn chức việc và đồng đạo Thánh Thất & Điện Thờ Phật Mẫu Dallas-Fort Worth đã đến thành phố Madison bang Alabama An vị Thánh tượng cho gia đình đạo hữu Lê Thị Hồng Hạnh. Đây là gia đình đầu tiên tại Alabama An vị Thánh Tượng để cúng kiếng Đức Chí Tôn và các Đấng tại tư gia.

Lễ An vị Thánh Tượng đã được diễn ra vào lúc 12 giờ trưa ngày nêu trên trong không khí trang nghiêm và đầm ấm với sự tham dự của Chức việc Bàn Trị Sự và đồng đạo Thánh Thất Dallas-Fort Worth Texas và Thánh Thất Atlanta Georgia.

4-Tin Thánh Thất Cao Đài Houston Texas

Vào ngày Chủ Nhật 11-12-2011 Thánh Thất Cao Đài Houston Texas đã tổ chức Lễ Cầu Nguyện Khởi Công Xây Cất Thánh Thất.

Tưởng cũng nên nhắc lại trước đây, Thánh Thất đã xây được một Hậu Điện rất rộng rãi và khang trang và Hậu Điện đã được khánh thành vào ngày 28-11-2009. Và sau gần một năm vất vả Hành Chánh Đạo địa phương đã xin được phép xây cất Thánh Thất và đã được một trong 10 nhà thầu nhận xây cất với kinh phí hơn 1 triệu đôla chưa kể trang trí và thiết bị bên trong.

Cơ quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại và Ban Thế Đạo Hải Ngoại hoàn toàn yểm trợ chương trình xây

Vài Hình Ảnh Ngày Lễ Cầu Nguyện 11-12-2011





Tường Thuật

Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Dallas- Fort Worth tổ chức LỄ TANG PTS NGUYỄN THỊ BÍCH HẬU QUI VỊ

Lần đầu tiên Thánh Thất và ĐTPM Dallas Fortworth tổ chức Lễ tang rất chu đáo có đầy đủ Ban Bộ Lễ Nhạc Đồng Nhi và Đạo Tỳ.

Theo Cáo Phó của Tang chủ. PTS Nguyễn thị Bích Hậu thuộc Hương Đạo Arlington (TX) qui vị vào lúc 5:50 ngày 3-10 Tân Mão (19-11-2011) tại Thành phố Wylie, Bang Texas.

Khi Tang chủ trình xin Thánh Thất lo phần Tang Tế sự, chuông báo tử gióng lên tại Thánh Thất. Tộc Đạo cấp bách tăng cường phân nhiệm cho BTS Hương Đạo Dallas đến tư gia tụng Kinh đồng thời lập Chương trình Tang lễ.

* Ngày 5-11-2011:

- Lúc 7 giờ 30 sáng, quan tài được chở đến Thánh Thất Garland đặt ở Hậu điện.



- Ngọ thời: Cúng Chí Tôn và Lễ kỷ niệm Đức Quyền Giáo Tông, có Nhạc lễ.

- Lúc 2 giờ chiều: Cúng vong, Tế điện và Cầu siêu.

* Ngày 6-11-2011:

- Lúc 9 giờ 30 sáng: Cáo từ Tổ, Cúng lễ, Cầu siêu, ai chúc

- Lúc 12 giờ: Di quan.

Tham dự Lễ Tang, chúng tôi nhận thấy Chức sắc Hiền Tài Ban Thế Đạo bang Texas, quý Chức việc các cơ sở Hành Chánh,

Phước Thiện, Quan khách, Đồng Đạo cùng bằng hữu xa gần đến tham dự gồm có:

*** Về phần Đạo:**

- Hiền Tài Lâm San Hà, HT Lâm Hoàng Minh, HT Ngô Văn Vội, và HT Lê Thị Huệ Hường
- CTS Lê Phú Hữu, CTS Bùi Văn Quan, Q. Chủ Trưởng Đặng Phước Reng Thánh Thất và ĐTPM Mountain View (TX)
- CTS Bùi Văn Sở và Đồng Đạo Thánh Thất Austin (TX)
- CTS Phạm Văn Soi và HH. HTDP Nguyễn Công Tranh cùng Đồng Đạo Thánh Thất Houston (TX)
- CTS QĐT Phan Thị Sáu và Đồng Đạo Thánh Thất và ĐTPM Houston (TX)
- PTS Nguyễn Công Trện và Đồng Đạo Thánh Thất và ĐTPM San Antonio.
- Quý Chức việc cùng quý Huynh, Tỷ, Đệ, Muội Liên Hương Arlington, Dallas và Garland. . .

*** Phần Báo chí và Quan khách**

- Đại diện Phật Giáo Hòa Hảo: Ông Võ Đan Lỳ và Huỳnh Tấn
- Tuần báo Người Việt: Ông Bà Thái Hóa Lộc
- Quý thông gia cùng bằng hữu và thân bằng quyến thuộc của Tang chủ.

Sau phần nghi thức Tế lễ và thăm viếng lần sau cùng, đại diện các Cơ sở Đạo đọc diếu văn gồm có HH CTS Lê Phú Hữu, HH CTS Phạm Văn Soi.

Tiếp đến thân phụ cố PTS Nguyễn Thị Bích Hậu là HH CTS QĐT Nguyễn Công Tranh thay mặt Tộc Đạo và tang quyến đáp từ với lời chân thành tri ân, cảm tạ:

- Ông Võ Đan Lỳ và ông Huỳnh Tấn Đại Diện Phật Giáo Hòa Hảo.
- Cơ Quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại và Châu Đạo California.
- Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Ban Thế Đạo bang Texas.
- Quý HH. Hiền Tài Ngô Văn Vội, HT Lâm San Hà, HT Lâm Hoàng Minh, Hiền Tỷ HT Lê thị Huệ Hường.
- Tộc Đạo Orangetown (CA), Tộc Đạo New Orleans (LA).

- Tộc Đạo và Quản Tộc Houston (TX), BTS Thánh Thất Houston (TX).
- BTS và Ban Quản Tộc Thánh Thất và ĐTPM Mountain View (TX).
- BTS Thánh Thất Austin (TX), BTS Thánh Thất San Antonio (TX).
- Cựu sinh Đạo Đức Học Đường Lê Văn Trung và cựu Thiếu Nhi Quân Cao Đài.
- Ban Nhạc Lễ Đồng Nhi, Ban Lương Vụ (ẩm thực), Ban Đạo Tỳ Thánh Thất và ĐTPM Dallas -Fort Worth.
- Ban Công Vụ, đặc biệt Hiền Huynh T/S Huỳnh Văn Tư cấp tốc xây mái hiên khang trang để dâng cho Lễ sĩ hành lễ.
- Quý Đệ Muội ĐĐTNH Dallas Fort-Worth.
- Quý Ông Bà thông gia.

Cùng toàn thể ân nhân, bằng hữu, xa gần đã dành giờ quý báu đến thăm viếng, tụng Kinh cầu nguyện, gửi tiền phúng điếu, gửi vòng hoa, mâm tế, gửi điện thư, điện thoại đến phân ưu và tiễn đưa linh cữu của con, chị, em, hiền thê và thân mẫu chúng tôi là Cố PTS Nguyễn Thị Bích Hậu đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Hiền Huynh cũng ngõ lời chân thành cáo lỗi về những sơ sót xảy ra và mong được sự niệm tình thứ lỗi cho.

Sau đó Hiền Huynh CTS QĐT Nguyễn Công Tranh thông báo số tiền phúng điếu được tất cả là: 9,935USD, số tiền này phụ quân cố PTS Nguyễn Thị Bích Hậu là Phillip Trịnh xin hỷ hiến lại cho Thánh Thất.

Đã đến giờ Ban Đạo Tỳ nhập vào bái quan để đưa quan tài đến nơi an nghỉ cuối cùng. Dẫn đầu là Trưởng Ban, T/S Lương Vương Thiện đứng trước quan tài, thay mặt cho Ban Đạo Tỳ sau khi cung kính “Kính bạch Hội Thánh, Kính quý chức sắc, chức việc và Đồng Đạo; Kính HH. CTS QĐT Thánh Thất Dallas - Fort-Worth . . .”, Hiền Huynh đã bày tỏ lời thành thật chia buồn cùng tang quyến và cầu nguyện cố PTS Nguyễn Thị Bích Hậu được các Đấng đui dẫn sớm về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đã đến giờ di quan, Hiền Huynh Trưởng Ban Đạo Tỳ xin phép

làm nhiệm vụ.

Bái quan xong, Ban Đạo Tỳ di quan theo sau Bảng Đạo, phướn Thượng Sanh, bàn vong cùng đồng nhi tụng bài Kinh đưa linh



cửu lên xe tang.

Đoàn xe đưa linh cửu có 3 xe Cảnh sát hộ tống, theo sau là đoàn xe khá đông tiễn đưa.

Đến địa điểm, Ban Đạo Tỳ hành Lễ Động quan, Đồng nhi đọc Kinh Hạ huyết và tụng Vãng Sanh Thần Chú.

Ngàn thu vĩnh biệt bạn đồng môn và người thân. Cố PTS Nguyễn Thị Bích Hậu vĩnh viễn ra đi để lại bao thương tiếc cho Đồng Đạo, bao nước mắt cho tang quyến.

Một lần nữa, HH CTS QĐT Nguyễn Công Tranh bày tỏ lòng tri ân và cảm tạ đến quý Quan khách, quý Chức sắc Hiền Tài BTD, quý Chức việc, Đồng Đạo, bằng hữu, quý Ban Bộ đã tận tình giúp đỡ trong suốt tuần qua trong tình Đồng Đạo, Đồng môn, đồng hương đã gắn bó chung lo tang lễ được tốt đẹp và tiễn đưa linh cửu con chúng tôi đến nơi an nghỉ.

Cả Tang gia đồng quì bái lạy hai lạy để tỏ lòng tri ân Hội Thánh và toàn thể Đồng Đạo và Quan khách cùng ban bè thân hữu tham dự Lễ Tang.

Mọi người lần lượt ra về với bao niềm thương tiếc.

“Vạn sự viết vô”, mọi người đều thành tâm cầu nguyện cho Hương Linh người quá cố sớm an nhàn nơi Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Mai Trần

Thánh Thất Seattle mừng ngày Khai Đạo năm thứ 87

Rằm tháng 10 cũng là Rằm Hạ Nguơn và Kỷ Niệm ngày Khai Mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một trong những ngày Lễ quan trọng bậc nhất trong Đạo Cao Đài.

Năm nay Rằm tháng 10 rơi vào ngày thứ năm trong tuần, trước khi cúng Bàn Trị Sự Thánh Thất Seattle họp bàn và quyết định năm nay sẽ cúng đàn lễ Hạ Nguơn vào ngày Chủ Nhật 18 tháng 10 Tân Mão.

Từ 7 giờ sáng ngày Chủ Nhật, các vị có phận sự đã đến Thánh Thất, nào là làm bếp, chưng bông trái, rửa ly tách, đèn nhang



trên điện. Mọi người đều vui vẻ và ý thức rằng đây cũng là việc làm công quả hằng ngày vậy.

Vào khoảng hơn 10 giờ đồng đạo qui tụ khá đông đảo. Các ngày cúng Đàn thường thì trên 50 vị còn ngày chủ nhật không có cúng Đàn thì trên 30 vị, phái nữ luôn luôn đi cúng đông hơn phái nam.

Về phần nghi thức cúng kiếng Thánh Thất chưa có Ban Nhạc, chỉ có 4 Lễ sĩ đi tượng trưng mà thôi. vì vậy cúng Đại Đàn hay Tiểu Đàn cũng y như nhau.

Sau khi bãi đàn HH. Qu. Đầu Tộc Mai Văn Tím đọc một vài đoạn giáo lý hay nói lên ý nghĩa ngày lễ. Lễ Khai Đạo năm nay Hiền Huynh đọc bài Ý nghĩa Đại Ân Xá trong Tam Kỳ Phổ Độ (Bài này do HH. HT. Phạm Văn Khảm chuyển qua email). “ Đức Chí Tôn ban Đại Ân Xá Kỳ 3 gồm có 5 điểm ân xá để các con nên Đạo.

Ân xá thứ 1: Tha thứ tội lỗi qua nhiều kiếp cho những người đã nhập môn cầu đạo, lập minh thệ với Đức Chí Tôn, nhất tâm tu hành.



Ân xá thứ 2: Cho các tín đồ Cao Đài khi chết được Cửu vị Tiên Nương hướng dẫn chơn hồn đi lên 9 tầng Trời . Ở mỗi tầng đều được chiêm ngưỡng cảnh đẹp và bái kiến các Đấng Thiêng Liêng để hưởng nhiều ân huệ. Đặc biệt đến tầng Trời thứ 9 tức tầng Trời Tạo Hóa Thiên hạnh ngộ được bái kiến Đức Phật Mẫu nơi Diêu Trì Cung và sau đó lên Ngọc Hư Cung dâng lễ Đức Chí Tôn và được cây cân Thiên Bình của Tòa Tam Giáo

cân tội phước.

Phước nhiều được phong thưởng phẩm vị Thần, Thánh, Tiên Phật. Tội nhiều, thay vì bị đọa ở chốn địa ngục lại được về cõi Âm Quang, nhập Tịnh Tâm Xá. Nơi đây có Thất Nương Diêu Trì Cung giáo hóa các nữ tội hồng và Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa nam tội hồng.

Ân xá thứ 3: Đức Chí Tôn cho đóng cửa địa ngục, các tội hồng được đưa về cõi Âm Quang để tu học chờ ngày tái kiếp trở lại cõi trần trả cho xong nghiệp quả.

Ân xá thứ tư: Những người bị tội Tận đọa Tam Đồ hoặc tội Ngũ Lợi tru diệt, nay cũng được hưởng Đại Ân Xá này, nghĩa là được Đức Phật Mẫu hườn lại Chơn Thần để tái kiếp lập công chuộc tội.

Nói tóm lại vì thương các con Đức Chí Tôn phải nhọc lòng trực tiếp dạy dỗ và ban ân Đại Ân Xá để các con của Ngài dễ bề nên Đạo. Đồng thời Đức Chí Tôn cũng khẳng định rằng gặp Tam Kỳ Phổ Độ này mà không tu thì không còn trông mong gì siêu rỗi.

Riêng về phần “ Nếu biết ngộ kiếp một đời tu đủ trở về cùng Thấy đặng”, HH Qu. Đầu Tộc giảng giải thêm là theo ý Huỳnh được biết có vài cách tu để được trở về cùng Thầy trong một kiếp sanh như là:

Cách thứ nhất theo Bài Thuyết Đạo của Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa “ Con người có thể trả hết nợ trong một kiếp sống hay không?” :

“ . . .Nếu ta đem hết tâm thành hy sinh trọn vẹn thân phàm để phục vụ cho nhơn loại, hay cho những kẻ xung quanh mình mà không có một điều gì nhỏ mọn để nghĩ đến mình, tức là phải sống một đời hoàn toàn vị tha không còn một điều gì nhỏ nhít nào vị kỷ, mặc dầu kết quả về mặt hữu hình không xứng đáng là bao, nhưng tấm lòng chơn thành quyết chí trọn vẹn hy sinh đã bao trùm hết, và nếu quả quyết làm đúng như vậy, thì quyền Thiên Liêng sẽ cho trừ hết nợ trong một kiếp.” Ngài Bảo Đạo dẫn chứng câu chuyện vị Phật đã dám quên cả

thân mình một lòng lo phận sự cho Đạo nên cuối cùng được Phật rước, tức là đã được giải thoát hay là đã trả hết nợ tiền khiên trong một kiếp sanh.

Cách thứ hai: Theo lời dạy của Đức Chí Tôn “Dầu cho có kẻ nào phạm tội đầy đầy mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũng đặng siêu thoát”. Mà muốn còn tỉnh thức để kêu danh Thầy trong khi hấp hối thì ngay từ bây giờ phải tập luyện pháp môn niệm danh Thầy, nếu chúng ta luyện được nhất tâm bất loạn sẽ được về cùng Thầy hay sẽ được giải thoát khi mãn kiếp sanh. Dĩ nhiên là chúng ta phải rán lo lập công bồi đức, dưỡng tánh tu tâm kèm theo việc niệm danh Thầy mới mong đoạt được kết quả.

Sau khi mãn Đền, đến phần cúng tế và cầu siêu Cửu Huyền Thất Tổ nơi tầng dưới của Thánh Thất. Sau đó mọi người dung cơm chay và ra về trong niềm hân hoan hẹn gặp lại vào chủ nhật tới.

Quang Thông

Tứ Đại Điều Qui

Điều thứ hai mươi hai: Buộc phải trau dồi đức hạnh giữ theo Tứ Đại Điều Qui là:

1- Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bậc thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lỡ lầm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

2- Chớ khoe tài đưng cao ngạo quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đưng nhớ cừu riêng, chớ che lấp người hiền.

3- Bạc tiền xuất nhập phân minh, đưng mượn vay không trả. Đối với trên dưới đưng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đưng mất khiêm cung.

4- Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực. đưng kính trước rồi khi sau.

Đưng thấy đồng đạo tranh đua ngôi mà xem không để lời hoà giải, đưng lấy chung làm riêng, đưng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đưng lấy ý riêng mà trái trên dễ dưới. Đưng cậy quyền mà yếm tài người.

(Trích Tân Luật - Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Thánh Thất New Orleans LA mừng Ngày Khai Đạo năm thứ 87.



Hằng năm cứ đến ngày Rằm tháng 10 người tín đồ Cao Đài từ khắp năm châu đều nao nức đón mừng ngày chính thức Đức Chí Tôn giáng trần khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, còn gọi là Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài được khai mở vào ngày Rằm tháng 10 năm Mậu Dần (1926) tại chùa Gò Kén, Tỉnh Tây Ninh, đến nay mới trọn 87 năm.

Tuy hãy còn mới mẻ nhưng số tín đồ mộ Đạo ở khắp mọi nơi rất nhiệt thành với Đạo nên các Thánh Thất dần dần được mọc lên khắp cả Việt Nam và toàn thế giới theo Đức Tin của người con Đạo.

Vì vậy cho nên các tín đồ tại thánh phố New Orleans tiểu bang LA cũng không khác các tín đồ ở khắp nơi đều hạn hoan tổ chức trọng thể mừng ngày Khai minh của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tín đồ tại đây tuy rất khiêm tốn nhưng đầy chân tình đã cố

gắng trong khả năng của mỗi anh chị em có được cùng góp sức lực tổ chức buổi lễ để ghi nhớ ngày Đức Thượng Đế mở nguơn hội mới, thời kỳ Đại Ân Xá kỳ 3 dạy nhân loại thực hiện chủ thuyết Đại Đồng Huynh Đệ thể hiện qua Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh đồng thời để tưởng niệm công đức của các Bậc Tiên Nhân có công khai sáng nền Đạo.



Chín giờ sáng ngày Chủ Nhật 13-11-2022 đồng đạo khắp nơi tề tựu về sân Thánh Thất thật là nhộn nhịp. Họ đến từ các tiểu bang Tennessee, Texas, Mississipi và các thành phố như Baton Rouge, Houma, Morgan City . . . và lần lượt đến 10.30 AM các quan khách của các tôn giáo bạn, của Cộng Đồng, các Hội Đoàn, phóng viên truyền thanh, truyền hình và đồng hương đến chật sân không còn chỗ trống. Một không khí tưng bừng của ngày Lễ Khánh Thành 5 năm trước lại hiện ra một cách náo nức. Mọi người hân hoan tay bắt mặt mừng chào hỏi nhau vui vẻ. Và tất cả các quan khách cùng tham dự Lễ Đại Đàn với nghi thức nghiêm trang đầy đủ lễ nhạc mà họ ngạc nhiên mới thấy lần đầu tiên chưa bao giờ xảy ra ở các tôn giáo khác. Nhân dịp này các chị em trong Bàn Trị Sự nữ khoán đãi một buổi tiệc chay thân mật cây nhà lá vườn rất đặc sắc với khẩu

vị Cao Đài. Thức ăn tràn ngập, mọi người ăn ngon miệng đúng với câu “Được ăn, được nói, và được gói đem về”, còn hẹn sẽ gặp nhau vào năm tới.



Nhờ những con tim nhân ái của các đồng hương, đồng đạo ở khắp nơi đóng góp nên buổi lễ thành công tốt đẹp từ vật chất lẫn tinh thần. . . Trước khi mọi người chia tay Thủ Quỹ cho biết kết quả tài chánh thu được gấp 3 lần mơ ước của mọi người. Toàn thể tín đồ Cao Đài tại Thánh Thất New Orleans xin chân thành cảm ơn quý Quan Khách, quý đồng hương và quý đồng đạo khắp nơi.

Độc và Cổ Động Tập San Thế Đạo

Sinh Hoạt Đạo Sự tại Alabama

Phái Đoàn Thánh Thất và ĐTPM Dallas FortWorth, Texas
dự Lễ An vị Thánh Tượng ở Thành phố Madison, Bang Alabama

Hành trình đi dự lễ An vị Thánh Tượng cho Hiền Muội Lê Thị Hồng Hạnh ở Thành phố Madison bang Alabama.

Xin nhắc lại Hiền Muội Hạnh là một đạo hữu ngoan Đạo và là Trưởng nữ của HH Hiền Tài Lê Thành Hưng, trước đây ngụ ở Hương Đạo Dallas (TX). Nay dời nhà về gần Cha Mẹ và anh em ở bang Alabama.

Khi được thư mời dự Lễ An vị Thánh Tượng, Tộc Đạo đã phổ biến và tổ chức ngay một phái đoàn đi dự lễ. Đồng đạo ghi danh khá đông, nhưng do hoàn cảnh xe cộ chỗ ngồi có giới hạn nên phái đoàn do HH Thông Sự Mai Văn Liêm hướng dẫn gồm có chư vị sau đây: Nữ CTS Qu.Đầu Tộc Võ Thị Phụng, CTS Lâm Thị Xuân, Nữ Chủ Trưởng Trần Thị Nam Em, Cựu Chủ Trưởng Nguyễn Minh Cứ, T/S Nguyễn Kim Hương và hai HH Nguyễn Thanh Hùng, HH Nguyễn Thái Bình phụ trách tài xế mới đủ sức lái đường xa với lộ trình dài khoảng 700 miles.

Phái Đoàn bắt đầu xuất phát từ 6 giờ sáng ngày 24-11-2011 tại Thánh Thất Garland và mãi đến 9 giờ tối mới đến nơi trên 15 giờ. Đến chậm vì đường xá xa lạ đến nỗi phải liên lạc nhờ gia đình HT Hưng tủa ra đi rước.

Sáng hôm sau 25-11-2011, vào ngày lễ Tạ Ơn, có thêm phái đoàn ở Thánh Thất Atlanta (GA) do HH. PTS Nguyễn Xuân Trường hướng dẫn.

Thật là hữu duyên cho gia đình Hiền Muội Hạnh có được hai Tộc Đạo dự lễ An Vị Thánh Tượng.

(Xin xem tiếp trang 187)

Thi phẩm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm trong kinh sách Đạo Cao Đài Lê Tấn Tài

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm là một người đàn bà Việt Nam có thi tài đặc biệt trong đầu thế kỷ 18. Bà đã để lại cho hậu thế nhiều thi phẩm bằng chữ Nho và diễn Nôm xuất sắc “Chinh Phụ Ngâm”, đặc biệt, bà chia sẻ những tình cảm thương nhớ, đau khổ của người chinh phụ trong cảnh vợ chồng ly biệt vì người chồng bận đi chinh chiến. Sau khi mất, nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã giảng cơ ban cho đạo Cao Đài thi phẩm “Nữ Trung Tùng Phận”, giáo hóa nữ tín đồ Cao Đài làm tròn trách vụ của người phụ nữ trong nhơn đạo và thiên đạo, và 8 bài kinh tụng trong tang lễ của bộ kinh thế đạo.

Bài viết này sẽ giới thiệu sơ lược tiểu sử của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm và hoàn cảnh xã hội, tạo cho bà nguồn cảm hứng để diễn nôm thi phẩm “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn, cùng trích dẫn thi phẩm “Nữ Trung Tùng Phận” và 8 bài kinh.

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, hiệu là Hồng Hà, người làng Hiếu Phạm, huyện Văn Giang, xứ Kinh Bắc (Bắc Ninh). Bà là con gái ông Đoàn Doãn Nghi, và là em gái ông giám sinh Đoàn Doãn Luân,¹ Bà sanh năm Ất Dậu (1705), thời nhà Lê Trung Hưng, đời vua Lê Hy Tông. Chúa Trịnh là Định Vương Trịnh Cán, và Chúa Nguyễn ở phương Nam là Nguyễn Phúc Chu.^{2 3}

Nữ sĩ từ nhỏ rất thông minh, thi tài lỗi lạc. Xin trích dẫn vài giai

1-Dương Quảng Hàm, *Văn Học Việt Nam, Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục xuất bản, không ghi năm, trang 89*.

2-Đức Nguyên, *Giới thiệu và Chú Thích “Nữ Trung Tùng Phận”, Châu Đạo California, Hoa Kỳ, tái bản lần thứ nhất, 2004, trang 12*.

3-Vương Kim Hùng, *Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, Đặc San Hội Ai Hữu trường Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm & đồng hương Cần Thơ, Úc Châu, năm 2009, trang 128*.

thoại văn chương rất lý thú về nữ sĩ Đoàn thị Điểm:

“... Anh Luân thấy cô Điểm đang soi gương trang điểm nơi cửa sổ, liền ra câu đối:

Đối kính họa mi, nhưt điểm phiên thành lưỡng điểm.

Cô Điểm đối lại:

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.

Nghĩa là:

Trước gương vẽ mày, một điểm hóa thành hai điểm, cũng có nghĩa là một cô Điểm hóa thành hai cô Điểm.

Tối ao xem trăng, một vầng tròn chuyển thành hai vầng, cũng có nghĩa là một anh Luân chuyển thành hai anh Luân.

Sự tài tình ở đây là cảnh rất thực, dùng được tên 2 người, đúng với cảnh vẽ mày và ngắm trăng”.

Một giai thoại khác về nữ sĩ Đoàn Thị Điểm và Trạng Quỳnh: “Một hôm, cô Điểm đang ngồi bên cửa sổ thì Trạng Quỳnh tới, cô liền đọc một câu thách đối:

Song song là hai cửa sổ, hai người ngồi trong cửa sổ song song.

Trạng Quỳnh đối không được, chịu thua, rút lui.

Lần khác, cô Điểm gặp Trạng Quỳnh đi theo cô lên phố Mía, Sơn Tây. Cô đứng lại, chờ Quỳnh tới, đọc một câu thách đối:

Lên phố mía gặp cô hàng mật, cầm tay kẹo lại hỏi thăm đường.

Trạng Quỳnh lại chịu thua nữa, vì câu thách đối ra toàn là mía, đường, mật, kẹo, nên không thể kiếm ra chữ để đối lại.

Lần khác nữa, Trạng Quỳnh lại gần chỗ cô Điểm tắm, cô biết vậy, liền ra một vế thách đối:

Da trắng vỗ bì bạch

Bì là da, bạch là trắng, nhưng hai tiếng này theo nghĩa nôm là để tượng thanh, tiếng vỗ vào da thịt.

Trạng Quỳnh cũng đành chịu thua keo nữa”.¹

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm có thi tài đặc biệt, lời thơ tao nhã. Bà còn

1-Đức Nguyễn, Nữ Trung Tòng Phận, trang 32-33.

là một phụ nữ mẫu mực, nho phong, đầy đủ hiếu thảo, nghĩa khí, giữ gìn tứ đức, tam tòng.¹

Năm 37 tuổi, bà thành hôn với ông Nguyễn Kiều, tự Hạo Nhiên, người huyện Từ Liêm, xứ Sơn Tây, đỗ tiến sĩ năm 1715, làm quan tới chức Binh Bộ Tả Thị Lang.² Bà thường dạy học ở chốn kinh thành, học trò theo học cũng đông. Bà có soạn quyển Tục Truyền Kỳ bằng chữ nho,³ và diễn Nôm Chinh Phụ Ngâm⁴.

Nguyên văn Chinh Phụ Ngâm bằng chữ nho do ông Đặng Trần Côn viết. Hoàn cảnh xã hội dưới thời Lê Cảnh Hưng: Trong nước loạn lạc, quân lính phải đi đánh dẹp các nơi. Ông Đặng Trần Côn thấy những cảnh biệt ly trong dân gian, mới soạn ra khúc này. Nhiều người như ông Phan Huy Ích, bà Đoàn Thị Điểm đem dịch ra lời Nôm, nhưng bản dịch của bà Đoàn Thị Điểm hay hơn cả, nên còn truyền đến bây giờ...

Tuy nhiên, có thuyết cho rằng bản dịch Nôm này là của ông Phan Huy Ích, như Hoàng Xuân Hãn trong tập sách “Chinh Phụ Ngâm bị khảo xuất bản năm 1953 quả quyết,⁵ và ông Nguyễn Văn Xuân trong “Chinh Phụ Ngâm diễn âm tân khúc”.⁶ Trong “Lời Tựa”, ông Nguyễn Văn Xuân xác quyết ông Phan Huy Ích là người diễn Nôm “Chinh Phụ Nhâm diễn âm tân khúc” sau khi ông tìm thấy một bản “Chinh Phụ Ngâm diễn âm tân khúc” chép tay ở Huế năm 1970.

Tuy nhiên, cả hai luận thuyết của ông Hoàng Xuân Hãn và Nguyễn Văn Xuân không có cơ sở chắc chắn đủ sức thuyết phục.

1-Đức Nguyên, Nữ Trung Tòng Phận, trang 34.

2-Dương Quảng Hàm, Văn Học Việt Nam, trang 89.

3-Dương Quảng Hàm, Việt Nam Văn Học Sử Yếu, nhà xuất bản Sống Mới, Hoa Kỳ, 1979, trang 303.

4-Dương Quảng Hàm, Văn Học Việt Nam, trang 90.

5-Hà Như Chi, Việt Nam Thi Văn Giảng Luận, nhà xuất bản Tân Việt, 1956, tập 1, trang 159-160.

6-Nguyễn Văn Xuân, Nhà xuất bản Lá Bối, in lần thứ nhứt năm 1972, Sài Gòn, Việt Nam,

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm mất ngày mồng 9 tháng 11 năm Mậu Thìn (1748) trên đường theo chồng, ông Nguyễn Kiều, về giữ chức Tham Thị ở trấn Nghệ An.¹ Sau khi mất, nữ sĩ đã giảng cơ ban cho đạo Cao Đài thi phẩm “Nữ Trung Tùng Phận” (năm 1933) và 8 bài kinh tụng trong tang lễ (năm 1935).

Đạo Cao Đài được khai mở vào ngày rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926) tại chùa Gò Kén (tức Từ Lâm Tự), làng Long Thành, quận Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ là thuộc địa của Pháp, nên dân trí còn thấp, đặc biệt, nữ giới ít có cơ hội đến trường học để học hỏi, mở mang kiến thức. Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã giảng cơ ban cho nữ phái đạo Cao Đài một thi phẩm nặng tính giáo dục. “Nữ Trung Tùng Phận” là một thi phẩm độc nhất vô nhị trong kho tàng văn chương Việt Nam, vì nó không do một con người bằng xương bằng thịt nơi cõi phàm trần sáng tác, mà do một đấng nữ tiên nơi Thượng Giới dùng huyền diệu cơ bút của tiên gia trong đạo Cao Đài viết ra. Đấng nữ tiên đó là nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, mà chơn linh là một tiên nương nơi Diêu Trì Cung của Đức Phật Mẫu...

“Đây là một tác phẩm giáo dục, dạy Nữ phái về Nhơn đạo và Thiên đạo. Nhơn đạo gồm Tứ Đức và Tam Tùng. Khi Nhơn đạo xong thì người phụ nữ cần tiến lên tu Thiên đạo, cầu sự giải thoát khỏi luân hồi.

Trong thời Hạ nguơn Mạt kiếp, khoa học tiến bộ vượt bậc, làm cho nền văn minh vật chất lấn át cả tinh thần, đưa nhơn loại xu hướng vào đường vật dục hơn là đạo đức tinh thần, làm cho nền tảng đạo lý suy đồi, luân thường diên đảo.

May mắn cho nhơn loại, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng trần mở Đạo Cao Đài để cứu vớt nhơn sanh, lập nên 5 nấc thang tiến hóa cho nhơn loại, mà khởi đầu là Nhơn đạo, tiến lên kế trên là Thần đạo, rồi Thánh đạo, Tiên đạo và nấc thang thứ năm là Phật đạo.

Trong phần Nhơn đạo, Đức Chí Tôn chủ trương “Nho Tông

1-Hà Như Chi, sách đã dẫn, trang 158.

Chuyển Thế”, nghĩa là lấy tinh hoa của giáo lý Nho giáo làm căn bản để giáo hóa nhơn sanh, chỉnh đốn kỷ cương xã hội, khiến cho đời dần dần trở nên thuần lương đạo đức, đưa xã hội loài người tiến đến hòa bình Đại đồng Huynh đệ.

Trong chiều hướng đó, nhiều Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật, giảng cơ giảng dạy về Nhơn đạo, trong đó có Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ viết nên tác phẩm “Nữ Trung Tòng Phận” có mục đích giáo hóa Nữ phái, lấy Nhơn đạo làm nền tảng. Người phụ nữ cần phải trau dồi Tứ Đức, thực hành Tam Tòng, giúp chồng làm nên sự nghiệp, dạy dỗ con cái thành nhơn chi mỹ, hữu ích cho xã hội. Khi đã xong phần Nhơn đạo thì nương theo bóng Đức Chí Tôn tìm lên những nấc thang tiến hóa cao hơn là Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo, mà vượt qua bể khổ, thoát đọa luân hồi.

“Nữ Trung Tòng Phận” là một áng văn chương tuyệt tác, siêu phàm, được Đoàn Tiên Nương giảng cơ viết ra gồm 1401 câu thơ song thất lục bát, cùng một thể thơ với tác phẩm Chinh Phụ Ngâm.

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết “Nữ Trung Tòng Phận” với tất cả kinh nghiệm sống của Bà trong suốt kiếp sanh nơi cõi trần: Làm con trong gia đình, phụng dưỡng cha mẹ già, làm em giúp đỡ lo lắng cho anh chị và các cháu, rồi làm vợ, làm mẹ (mẹ nuôi), cộng với sự thông huệ của một bậc Thiên Tiên nơi cõi thiêng liêng, nên tác phẩm “Nữ Trung Tòng Phận” xuất sắc hơn nhiều so với Chinh Phụ Ngâm về phương diện nhẹ nhàng, thanh thoát, đầy lòng bác ái, vị tha.

Đức Chí Tôn có nói trước rằng: “Nam phong thử nhật biến Nhơn phong.” nghĩa là: Nền Phong hóa của người Việt Nam ngày ấy sẽ trở thành nền Phong hóa của nhơn loại, tức là nhơn loại ngày sau sẽ học tập và làm theo Phong hóa Việt Nam. Do đó, cần phải củng cố và chấn chỉnh nền Phong hóa nước nhà cho tốt đẹp, vẹn toàn thì mới làm gương mẫu được.

Nền Phong hóa đó phải bắt đầu từ gia đình, mà người phụ nữ là người đảm nhiệm vai tuồng quan trọng nhất. Cần phải hướng

dẫn người phụ nữ trở lại nền nếp tốt đẹp thời xưa với Tứ Đức, Tam Tòng, nhưng chỉ nên giữ lại phần tinh hoa tốt đẹp, bỏ bớt những điều làm giảm nhân cách phụ nữ và bất bình đẳng với Nam phái, cho hợp với trình độ tiến hóa của nơon sanh ngày nay.

Nội dung của tác phẩm Nữ Trung Tòng Phận là lời tự thuật của một phụ nữ có sắc đẹp, có tài năng và đức hạnh, kể từ lúc tuổi thanh xuân, rồi có chồng, theo về nhà chồng, phục vụ cho chồng và gia đình chồng, sanh con đẻ cái, nuôi dạy con cho khôn lớn, đến lúc tuổi già, răng long đầu bạc, qui y lo việc tu hành và thoát xác về Tiên.

165- Cầm bút ngọc đề thi tự thuật,
Một kiếp sanh của bậc văn tài.
Nêu gương tuyệt giá hậu lai,
Gỡ trong muôn một những bài sanh ly.

Tiên Nương Đoàn Thị Điểm mượn lời tự thuật này để giáo dục Nữ phái, lúc tuổi trẻ phải lo cho tròn Nhơn đạo, giữ vững Tứ Đức, Tam Tòng, giúp chồng và gia đình nhà chồng, nuôi dạy con cái lớn khôn nên người. Đến lúc trung niên, thì xong phần Nhơn đạo, người phụ nữ cần tiến lên tu phần Thiên đạo thì mới mong giải thoát khỏi kiếp luân hồi. (Thiên đạo là đạo tu giải thoát để lên cõi Trời. Đó là Tiên đạo và Phật đạo).

Tác phẩm này được Bà giảng cơ bắt đầu viết vào ngày 26-2-Quý Dậu (1933), nên nội dung tác phẩm cũng căn cứ vào hiện tình xã hội của nước Việt Nam ta thời đó. Đó là thời mà miền Nam Việt Nam (Nam Kỳ) là thuộc địa của nước Pháp, Trung Kỳ thì vẫn do vua quan nhà Nguyễn cai trị, nhưng đặt dưới sự bảo hộ của Pháp, xã hội vẫn còn phong kiến như thuở Bà Đoàn Thị Điểm sanh tiền, Nữ chưa được bình quyền cùng Nam.

Mở đầu tác phẩm, Tiên Nương Đoàn Thị Điểm thúc giục Nữ phái phải lo học tập văn hóa trong lúc tuổi còn niên thiếu, vì Bà cho rằng phụ nữ chưa được bình quyền cùng nam là vì dốt nát, nên bị khinh rẻ.

01-02. Dụng văn hóa trau tria nữ phách,

Lấy kinh luân thúc thách quần hồng.

Trong gia đình, người mẹ gần gũi, thân cận với con nhiều hơn cha, nên việc giáo dục của mẹ đối với con lúc con còn thơ bé rất là quan trọng.

Trong phần tiếp theo là lời Mẹ dạy con trai và con gái.

Mẹ dạy con trai: (từ câu 357 đến 592: 236 câu):

Dạy con đạo Nhơn luân, gồm Ngũ luân: Cách cư xử đối với quốc gia, đối với cha mẹ, đối với vợ, đối với anh em và đối với bạn bè.

Đối với quốc gia dân tộc, phải có lòng yêu nước và lòng trung thành (Trung):

381. Nếu đề đặng tinh trung hai chữ,
Vạch lưng con viết thử để dành.
Rủi cơn loạn quốc khuynh thành,
Tấm gan liệt sĩ cũng đành độ dân.

Dạy con phải có hiếu với cha mẹ (Hiếu):

485- Con ví biết trọng nghì phụ tử,
Hiển tông môn khá giữ nơi lòng.
Đừng làm nhục tổ hổ tông,
Lập thân trả hiếu nối dòng truyền hương.

Dạy con phải biết tôn kính thầy (Kính):

449- Tôn kính thầy cũng bì cha trẻ,
Mới đắc truyền mọi lẽ cao sâu.
Học hay kế nhiệm mưu mầu,
Học nên tài đặng giải sầu quốc gia.

Dạy con trai khi lớn lên, có vợ thì phải biết thương yêu, giúp đỡ vợ nhà, ăn ở cho có tình nghĩa, thủy chung:

525- Tình phu phụ biết bao nghĩa trọng,
Đạo nhơn luân gầy sống của đời.

Dầu cho non nước đổi dời,
Còn niềm chồng vợ, còn người còn ta.

Mẹ dạy con gái: (từ câu 593 đến 712: 120 câu).

Con gái phải lo trau dồi Tứ Đức: Công, Dung, Ngôn, Hạnh,
và giữ lấy Tam Tòng: Tòng phụ, Tòng phu, Tòng tử.

Mẹ dạy con gái về Dung:

621- Phàm phận gái đứng hàng khuê các,
Phải trau tria tướng hạc hình mai.
Chín tầng cửa đóng then gài,
Ra ngoài nghiêm nghị, trong bày đoan trang.

Mẹ dạy con gái về Ngôn:

625- Đối với khách đồng bàn đồng tuổi,
Nhớ cho hay lời nói giọng cười.
Ngôn từ ngọt dịu thanh tươi,
Tiếng tiêu khả phụng, phục người mới ngoan.

Mẹ dạy con gái về Công:

629- Gặp cơn rảnh nhà lan vắng khách,
Công chỉ kim, đèn sách học hay.
Trăm nghề đầu chẳng đủ tài,
Dệt văn Tô Huệ gỡ đày chinh phu.

Dạy con gái về Hạnh:

633- Sửa từ nét ngày thâu tập tánh,
Trăm hạnh hay bởi tránh điều thô.
Xấu xa rách rưới lỏa lồ,
Đoan nghiêm tánh đức cũng cho gái lành.

Dạy con gái lúc chưa chồng, thì ở nhà phải tòng Cha (Tòng phụ) và phải hiếu thảo với cha mẹ:

637- Còn đương thuở tuổi xanh thơ bé,
Rán theo cha học lễ, học văn.
Phép xưa tòng phụ đã rằng,
Dựa thân cội tử đợi hàng trượng phu.

Dạy con gái khi có chồng thì phải tòng chồng (Tòng phu) và giữ lòng chung thủy với chồng:

673- Đến lúc đã chung phòng hòa hiệp,
Phải tòng phu là phép xưa nay.

Người phụ nữ, nếu gặp phải số phận bạc bẽo, gầy gánh giữa đường thì điều cao quý nhất vẫn là giữ lòng chung thủy với chồng, ở vậy nuôi con và dạy dỗ con, hy sinh bản thân mình để tạo sự nghiệp cho con, hơn là tái giá, bước thêm bước nữa (Tùng tử):

777- Thôi đành gửi tâm hồn gió tuyết,
Theo nương con cho hết Tam Tùng.
Hoặc là tròn nghĩa thủy chung,
Hoặc là chia dạ nãi nùng với con.

Tu thì nên luyện đạo và sẽ được đắc đạo tại thế:

1249- Bế ngũ quan, không kiêng tục tánh,
Diệt lục trần xa lánh phàm tâm.
Mệnh Thiên giữ vững tay cầm,
Đoạt phương tự diệt, giải phần hữu sinh.

1257- Ngũ khí thanh diệt trừ quả kiếp,
Linh quang đầy đặn tiếp hồng ân.
Xác tại thế đã nên Thần,
Ba mươi sáu cõi đặng gần linh Thiên.

Rán cầm viết ghi lại những kinh nghiệm sống của đời mình để lưu lại khuyên dạy Nữ phái:

1381- Gắng cầm viết nín hơi sống tốt,
Đề năm vắn khắc cốt nữ lưu.
Dứt tình ái, giải sầu ưu,
Hễ thương thì cũng lo mưu giữ mình.

Nhiệm vụ đã xong, linh hồn thoát xác về Tiên, hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn:

1397- Buông ngọn viết vào làn mây trắng,
Hễ có thương nhớ dạng là hơn.
Cảnh Thiên gửi tức hương hồn,
Đề câu tiết nghĩa vĩnh tồn hậu lai.

1401- Đời đời danh chói Cao Đài.

Tác phẩm Nữ Trung Tùng Phận của Tiên Nương Đoàn Thị Điểm viết ra vào năm 1933, lúc đất nước ta còn phong kiến và

Pháp thuộc, nên thích hợp với hoàn cảnh xã hội thời đó, nhưng so với hoàn cảnh của người phụ nữ thời nay có nhiều đổi mới thì tác phẩm có một số chi tiết không còn thích hợp nữa”¹.

Sau đó 2 năm, vào năm Ất Hợi (1935), Tiên Nương Đoàn Thị Điểm giảng cơ ban cho Đạo Cao Đài 8 Bài Kinh thế đạo dùng để tụng trong tang lễ:

Xin trích dẫn vài đoạn trong mỗi bài kinh:

Kinh Tụng Khi Vua Thăng Hà

... Ôn tấc đất ngọn rau nên nặng,
Đạo quân vương chữ dặn nơi lòng....

Địa vị cao trọng sau vua là thầy dạy ta học:

Kinh Tụng Khi Thầy Qui Vị

Đường công danh càng nhìn quảng đại,
Nghĩa thầy trò nghĩ lại khó quên.
Vái cùng Sư Phụ linh thiêng,
Chứng lòng đệ tử đáp đền ơn xưa.
Dầu hoạn lộ chưa vừa sở nguyện,
Dầu cửa quyền trọng tiếng chấn dân.
Ơn cha sanh hóa ra thân,
Ơn Thầy giáo huấn cũng gần như nhau...

Sau vua, thầy, thì tổ phụ là các đấng có công tạo lập, lưu truyền các thế hệ về sau:

Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu

Giọt máu mủ lưu truyền tại thế,
Con nhặng mong truyền kế lửa hương...

Công sanh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ là trọng:

Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu

Ơn cúc dục cù lao mang nặng,
Lỡ thân cô mưa nắng khôn ngừa.
Âm dương cách bóng sớm trưa,
Thon von phận bạc không vừa hiếu thân...

1-Đức Nguyên, *Giới thiệu và chú thích “Nữ Trung Tòng Phận”,* trang 36-44.

Kế đến, là bà con, thân bằng cố hữu cũng đã chia sẻ buồn vui của cuộc đời:

Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cố Hữu Đã Qui Liễu.

... Đã từng chịu khó khăn kiếp sống,
Định tâm thần giải mộng Nam Kha.
Cần khôn để bước Ta bà,
Đoạt cơ thoát tục tạo nhà cõi Thiên...

Anh em cùng sống chung dưới mái nhà, cùng chia ngọt, xẻ bùi:

Kinh Tụng Huynh Đệ Mãn Phần

Niềm thủ túc đã đành vĩnh-biệt,
Càng nhớ nhau, càng tiếc tình nồng.
Thân nhau từ buổi lọt lòng,
Chén cơm miếng cá cũng đồng chia nhau.
Câu chọc ruột còn đau đớn bấy,
Hương âm dương hết thấy mặt nhau,
Rẽ phân cốt nhục đồng bào,
Cảnh thiên côi tục lẽ nào không thương...

Đặc biệt hơn cả, người phối ngẫu là người đã chia sẻ hạnh phúc, cùng chung chịu gian truân trong cuộc sống, là người đầu ấp, tay gối, nay phải biệt ly, đâu còn cảnh nào đau buồn hơn cảnh “sanh ly, tử biệt”. Sau đây là 2 bài kinh đây đủ:

Kinh Tụng Khi Chồng Qui Vị

Niềm ân ái thân hòa làm một,
Nghĩa sơ giao khắc cốt ghi xương.
Nhấn mưa gởi gió đưa thương,
Từ đây thiếp tỏ đoạn trường với ai?
Càng nhớ đến những ngày hội ngộ,
Càng ngổn ngang mối nợ tình chung.
Đã đành bẻ gãy chữ đồng,
Hiển linh chứng chiếu tấm lòng tiết trinh.
Dầu sống sót cũng đành gọi thác,
Vui chi còn man mác tơ duyên.
Thiệt thòi cam phận thuyền quỳên,

Chứa chan giọt lệ cửu tuyền cuộn trôi.
Chàng đã đặng phủ rồi nợ thế,
Xin hiển linh giúp kẻ góa thân.

Chở che khỏi kiếp phong trần,
Gìn gương liệt nữ hồng quần để soi.
Chàng dầu đặng thảnh thơi cảnh trí,
Hộ dẫu con giữ kỹ nhơn luân.

Chàng dầu vinh hiển cảnh Thần,
Gởi trong giấc mộng đặng gần cùng nhau.
Chàng dầu hưởng Thiên Tào quyền phép,
Đỡ đường trần chật hẹp thân cô.

Chàng dầu cung Ngọc an ngôi,
Xin thương thân thiếp nợ đời còn mang.
Gởi hồn phách cho chàng định số,
Gởi kiếp căn chàng mở dây oan.

Thiếp cam bao tóc thờ chàng,
Rót chung ly biệt đôi hàng lụy sa!

Kinh Tụng Khi Vợ Qui Liễu

Tưởng tơ tóc cùng nhau trọn đạo,
Theo từng phu sửa áo nâng khăn.
Âm dương đôi nẻo chia phân,
Túy sơn Vân mộng mới gần đặng nhau.
Khi để bước phòng đào lạnh ngắt,
Mảnh tàn y dường nhắc nghi dung.

Thấy cơn tử biệt nào nùng,
Hương thề tắt ngọn lạnh lòng tơ duyên.
Càng nhớ đến lời nguyên buổi trước,
Thẹn non sông chưa ngớt tình nồng.

Phụ phàng chi bấy Hóa công,
Lòng nào mà lại cắt lòng không đau.
Nói Tông Tổ biết bao nghĩa trọng,
Cơ nghiệp còn lưu mộng tang du.

Mập mờ nhấn nguyệt đêm thu,
Kẻ còn người mất ai sầu hơn ai?
Vói nhấn khách Dạ đài có tưởng,

Vậy bóng hình để tưởng nơi nao?

Hay là lạc bước nguồn dào,
Để thương cho mặt anh hào đeo mang.
Ngồi quanh quẻ đèn tàn một bóng,
Chịu góa thân tuyệt đống song thu.

Bước Tiên nàng đã ngao du,
Đoái tình thương kẻ ôm cầu khóc duyên.
Hay nàng đặng nhập miền Cực Lạc,
Đoái tưởng người chưa thoát trầm luân.

Ngước trông níu ngọn phát trần,
Chối Tiên quét sạch nợ nần oan gia.
Dâng mảnh tâm gọi là cửa lễ,
Chén ly tình là lệ ái ân.

Dầu chi cũng nghĩa chí thân,
Khối tình còn có một lần đây thôi.^{1 2}

Tất cả 8 bài kinh trên đây đều được tụng theo giọng Nam Ai, “là giọng ngâm theo điệu cổ nhạc Nam Ai, có tính cách buồn bã, bi ai, nên nhạc đi theo nhịp chậm rãi.”³

Tang lễ, dĩ nhiên, luôn luôn đượm vẻ bi ai. Trong khung cảnh buồn bã đó, khi cúng hương linh người quá cố, giọng tụng kinh Nam Ai của ban đồng nhi áo nã, hòa với tiếng đàn trầm buồn của ban lễ nhạc, khiến cho thân bằng quyến thuộc không ai cầm được nước mắt. Lời kinh đ đoan trang, bi thiết của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm làm cho tang lễ đậm tình thân thương, mến tiếc người quá cố, nhất là hai bài kinh tụng khi chôn cất, hoặc khi vợ qui liễu, lời kinh thật là thống thiết.

1-Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, 1992, trang 104-116.

2-Thông Huyền Quang: *Cụ Phan Thanh Giản và bà Đoàn Thị Điểm trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đặc San Hội Ái Hữu trường Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm & đồng hương Cần Thơ, Úc Châu, 2007, trang 70-73.*

3-Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng : *Giải nghĩa kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, 1991, trang 28.*

Thi phẩm của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm trong kinh sách đạo Cao Đài sử dụng thể thơ song thất lục bát, là một thể thơ phối hợp giữa thơ Đường luật (hai câu 7 chữ), tiếp theo 2 câu lục bát (câu 6 và câu 8 chữ). Thể thơ lục bát là thể thơ thuần túy của Việt Nam.

Thi phẩm “Nữ Trung Tùng Phận” và 8 bài kinh tụng trong tang lễ của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm có sử dụng từ gốc Hán và điển tích, giống như các thơ cổ, làm cho nội dung hơi khó hiểu, trừ phi hiểu biết tường tận điển tích thì mới cảm nhận được ý nghĩa cao siêu của bài kinh.

Thi phẩm “Nữ Trung Tùng Phận” nhằm mục đích giáo dục nữ phái Cao Đài về Nhơn đạo và Thiên đạo. Người nữ tín đồ Cao Đài được khuyến khích giữ gìn Tam Tùng, Tứ Đức. Khi hoàn thành xong nhiệm vụ phần nhơn đạo, nữ tín đồ Cao Đài cần tiến lên thực hành thiên đạo, hoàn thành con đường tu vô vi cầu sự giải thoát.¹

Tóm lại, thi phẩm “Nữ Trung Tùng Phận” và 8 bài kinh là tác phẩm đặc biệt do một vị nữ tiên giáng cơ ban cho, không giống như những thi phẩm bình thường do một người đang sống sáng tác, đáng được tán dương và lưu truyền, để duy trì và phát huy nền đạo đức của tôn giáo Cao Đài.

Cao Đài là một tôn giáo phát xuất từ tỉnh Tây Ninh năm 1926, một vùng đất của Đồng Nai & Cửu Long, với nền văn hóa mới nhưng giáo lý vẫn duy trì tinh thần Tam Giáo của Phật, Lão, Khổng cổ truyền, là một đặc thù của tinh thần văn hóa đa nguyên, cởi mở, chấp nhận canh tân, khác với nền văn hóa cổ, thủ cựu của kinh thành Thăng Long hoặc Thuận Hóa.

Viết tại Thị Trấn Campbelltown, tiểu bang NSW, Úc Châu
Thứ ba, ngày 15 tháng 11 năm 2011
Nhân lễ kỷ niệm ngày khai đạo Cao Đài.

Lê Tấn Tài

1-Lê Tấn Tài: *Tinh Thần Tam Giáo Đạo Cao Đài trong bối cảnh toàn cầu hóa, Tập san Đồng Nai & Cửu Long, số 1, 2007, trang 80-99 và Tập san Đồng Nai & Cửu Long, số 2, 2008, trang 198-227.*

NHÌN LẠI 50 NĂM LỊCH SỬ ĐẠO CAO ĐÀI

HT. Nguyễn Long Thành

TỰA

Nghiên cứu một tôn giáo là tìm hiểu tận ngọn nguồn triết lý của tôn giáo ấy bao gồm cả những chuyện thần thoại vốn mang ý nghĩa tượng trưng cho triết học, kể đến là những nghi lễ tế tự, hình thức tổ chức thể hiện ý nghĩa của triết lý một cách cụ thể trong sinh hoạt hữu hình.

Sự sống của một cá nhân con người hay một cộng đồng tín ngưỡng luôn luôn biến dịch với thời gian, không gian. Những đổi thay của quan niệm triết học, của hình thức tổ chức và nghi lễ tôn giáo trên dòng thời gian tạo thành lịch sử của tôn giáo ấy.

Khởi sự sâu rộng vào quần chúng từ năm 1925 đến năm 1975, Đạo Cao Đài đã hiện thực được 50 năm lịch sử. Nhìn lại đoạn đường đã qua đầy gian lao thống khổ pha lẫn với hân hoan, chúng ta thấy vẫn còn nhiều thắc mắc về những nét cơ bản triết lý, thần quyền, nghi thức mà tập nhận định này sẽ lần lượt làm sáng tỏ một phần nào hầu giúp quý độc giả hiểu được Thánh ý của Đức Chí Tôn rõ ràng hơn.

Mục đích của người viết chỉ nhằm đưa ra những nhận định của cá nhân mình như một hồi quang phản chiếu đối với 50 năm lịch sử Đạo đã qua hầu gạn lọc tinh hoa của giáo thuyết và hành động đã phô diễn trước nhơn sanh cho biểu hiện được rõ ánh sáng chân lý của nền Đại Đạo do Đức Chí Tôn khai sáng. Xin tạm gọi là góp một chút công tìm hiểu giáo lý Cao Đài vậy.

Kính trình Hội Thánh Lương Đài và Ban Đạo Sử một tài liệu để tham khảo.

Viết nhân lễ kỷ niệm Khai Đạo lần thứ 50.

15 tháng 10 Giáp Dần 1974.

Nguyễn Long Thành

ĐẠO THẦY DUY CÓ MỘT

Đã nửa thế kỷ trôi qua, kể từ ngày Đức Chí Tôn dụng huyền linh cơ bút giáng trần khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Đạo Cao Đài. Thời gian 50 năm chưa đủ để sống trọn một kiếp người nhưng lịch sử Đạo giáo đã dệt nên biết bao trang oai hùng tráng lệ, hòa lẫn với thống thiết bi ai.

Tôi không muốn ghi lại nơi đây tất cả những gì đã xảy ra trong 50 năm ấy với đầy đủ chi tiết như những sử gia vẫn thường làm, mà trái lại chỉ muốn hiện lên cho rõ nét Thánh ý của Đại Từ Phụ giữa những điều dị biệt, tương phản trong rừng giáo lý Cao Đài đương độ trăm hoa đua nở.

Đạo Cao Đài được hình thành từ hiện tượng huyền linh cơ bút, điều đó không ai chối cãi và Đức Chí Tôn cùng các Đấng trọn lành đã nói chuyện được với loài người qua cơ bút, điều đó cũng không ai chối cãi. Thế nhưng mặt khác, cũng chính cơ bút đã để lại trong tâm trí con người những dấu vết của tà thần tinh quái.

Lời cảnh giác của Đức Chí Tôn ngay từ buổi ban đầu khi Ngài sử dụng hiện tượng huyền linh cơ bút :

“ Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lô Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, quỷ vương đã khởi phá khuấy chơn Đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngài Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi. Lại còn hiểu rõ rằng Ta đến với huyền diệu này, mượn cơ mầu nhiệm hiệp Tam Thập Lục Động đổi gọi Tam Thập Lục Thiên, các tên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật bị mạo nhận mà lập nên tả Đạo”¹. Nguyên lý của hiện tượng con người thông công với Thượng Đế dù dưới hình thức nào cũng vậy :

“...Ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhứt mới thấu đáo càn khôn tinh thông vạn vật đặng”.² Thầy thì trọn lành. Con thì phạm tục.

Phạm Thánh trộn lại với nhau biến ra hình Thánh giáo. Vì vậy

1-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: *Thánh Giáo* 22-8-1926.

2-Thánh Ngôn Hiệp Tuyển: *Thánh Giáo* 3-1-1926.

trong nguồn gốc của cơ bút đã có phần của con người dựa vào phần của thiêng liêng. Thầy thì có một, người thì muôn vẻ. Thầy thì vô vi mà biến dịch, bất ngôn mà đại hóa. Người thì biến đổi lại sống không thuần nhất lý. Bởi vậy cơ bút có đủ quyền năng lập Đạo thì cũng chính cơ bút đã dẫn dắt con cái Đức Chí Tôn chia phe phân phái không ít.

Chính Đức Thất Nương Diêu Trì Cung đã thổ lộ :

“ Nhất là về việc Diêu Trì Cung bị mượn danh nơi khác mà đối gạt nhưn sanh, cái hại ấy vốn chẳng vừa về phần tín ngưỡng, chớ chi thất tại tà quyền thì có mấy em trừ khử nhưng tại nơi đồng tử thì mấy em không phương giải nạn cho mấy người mê tín”. (TNHT. TG. 9-4- Giáp Tuất 1934)

Trong thời kỳ tiền Khai Đạo, khoảng từ cuối năm 1919 đến năm 1925 có biết bao lần Đức Chí Tôn đã tá danh Cao Đài Tiên Ông cùng các Đấng Thiêng Liêng khác giáng cơ phổ độ chúng sanh, tùy theo tâm lý phạm tục của mỗi đứa con, Đại Từ Phụ đã dùng huyền diệu cơ bút và những hiện tượng mặc khải cá nhân khác để độ rỗi con cái của Ngài, đại loại gồm những hình thức :

- 1 - Cho thuốc hay chỉ dẫn những phương pháp điều trị để chữa bệnh cho những người hữu căn cần được cứu sống.
- 2- Tiên tri cho những người nào tò mò muốn biết tương lai ra sao.
- 3- Giải lý cho những người thích tra cứu ngọn nguồn căn cơ yếu lý trong nhiều lãnh vực văn chương, khoa học nghệ thuật, thần quyền.
- 4- Làm những hiện tượng linh hiển trước mắt để dẫn dụ đức tin của những kẻ không muốn nhìn Trời.

Lòng từ bi của một ông cha hiền lành quá lễ đã chịu theo tâm lý phạm tục của nhưn sanh mà day trở mối thiên thơ cho dễ bề độ rỗi đến nỗi có một lần Ngài phải thốt tiếng than :

Cao Đài tá thế đến phạm gian,
Bạch Ngọc Huỳnh Kim cũng chẳng màng.

Chiu lụy đòi phen xem quá tục,
Nghĩ không đở lụy phải cười khan.

Cười khan mà khóc bởi thương bầy,
Chẳng mất một con nghiệt cả bầy.
Biết phận già không chờ chống gậy,
Nương theo con dại mới ra vầy.

(TNHT. TVDD)

Ấy là những nét phàm tục của con người còn lưu dấu lại trong văn chương cơ bút, nó hé lộ đôi điều bí ẩn sẽ dần dần hiện ra sau này trên dòng lịch sử Cao Đài giáo. Sự hùn vốn của bàn tay con người vào trong hiện tượng huyền linh cơ bút hay là mặt khải cá nhân cũng vậy, đã là một trong những nguyên nhân tạo nên tình trạng lưỡng phân quyền pháp của Thượng Đế ngay từ buổi đầu lập giáo khi mà Đức Chí Tôn còn sử dụng hàng loạt đồng tử có trình độ và khả năng thông công khác nhau ở nhiều nơi cùng tác động trên một vùng đất của miền nam Việt Nam. Qua cơ bút, đôi khi Đức Chí Tôn đã thân hành đến tận tư gia, kêu từng đứa con yêu ái của Ngài dạy phải thức tỉnh chung lo việc Đạo. Tánh ý mỗi người mỗi khác, trí thức chẳng đồng, tâm lý chẳng đồng mà nay phải hiệp hòa chung lo việc Đạo thì quả thật là phải khó.

Mầm mống của hiện tượng chi phái là do lòng người khác biệt, chớ nào phải ở Thánh ý Đức Chí Tôn vốn chỉ có một quyền Tạo Hóa trong càn khôn vũ trụ này chớ nào có hai Thượng Đế bao giờ. Ngài đến để lập Đạo Cao Đài và chịu theo tâm ý của từng cá nhân, Thánh giáo qua cơ bút truyền dạy có những sắc thái cá biệt ngay từ đầu làm điểm tựa cho những hướng rẽ của đức tin sau này.

Cớ sao cũng một Đức Cao Đài mà với đồng tử này Ngài lại dạy khác, với đồng tử kia Ngài lại dạy khác nữa, những khác biệt về hình thức nhưng vẫn thuần nhất lý thì không nói chi, nhưng khác biệt đối nghịch thì sao ? Chẳng hạn đối với vấn đề chi phái, Thánh giáo Toà Thánh Tây Ninh cho rằng Đạo Thầy duy có một, cho nên kẻ nào cứ tâm chia phe phân phái là nghịch

cùng Thánh ý Đức Chí Tôn, trong khi Thánh giáo của chi phái cho rằng chính Đức Chí Tôn đã lập ra 12 chi phái. Lý trí của con người không sao tránh khỏi thắc mắc.

Xem lại tinh thần của những bài Thánh giáo trong thời kỳ tiền khai đạo thu nhận được từ nhiều nơi, do nhiều đồng tử khác nhau không cùng khuynh hướng tâm linh thông công, chúng ta thấy dòng tư tưởng Cao Đài giáo trong thời kỳ này đáp ứng một cách tắn mác những thị hiếu tâm linh cá nhân của người tham dự đàn cơ khá rõ rệt.

Kẻ chán đời muốn tầm Tiên học Đạo luyện thuốc trường sinh hay cầu giải thoát được đáp ứng bằng huyền diệu linh hiển tại thế, mà người bôn xu quốc sự cũng được tiên tri mách bảo vận nước suy vong bị thời thế nào, thậm chí cầu mua may bán đất cũng được Ông Trên chiếu cố, hay xướng họa thi văn đùa giỡn với Tiên Nương cũng không bị quở trách. Trong toàn bộ những khác biệt ấy có Thiên ý rõ rệt là làm thức tỉnh tinh thần sanh chúng hướng về chỗ linh thiêng của Trời Phật để chuẩn bị cho lòng người sẵn sàng đón nhận một biến cố mới thuộc phạm vi bán hữu hình là sự khai mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ do huyền linh cơ bút điều khiển trực tiếp.

Đứng trên quan điểm thần quyền chúng ta thấy khá rõ rệt trong thời kỳ tiền khai Đạo có một lần yển sáng tâm linh từ Thiên cung tỏa xuống một cách mãnh liệt trên vùng đất ở miền Nam Việt. Nguồn sinh lực nhiệm mầu ấy mang nhiều tính hồng từ hơn hồng oai và không dành riêng cho một ai. Tất cả mọi sinh vật từ cỏ cây thú vật đến con người, đều được hưởng nhờ ít nhiều tùy mức độ hấp thụ do điều kiện cảm ứng của tinh thần mỗi sinh linh hiện hữu. Nó đánh thức toàn bộ chức năng tâm sinh lý của con người theo chiều hướng trở về nguồn gốc chí linh hằng hữu.

Lãnh vực này ít thấy sử sách ghi lại những hiệu ứng của nó trên văn tự mà thuộc phần sinh hoạt bán hữu hình của hàng chơn tu giác tánh. Trong giai đoạn lịch sử có tính cách chuẩn bị Khai Đạo này, Ngài Ngô Văn Chiêu được sử sách Đạo nhắc nhở tới

hiều vì lý do từ dòng thần lực ấy, Ngài đã tỏ ra thành một dòng tu chuyên biệt về tịnh luyện tham thiền và không hoàn thành nổi sứ mạng làm Giáo Tông của nền Đạo Cao Đài sắp thành hình ngay sau đó.

Tóm lại tiền Khai Đạo là một giai đoạn lịch sử mà Đức Chí Tôn và các Đấng Trọn Lành ban bố lòng từ bi, tha thứ những lỗi lầm của nhơn sanh, chịu theo phàm tính của mỗi người để dụ dỗ cho tinh thần họ, chịu hưởng về chỗ tu hành, còn quan niệm phải tu hành như thế nào thì quyền lực thiêng liêng chưa gò ép lòng người cho lắm. Tiếng than của Đại Từ Phụ :

“Chịu lụy đòi phen xem quá tục,
Nghĩ không đỡ lụy phải cười khan.”

Nhìn ở góc độ này mới thấy nổi chiều sâu của những gút mắc lịch sử Đạo giáo, và từ góc độ ấy chúng ta sẽ hiểu được tại sao Ngài Ngô Văn Chiêu từ ngôi Giáo Tông và tại sao chỉ phái thành hình, mà người làm việc ấy tự tin rằng mình hành động như thế là đúng Thiên ý.

TẠI SAO NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU TỪ NGÔI GIÁO TÔNG

Mầm mống của hiện tượng chi phái khởi từ nguyên lý huyền linh cơ bút, chịu theo thị hiếu cá nhân của người thọ giáo, để un đúc nơi lòng họ đức tin ban đầu vào quyền lực thiêng liêng, của thế giới vô hình đang dẫn dắt họ hưởng về mục đích tu hành. Mỗi lần tác động để thay đổi một góc độ nào đó của nhân sinh quan làm một thử thách, một bước tiến bộ, một hình thức khai mở tâm trí thì trạng thái tinh thần của người tu học có thể ở vào một trong ba trường hợp sau đây :

1 - Hoặc tiếp thu được Thánh ý của Thiêng Liêng mà sửa mình cho kịp bước sự đi dắt của Ông Trên.

2 - Hoặc đối kháng hẳn lại, mất đức tin vào sự đi dẫn dắt mới này và cố bám vào nếp tư duy hiện có như là một bảo đảm cho niềm phúc lạc, một chứng minh cho chân lý đã hiểu được.

3 - Hoặc lừng chừng nửa tin nửa ngờ, hành động không có gì rõ rệt, một thái độ lấp lửng thiền môn.

Chúng ta hãy lấy một thí dụ về biến cố khúc quanh trong tư tưởng nhưn loại, chung quanh vấn đề quả đất và mặt trời. Vào khoảng đầu thế kỷ 17 sau khi ông Galiléo đã chế tạo thành công được một viễn vọng kính có tầm nhìn xa, ông kết luận rằng mặt trời đứng yên một chỗ, quả đất tròn như trái cam và quay xung quanh mặt trời và tự xoay tròn trên mình nó, tạo ra hiện tượng ngày đêm.

Dòng tư tưởng của nhân loại trước đó căn cứ vào những gì mắt thấy tai nghe thì bầu trời như cái vung úp xuống, mặt đất phẳng có chỗ giáp mối nơi chân trời, mặt trời mọc ở phương đông di chuyển và lặn ở phương tây.

Khi Galiléo công bố một điều mới lạ về chân lý trái ngược với quan niệm thông thường của quần chúng, thì thái độ của nhân loại chia ra làm ba hạng người, một hạng tin theo, một hạng chống đối lưng chừng.

Thượng Đế đã tác động trên tinh thần của nhà bác học Galiléo để ông dìm dặt nhân loại giác ngộ, nhận định cho đúng hình ảnh của vũ trụ như thế nào là một bước tiến trong đời sống trí tuệ của nhân loại, thế nhưng vẫn có một phần người từ chối tư tưởng mới nầy và họ sống một cách thật tình rằng, chống đối lại tư tưởng Galiléo là một hành vi đạo đức, bảo vệ chân lý mà giác quan con mắt là đầu mối cung ứng cho họ ý niệm ấy.

Ngài Ngô Văn Chiêu được Đức Chí Tôn dùng huyền diệu để thu phục đức tin của Ngài dưới nhiều hình thức, để rồi sau đó từ từ dẫn dắt Ngài qua những khúc quanh tu hành như sau :

- 1/- Ăn chay 10 ngày mỗi tháng.
- 2/- Ba năm trường trai.
- 3/- Chấp nhận gọi Tiên Ông bằng Thầy.
- 4/- Thờ Thiên Nhân.
- 5/- Công phu khổ hạnh.
- 6/- Chấp nhận làm anh cả trong một nhóm nhỏ bạn đạo chưa thành hình tổ chức tôn giáo (vai trò trưởng nhóm).

Sáu biến cố lớn ấy trong cuộc đời Ngài, Ngài đều qua được tâm thức chuyển biến theo kịp lời dạy dỗ của Đức Chí Tôn,

hành động thuận theo Thiên ý. Nhưng tới khúc quanh chót là phải làm Giáo Tông, nghĩa là anh cả toàn thể khối lớn tín đồ Cao Đài đang tổ chức thành hình một tôn giáo với đủ mọi thành phần xã hội, đủ mọi xu hướng chính trị và tâm lý khác nhau vô cùng phức tạp và thường xuyên bị chính quyền Pháp theo dõi, đe dọa về an ninh cá nhân thì Ngài cương quyết từ chối. Ngài trở lại nếp sinh hoạt tịnh luyện, thiền định mà Đức Chí Tôn đã ban bố đầy đủ ân huệ nhiệm mầu cho Ngài trong giai đoạn trước và tìm thấy nơi đó một sự bằng an giải thoát với ý niệm rằng Đạo Cao Đài có phần vô vi do Ngài chứng quả, còn phần phổ độ để cho nhóm người khác lo liệu cũng được, Ngài không can dự vào.

Ý niệm này đã tạo ra tình trạng lưỡng phân quyền pháp của Đức Chí Tôn tại thế trong quan niệm tổ chức Đạo Cao Đài còn gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và Ngài Ngô Văn Chiêu chỉ chịu trách nhiệm trước lịch sử đến mức đó mà thôi. Thế nhưng dòng đời cay nghiệt nối tiếp theo sau bước đi rẽ lối của Ngài, người ta thấy xuất hiện một dòng tư tưởng mới, chủ trương chia cắt tổ chức Đạo Cao Đài thành nhiều phái sinh hoạt riêng biệt,. Tư tưởng này lớn mạnh dần với thời gian mà đến nay nửa thế kỷ đã trôi qua chưa thấy có một giải pháp nào hữu hiệu hàn gắn lại được thành một khối đoàn kết thương yêu thống nhất. Quan niệm chia cắt tổ chức Đạo Cao Đài thành hai phần vô vi và phổ độ riêng biệt, phát xuất từ lòng người chưa thấu đáo chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn, nó để lại trong dòng lịch sử Đạo giáo những dấu vết của sự thiếu hòa hợp, chưa có một quyền hành nào chia riêng ra được trí tuệ với hình vóc con người thì cũng không có chơn pháp nào cho phép chia cắt Đạo Cao Đài thành hai phần vô vi và phổ độ hoạt động riêng lẻ. Nhà truyền giáo làm công việc phổ độ chúng sanh, không phải là những kịch sĩ trên sân khấu đang nhả ra những lời hoa mỹ đạo đức từ một nội tâm rỗng tuếch và ngược lại người hành công phu tu luyện cũng không phải là quay mặt vào thế giới nội tâm để sống ích kỷ cho riêng mình. Khi ánh sáng nội tâm tràn đầy chánh đạo, công phu tu luyện nội tâm gắn liền với phổ độ

chúng sanh ở một tầng sinh hoạt vi diệu hơn hình thức, mượn âm thanh sắc tướng để phô diễn chân lý, dẫn dụ lòng người vào nẻo thiện. Chẳng hạn có trường hợp phải vận dụng quyền năng tư tưởng ở tầng âm thanh lắng để điều chỉnh những hoạt động hữu hình sắp xảy ra cho một cá nhân hay cộng đồng theo chiều hướng làm thức tỉnh chơn thần của họ là một trong nhiều việc mà bậc chơn tu giác tánh phải làm, chớ nào phải ngồi mơ màng thả hồn theo mây gió rong chơi gọi là vui hưởng thú thanh nhàn của miền ảo giác tâm linh đang tượng hình trong cõi pháp giới khi thần thức vừa tách rời khỏi trung khu não do một kích động nào đó.

Thượng Đế vô vi nhi dịch sử quần linh thì sinh hoạt của bậc chơn tu giác tánh cũng đồng lý ấy nhưng nhỏ bé hơn và thấp thỏi hơn trong quyền pháp mà thôi. Xét trên quan điểm lợi ích thiết thực cho cá nhân, so sánh hai trạng thái nội tâm thì đường lối tu hành tịnh luyện thiền định của Ngài Ngô Văn Chiêu trong giai đoạn tiền khai Đạo được sự nâng đỡ của Đức Chí Tôn đã đem lại cho Ngài sự bằng an thánh thiện hơn là đảm nhiệm vai trò làm Giáo Tông Đạo Cao Đài sẽ có nhiều phiền não trước mắt khó tránh được.

Con đường phổ độ với những phiền não về nhơn tâm và khó khăn về an ninh cá nhân đã làm mất đi sự bằng an trong tâm của Ngài, khiến Ngài mất đức tin nơi Thánh giáo của nhóm đồng tử Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư thông công, đang thúc đẩy Ngài đến chỗ sẽ gặp nhiều phiền não khó khăn. Ngài chọn giải pháp tạ từ ngôi Giáo Tông, từ chối lãnh trách nhiệm anh cả của toàn thể khối tín đồ Cao Đài đã hình thành một tôn giáo và sống một cách chân thành với sự hiểu biết của trí não Ngài rằng con đường Ngài đang chọn như thế là đúng đắn nhất. Những ấn chứng nhiệm mầu mà Đức Chí Tôn đã ban bố để nâng đỡ đức tin trong khi Ngài công phu khổ hạnh là bằng chứng hùng hồn để Ngài tin rằng khước từ lời dạy làm Giáo Tông là đi đúng với chơn pháp. Trạng thái tâm lý này chẳng khác gì một số những người cầm quyền giáo hội Thiên Chúa giáo vào đầu thế kỷ 17 đã chống đối lại tư tưởng mới của Galiléo về việc quả đất

tròn. ...Armed with his telescope, which magnified thirty times, Galiléo discovered mountains on the moon, the stars of the Milky Way, the moons of the planet Jupiter, and spots on the sun. For sometimes he had been convinced that the views of Copernicus were correct, but now his telescope confirmed them without a doubt, Galiléo however, feared to publish his findings. After waiting some fifteen years, he could no longer stifle the urge to proclaim the truth of his ideas. In 1632, therefore, he published the great work of his life, defending the Copernican system. In this same year he was called before Church authorities for trial and was examined on several occasions during the next four years. These trials thoroughly broke the spirit of the old scientist, now seventy ; and he was forced to declare publicly that his ideas about the world moving around the sun were false....¹

Nói tóm lại, nếu Ngài nhận làm Giáo Tông Đạo Cao Đài, phiền não sẽ đến với Ngài nhiều hơn, bởi Ngài phải gánh vác thêm một khối nghiệp lực của chúng sanh trên vai và nếu Ngài hoàn thành được sứ mạng cao cả ấy, y như lời phú thác của Đức Chí Tôn thì công đức của Ngài sẽ vinh diệu hơn và Thượng Đế tính nơi Ngài sẽ tỏ rạng hơn.

Lời phú thác ấy như sau :

“ Chiêu ! Bữa trước hứa lời truyền Đạo cứu vớt chúng sanh, nay phải y lời mà làm chủ mối Đạo đui dắt cả môn đệ Ta vào đường đạo đức đến buổi chúng nó thành công, chẳng nên tháo trút, phải thay mặt Ta mà dạy dỗ chúng nó”.²

Và phương cách hành đạo Đức Chí Tôn buộc Ngài: đầu cho một đứa trẻ con còn trong bụng mẹ Ngài cũng phải lo độ rồi.

“ Chiêu Kỳ Trung độ dẫn hoài sanh”.³

Ngài trở lại tu vô vi được an nhàn hơn. Ngài từ chối gánh nặng

1-Trích trong quyển *MAN'S STORY* của T. Walter Wallbank USA . Trang 347. 1936.

2-Trích *Lịch Sử Ngô Văn Chiêu. Phái Chiếu Minh, xuất bản 1962. Trang. 40)*

3-*Lịch sử Ngô Văn Chiêu. Trang 40.*

nhơn sanh trên vai và chọn giải pháp nhẹ nhàng hơn thì đương nhiên Thượng Đế tính nơi Ngài ít tỏ rạng hơn, lẽ công bằng của Đấng Hóa Công hiển nhiên phải vậy.

Thượng Đế thống ngự vạn vật và hóa dục cả quần sanh, trong khi Giáo Tông chỉ thay mặt Thượng Đế điều dắt số người làm môn đệ Đức Cao Đài vào đường đạo đức, tức là chịu trách nhiệm đối với toàn thể khối tín ngưỡng Cao Đài. Còn Ngài Ngô Văn Chiêu thì không bằng lòng làm như vậy, Ngài chỉ chọn một số môn đệ Cao Đài nào đó mà tư tưởng hợp với Ngài để độ rỗi gọi là cơ duyên độ, tu vô vi.

Nói tóm lại, Ngài không chịu dạy dỗ toàn cả khối môn đệ của Đức Cao Đài như Đức Chí Tôn mong muốn. Ngài chỉ chọn một phần nhỏ trong số này để độ rỗi. Việc hành đạo như thế đương nhiên được nhẹ nhàng hơn.

Ngài được Đức Chí Tôn khải thị huyền linh Thiên Nhân trước tiên, ban bố cho Ngài nhiều ấn chứng linh hiển trong công phu tu luyện, dạy Ngài phải làm anh cả trong một nhóm bạn đạo (vai trò trưởng nhóm).

Tất cả những diễn tiến ấy là để chuẩn bị tư tưởng cho Ngài sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm làm Giáo Tông Đạo Cao Đài. Thế nhưng Ngài chỉ dừng lại ở mức tu chơn mà thôi vì những lý do đã dẫn giải nêu trên, Ngài đã hiểu lý Đạo như thế, Ngài tin tưởng như thế, Ngài hành động như thế một cách chân thành và sự thành công trong đời tu của Ngài đến mức đó. Người đời sau trong môn phái của Ngài và một số chi phái khác có khuynh hướng muốn tôn vinh Ngài lên thành một nhân vật vẹn toàn trong lịch sử Đạo Cao Đài, nên đã giải thích một cách gượng ép khúc quanh lịch sử này với nhiều lý giải khác nhau.

AI LÀ GIÁO TÔNG ĐẠO CAO ĐÀI

Sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu khước từ ngôi Giáo Tông thì ai là người thật sự nắm giữ quyền hành của Giáo Tông trong Đạo Cao Đài ? Đây là một vấn đề hết sức hệ trọng và trong lịch sử Đạo Cao Đài có hai quan niệm khác nhau về quyền hạn của

Giáo Tông, nằm trong hai hệ tư tưởng thuộc Tòa Thánh Tây Ninh và các chi phái đối kháng nhau.

D)- QUAN NIỆM CỦA TÒA THÁNH TÂY NINH

Trong lễ Khai Đạo này Đức Chí Tôn chính thức ban hành Pháp Chánh Truyền là bản văn qui định một cách tổng quát cách thức tổ chức và điều hành tôn giáo Cao Đài, ấn định các phẩm tước, quyền hạn, trách nhiệm, luật công cử của chức sắc các cấp trong Hội Thánh. Đây là những bài Thánh giáo có giá trị như một bản Hiến Pháp thiêng liêng của Đạo Cao Đài do Đức Chí Tôn giảng cơ chỉ dạy, buộc phải tuân theo và vì vậy không một ai dưới thế gian này có quyền sửa bất cứ một điều khoản nào trong Pháp Chánh Truyền.

Căn cứ theo Pháp Chánh Truyền thì :

“ Giáo Tông là anh cả các con, có quyền thay mặt cho Thầy mà điều dắt các con trong đường Đạo và đường Đời. Nó có quyền về phần xác chớ không có quyền về phần hồn. Nó đặng phép thông công cùng Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới, Lục Thập Thất địa cầu và Thập Điện Diêm Cung đặng cầu rỗi cho các con”.

Luật công cử Giáo Tông được qui định trong Pháp Chánh Truyền như sau :

“ Còn Giáo Tông thì hai phẩm Chưởng Pháp và Đầu Sư tranh đặng, song phải chịu cho toàn môn đệ công cử mới đặng. Kỳ dư Thầy giảng cơ ban thưởng mới ra khỏi luật ấy”.

Đó là về phương diện luật pháp, còn về phương diện nhân sự ai là người thật sự chấp chưởng quyền hành của Giáo Tông trong Đạo Cao Đài, chúng ta hãy lần lượt xét qua các trường hợp sau đây trong ý thức tôn trọng Pháp Chánh Truyền làm chuẩn :

1/- Quan Phủ Ngô Văn Chiêu :

Ngài là vị môn đồ đầu tiên của Đức Chí Tôn được độ rỗi bằng huyền diệu cơ bút từ năm 1919. Ngài quyết chí tu hành trường trai giới sát, chuyên chú nhiều về việc tịnh luyện, thiên định. Khi thành lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm

1926 Đức Chí Tôn có dạy chuẩn bị một bộ Thiên Phục Giáo Tông cho Ngài, thế nhưng Ngài từ chối không nhận bộ Thiên Phục này và tách rời khỏi những sinh hoạt của nhóm chức sắc Cao Đài đầu tiên vừa mới thành hình Hội Thánh. Vì vậy Ngài không phải là đệ nhất Giáo Tông của Đạo Cao Đài, tuy nhiên về sau này khi Ngài đã qui thiên thấy xuất hiện một khuynh hướng tôn vinh Ngài lên làm đệ nhất Giáo Tông của Đạo Cao Đài, do một số môn đồ trong phái của Ngài và các chi phái khác, chủ trương dựa vào sự kiện lịch sử vừa nêu trên. Việc này hoàn toàn trái với ý của Ngài khi còn sanh tiền.

2/- Sự kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông của chơn linh Đức Lý Thái Bạch :

Sau khi Ngài Ngô Văn Chiêu từ chối không chịu nhận trách nhiệm làm Giáo Tông Đạo Cao Đài thì chơn linh Đức Lý Thái Bạch trong hàng Tam Trấn phải kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông này. Trong nhiều đàn cơ Ngài xưng danh Lý Giáo Tông là vì vậy, cho đến ngày hôm nay chơn linh Lý Bạch vẫn là Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tam Trấn là ba vị đại diện cho quyền pháp của Tam Giáo trong tổ chức Đạo Cao Đài gồm có :

- 1- Chơn linh Đức Quan Âm Bồ Tát đại diện cho Phật Giáo.
- 2- Chơn linh Đức Lý Thái Bạch đại diện cho Lão Giáo.
- 3- Chơn linh Đức Quan Thánh Đế Quân đại diện cho Nho Giáo.

Còn Giáo Tông là vị chức sắc lớn nhất trong Đạo Cao Đài có nhiệm vụ làm anh cả đối với tất cả tín đồ. Về phương diện hữu hình, Hộ Pháp vẫn là em của Giáo Tông, về phần thiêng liêng thì đồng vị.

3/- Vị quyền Giáo Tông đầu tiên tại Tòa Thánh Tây Ninh:

Năm 1930 chơn linh Đức Lý Thái Bạch với tư cách là Giáo Tông Đạo Cao Đài, hiệp cùng Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã ký Đạo Nghị Định thứ hai phong cho Ngài Thượng Đầu Sư Lê văn Trung làm quyền Giáo Tông thay mặt cho Đức Lý thi hành các phận sự của Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng

liêng Đức Lý vẫn điều khiển.

Ngài Lê Văn Trung sinh năm 1875 tại Chợ Lớn, Việt Nam, ngoài đời làm quan đến chức Nghị viên Thượng Nghị Viện. Năm 1925 xin từ quan. Ngài theo Đạo cao Đài từ năm 1926, được phong phẩm Đầu Sư phái Thượng (Thánh danh là Thượng Trung Nhật) rồi thăng lên quyền Giáo Tông năm 1930. Ngài qui thiên năm 1934 nhằm ngày 13-10 âm lịch, thời gian hành đạo là 8 năm tròn, hưởng thọ 59 tuổi.

Nơi mặt tiền ngôi Đền Thánh, phía bên nam tức là bên lầu trống, Hội Thánh cho đắp tượng của Đức Ngài, vị quyền Giáo Tông đầu tiên của Đạo Cao Đài. Đối xứng phía bên nữ là tượng của bà Lâm Hương Thanh, vị nữ tu đầu tiên được phong phẩm Đầu Sư là phẩm cao nhất của nữ phái Cao Đài.

4/- Các vị Giáo Tông ở chi phái :

Năm 1926 Đức Chí Tôn lập thành Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Đạo Cao Đài, ban hành Pháp Chánh Truyền. Năm sau 1927, Hội Thánh lập Tân Luật. Ngài Ngô Văn Chiêu sau khi từ chối, không chịu đứng chung trong tổ chức tôn giáo mới thành hình này, vẫn chuyên chú nhiều về việc tịnh luyện, thiền định. Ngài không chủ trương lập giáo quyền hay Hội Thánh chi cả, chỉ theo đuổi một phương pháp tu tập bản thân và có truyền bá pháp môn này cho những người tin theo Ngài.

Từ nguyên thủy tổ chức Đạo Cao Đài được thành hình với một Hội Thánh, một giáo quyền sinh hoạt theo những qui định trong Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, trung ương là Tòa Thánh đặt tại làng Long Thành Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam gọi tắt là Tòa Thánh Tây Ninh, tuyệt nhiên không có chi phái nào trong quyền hành của Hội Thánh cả.

Vài năm sau dưới áp lực của chính quyền Pháp chủ trương chia để trị với những bất hòa, tranh chấp về quyền hành trong nội bộ tôn giáo với những đổ kỵ, mất lòng tin lẫn nhau do phạm tính dấy sinh, cùng với những chỉ dẫn của cơ bút khó phân biệt giả chơn đã bị lạm dụng như một hình thức cầu chứng với thần

quyền để bên vực cho lập trường khác nhau của từng phe nhóm, một số chức sắc đã tách rời ra khỏi quyền hành của Tòa Thánh Tây Ninh, lập thành chi phái hoạt động riêng lẻ và đôi khi đối nghịch. Một vài chi phái có Giáo Tông do công cử hoặc do cơ bút, trong khi chơn linh Đức Lý Thái Bạch vẫn tiếp tục hành xử quyền hành Giáo Tông Đạo Cao Đài từ buổi sơ khai.

Ngài không thoái vị thì ngôi Giáo Tông đâu có chỗ trống để một người khác ở dưới thế lên thay được. Do đó mọi hình thức lên ngôi Giáo Tông ở các chi phái đều không hợp với Pháp Chánh Truyền. Đây là điểm then chốt về pháp lý và không có một lối giải thích nào vượt qua được, ngoại trừ phải chấp nhận vị trí phụ thuộc gọi là nhánh ngọn từ một gốc duy nhất là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ bị biến tướng ra.

Dĩ nhiên công nghiệp độ rỗi như sanh trên con đường hướng thiện dù ít dù nhiều, thâm sâu hay phiến diện trong lòng người vẫn là những đóng góp vào sự tấn hóa của xã hội và con người mà các tổ chức chi phái đã đạt được.

Thái độ đố kỵ và phân chia trong lòng của một số vị tu ở chi phái đối với Tòa Thánh Tây Ninh hay ngược lại của người tu ở Tòa Thánh Tây Ninh đối với chi phái là một sai lầm nghiêm trọng, hoàn toàn trái với Thánh ý Đức Chí Tôn. Luật pháp đạo giáo áp dụng nghiêm minh là để kèm giữ cho lòng người đừng loạn, đặng giữ bền Thánh chất yêu sanh của Thầy nên trên hết mọi sự phân hóa và biện pháp điều chỉnh, mọi dị biệt nảy sinh do biến tướng trên dòng thời gian. Chánh pháp của Đạo Cao Đài vẫn phải là tình yêu thương đại đồng.

II)- QUAN NIỆM CỦA CHI PHÁI :

Tổ chức nguyên thủy của Đạo Cao Đài là Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh tại Tây Ninh. Trên dòng thời gian tổ chức này bị phân hóa nội bộ, biến tướng ra thành các chi phái. Tùy theo tâm thức của giới chức sắc cầm quyền tối cao trong các chi nhánh này, quan niệm về quyền hành Giáo Tông của chi phái không giống nhau nhưng tựu trung vẫn mô phỏng theo Pháp Chánh Truyền, Tân Luật nguyên thủy trong

cơ cấu tổ chức và điều hành nhân sự, giáo quyền.

Cho đến năm 1966, ông Hoài Nhân, tác giả quyển “Bốn mươi năm lược sử Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ” có liệt kê một danh sách ba mươi lăm (35) tổ chức chi phái Cao Đài có danh xưng hẳn hoi, trong đó ông ghi nhận một số có danh xưng còn thực lực thì không rõ.

Từ các chi phái đã thành hình theo thời gian lại có hiện tượng tách riêng ra thành những phái nhỏ nữa và cho đến nay có ba chi phái có Giáo Tông đó là :

- 1 - Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương phái Bến Tre.
- 2 - Giáo Tông Nguyễn Bửu Tài phái Tiên Thiên.
- 3 - Giáo Tông Cao Triều Phát phái Cao Đài duy nhất.

Do sự khác biệt về nguyên nhân thành hình trong quá khứ, khác biệt về điều kiện nhân sự nội bộ, những quan niệm về quyền hành của vị Giáo Tông trong Đạo Cao Đài do các chi phái giải thích cũng khác nhau ở một vài góc độ nào đó, tuy nhiên vẫn có một điểm chung là tính đối kháng lại với quan niệm của Tòa Thánh Tây Ninh.

Tòa Thánh Tây Ninh cho rằng trên hết có một quyền lực vô hình là Đức Chí Tôn, lập thành một Đạo Cao Đài do một Giáo Tông điều khiển Hội Thánh Cửu Trùng Đài và một Hộ Pháp điều khiển Hội Thánh Hiệp Thiên Đài. Phải tuyệt đối tôn trọng Pháp Chánh Truyền.

Đó là quan niệm chính thống, nguyên thủy khi Đạo Cao Đài mới thành lập và tình trạng nhân sự hãy còn là một khối thuần nhất. Vài năm sau mới có chia rẽ nội bộ thành chi phái và để biện minh cho sự tồn tại của mình là chánh lý, chi phái đưa ra một cách giải thích khác về Pháp Chánh Truyền và quyền hành Giáo Tông. Chi phái cho rằng trên hết có một quyền hành là Đức Chí Tôn, Ngài lập thành nhiều chi phái theo thời gian, Đạo Cao Đài là tổng số các chi phái, và Tòa Thánh Tây Ninh mặc dù là tổ chức Hội Thánh nguyên thủy, vẫn bị coi là một trong số các chi mà thôi. Như thế có nghĩa là trên hết có một Bát Quái Đài là quyền lực vô hình, dưới thế gian này có vô số Hội

Thánh Cửu Trùng Đài và Hội Thánh Hiệp Thiên Đài, tùy theo nền Đạo bị biến tướng đến đâu, sẽ có thêm nhiều Giáo Tông và Hộ Pháp đến đó, mỗi vị điều khiển một chi của mình cùng tồn tại song song với nhau.

Quan niệm này xếp loại như sau :

Cho đến nay Đạo Cao Đài có năm Giáo Tông:

- 1/- Đệ nhất Giáo Tông là Ngô Văn Chiêu.
- 2/- Đệ nhị Giáo Tông là Lê Văn Trung.
- 3/- Đệ tam Giáo Tông là Nguyễn Ngọc Tương
- 4/- Đệ tứ Giáo Tông là Nguyễn Bửu Tài.
- 5/- Đệ ngũ Giáo Tông là Cao Triều Phát.

Còn trường hợp Đức Lý Đại Tiên kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông từ nguyên thủy được gọi là Giáo Tông vô vị.

Năm 1934, chơn linh Đức Lý Thái Bạch với tư cách Giáo Tông Đạo Cao Đài (tổ chức nguyên thủy) đã giảng cơ ban hành Đạo Nghị Định thứ 8 không nhìn nhận tính cách hợp pháp của các chi phái Cao Đài và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cũng ký tên vào Đạo Nghị Định này. Chi phái bị đặt ra ngoài vòng pháp luật Đạo giáo và đương nhiên không được tham dự vào các sinh hoạt thuộc hệ thống giáo quyền Tòa Thánh Tây Ninh.

Như thế là đã thành hình hai quan niệm về quyền hành Giáo Tông đối kháng hẳn với nhau. Trường hợp của Ngài Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương hơi đặc biệt một chút. Ngài lên ngôi Giáo Tông do sự công cử của một số chức sắc, chức việc, đại biểu tín đồ do Ngài triệu tập gọi là Hội Vạn Linh tại Bến Tre vào đầu năm 1935. Quyết định này của Đại Hội đã đặt Ngài vào tư thế phải tranh quyền với Giáo Tông Lý Thái Bạch là điều khó xử đối với Ngài. Khó xử vì chính Đức Lý Giáo Tông cùng với Đức Phạm Hộ Pháp đã ký Đạo Nghị Định thứ hai thăng thưởng Ngài lên địa vị thay mặt cho Đấng Thượng Trung Nhật, để từ đó Ngài tự thấy mình có đủ tư cách pháp lý tranh cử vào ngôi Giáo Tông được và Ngài đã dùng quyền lực lá phiếu của Đại Hội Vạn Linh cử ngài làm Giáo Tông Đạo Cao Đài. Đại Hội Vạn Linh do Ngài triệu tập tại Bến Tre thay vì cử Ngài lên

quyền Giáo Tông, nghĩa là người thay mặt Đức Lý về phần xác điều khiển Cửu Trùng Đài, lại cử Ngài ngồi vào vị trí của Đức Lý. Quyền hành Giáo Tông thì Đức Lý đã kiêm nhiệm từ trước, dùng cơ bút để điều khiển công việc hữu hình và Ngài Phối Sư Thượng Tướng Thanh phải nhờ Đức Lý Giáo Tông thăng thưởng mới lên được chức quyền Đầu Sư. Nay Đại Hội cử Ngài làm Giáo Tông chánh vị thì Đức Lý có còn kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông nữa không ? Chỉ có một ngài Giáo Tông theo Pháp Chánh Truyền ấn định, mà có đến hai vị ở vào tư thế phải tranh quyền với nhau. Đây là chỗ khó xử của Ngài Thượng Tướng Thanh. Còn như phải loại trừ hay chối bỏ Đức Lý ra khỏi vị trí kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông thì kẻ Tiên người tục làm sao Đại Hội dám nói điều ấy?

Sau đó một thời gian Ngài tự xưng rằng Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch và Nguyễn Ngọc Tương là một, nghĩa là hồn Lý Thái Bạch ngự nơi xác Nguyễn Ngọc Tương. Trong nhiều văn kiện chính thức giáo quyền chi phái Bến Tre gọi Ngài Thượng Tướng Thanh là Đức Lý Giáo Tông. Cách xưng danh thần bí này nghịch hẳn với lời Thánh giáo của Đức Lý Thái Bạch giảng cơ tại Tòa Thánh Tây Ninh ngày 19-3-1928 xác định rằng chẳng hề ở thế này có hai Thái Bạch :

“Lão tướng cũng nên cất nghĩa phẩm vị của chư hiền hữu. Tỷ như ngôi của Thượng Đầu Sư, Ngọc Đầu sư, Thái Đầu Sư, Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh hay là Giáo Tông của Lão đi nữa, dầu ngày sau có nhượng cho ai thì họ ngồi ở địa vị của mình chớ chẳng hề ở thế này có hai Thái Bạch, hai Thượng Trung Nhật, hai Ngọc Lịch Nguyệt, hai Thái Nương Tinh, hai Hộ Pháp hai Thượng Phẩm, hai Thượng Sanh bao giờ. Hiểu à !”

Chỉ có một thi hào Lý Thái Bạch sinh ra và chết đi đời nhà Đường bên Tàu. Còn lại chơn linh Đức Lý Thái Bạch là phần trọn lành nơi cõi hư linh hiện đang kiêm nhiệm quyền hành Giáo Tông Đạo Cao Đài, đang phò trợ, điều khiển Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh. Người thay mặt cho Đức Lý Giáo Tông về phần xác là Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật. Thượng Trung Nhật là Thượng Trung

Nhật, không thể tự mình đồng hóa với Lý Thái Bạch được, điều đó Đức Lý cũng căn dặn rõ ràng nơi Đạo Nghị Định thứ 8 ngày 25-8-1934 :

“ Thượng Trung Nhật hiền hữu phải để ý rằng, quyền hành của hiền hữu riêng với phần của Lão nên Đạo Nghị Định phải lập riêng ra nghe”.

Tính đối kháng trong hai quan niệm về quyền hành Giáo Tông là trở ngại chính khiến cho những nỗ lực nhằm thống nhất các chi phái không thành công được. Nó là hậu quả tất nhiên của tình trạng cơ bút sử dụng tự do, quá dễ dãi, đức tin thiếu phân biệt của lý trí bất chấp lời cảnh giác của Đức Chí Tôn từ buổi ban sơ về sự phân biệt giả chơn đối với thần quyền.

Sự đối kháng này nếu không giải tỏa được trong lòng người thì các hình tượng qui nhất chi phái Cao Đài chỉ là sự xoa dịu tâm lý nhơn sanh mà thôi. Làm sao có được một tổ chức nhân sự hữu hình thống nhất khi mà quyền lực lãnh đạo tối cao là Giáo Tông được hiểu theo quan niệm phát triển theo chiều hướng ly tán, không chịu tập trung làm một.

Tinh thần và hình thể tương liên mật thiết với nhau như bóng với hình, pháp luật tượng trưng cho tinh thần, tổ chức nhân sự tượng trưng cho hình thể. Quan niệm về quyền hành Giáo Tông thuộc về tinh thần được hiểu theo chiều ly tán trong khi đó lại muốn có một tổ chức nhân sự thống nhất thì quả thật là điều nghịch lý.

(còn tiếp)



**Nguồn gốc cao cả của con người theo giáo lý
của Đạo Cao Đài: Trời Người không khác.
Hiền Tài Lê Văn Thêm**

(Tiếp theo)

II-Cơ Bút : Một đặc trưng của Đạo Cao Đài

Trong Đạo Cao Đài , cơ bút là pháp dùng thông công với các Đấng Thiêng Liêng với mục đích để tiếp thụ sự hiển bày chơn lý và để phổ truyền chơn đạo.

Cũng giống như Kinh, trong cơ bút, Đấng Chí Linh tức Đức Chí Tôn có dạy rất rõ như sau:

Tại đàn cơ ngày 20 tháng 2 năm 1926 Thầy bảo: “Thầy là các con, các con tức là Thầy” với ý nghĩa là Thầy và các con nào có khác chi nhau, có khác chăng là vì mê ngộ chẳng đồng, vì một niệm mê thì Phật là chúng sinh, còn với một niệm ngộ thì chúng sinh đồng Phật”.

Đến một đàn cơ khác vào ngày 15 tháng 9 Bính Dần (26-10-1926) Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật, tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát giáo Đạo Nam Phương lại dạy thêm “ Khai Thiên Địa vốn Thầy, sanh Tiên Phật cũng Thầy. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con. Có Thầy mới có các con. Có các con mới có chư Thần Thánh Tiên Phật.”

Tóm lại, qua hai đàn cơ nói trên, Đấng Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát đã nói rõ cái lý Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, hay Nhất Bản Tán Vạn Thù, Vạn Thù qui Nhất Bản cũng có nghĩa là Thiên Nhơn Hiệp Nhứt hay Trời Người không khác, để chỉ cho người đời thấy cái nguồn gốc cao quý, cái giòng họ sang cả của mình, đáng kính, đáng thương, đáng mến làm sao mà kinh của Đạo Cao Đài bảo rằng:

“ Con người vốn phẩm tối linh,
Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi!”

Xin được luận bàn tiếp theo sau đây trước tiên là danh từ Thầy, kế tiếp là hai đàn cơ nói trên chỉ rõ: “Dieu et Humanité” được hiểu là Trời và Người, hay Thiên Nhơn với ý nghĩa là Thiên Nhơn Hiệp Nhất.

A-Thứ nhất: Danh từ Thầy,

Danh từ Thầy trong Đạo Cao Đài là Đức Chí Tôn và Đức Chí Tôn là một Đại Linh Quang, một Đại Thể mà “ Vũ trụ này là sự hình hiện, hiển dương của Đại Thể linh minh huyền diệu, bất khả tư nghì đó.”¹

“ Vì Đại Thể nói trên đã lấy chính bản thể của mình để hình hiện, biến hóa ra vũ trụ hữu hình này, nên tất cả quần sinh trong vũ trụ này đều cùng nhau chia sẻ Bản Thể siêu việt nói trên , vì thế mới nói Nhất tức Nhất Thiết, Nhất Thiết tức Nhất² có nghĩa là Một là tất cả, tất cả là một và Đạo Cao Đài thờ Thiên Nhân chỉ có Một , đó là hình hiện Đại Thể ấy để nói lên Chân Đế Nhất Bản Tán Vạn Thù, Vạn Thù qui Nhất Bản mà Đạo Lão với chữ Đạo hay Vô Cực, Khổng Giáo với Thái Cực hay “Ngô đạo nhất dĩ quán chi” và Phật giáo với Chơn Như Pháp Tánh hoặc ngón tay chỉ lên Trời hay “Qui thế giá ư nhưt khí chi trung” (Kinh Thích giáo, Cao Đài) là để hiển dương Đại Thể hay Chân Lý đó. Tóm lại “ Đại Thể tức Bản Thể nói trên được hài danh bằng nhiều cách, được gọi hay tả bằng nhiều tên như Vô Cực, Thái Cực, Đạo, Chơn Như, Trời, Thượng Đế³ , Chí Tôn hay Thầy.

X

X X

Trong Đạo Cao Đài Thầy dạy rằng “ Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con” trong ý nghĩa các con với Thầy không khác , các con và chư Phật cũng chẳng khác nhau. Còn Đạo của Thầy với giáo lý Trời Người (Dieu et Humanité) tức Thiên Nhân cũng có nghĩa Thiên Nhân

1-Nhân Tử Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ: *Vạn Vật đồng nhất thể*, NXB Nhân Tử Văn- CA, USA 2002, trang 10.

2-Như ghi chú 1.

3-Như ghi chú 1..

Tương Dữ, Thiên Nhân hiệp Nhứt hay Trời Người Bản Thể cũng là một mà thôi . Bản Thể đó là gốc Trời hay căn Phật, phần độc tôn, phần cao quý nhất của mọi chúng sanh mà Đạo Phật gọi là Viên Ngọc Quý hay Hạt Châu vô giá và Đạo Cao Đài gọi là Chí Bảo Chúng Sanh được kể qua những câu chuyện qua Thánh Thơ, Thánh Giáo hay bài kệ sau đây:

B-Thứ hai: Chi Bảo Chúng Sanh (Cao Đài) hay Thánh Tâm, Phật Tánh (Khổng, Phật).

Để chỉ rõ Chí Bảo Chúng Sanh hay Thánh Tâm Phật Tánh có những câu chuyện với giáo chỉ sau đây được tìm thấy trong Kinh điển Phật giáo và Thánh Thi Thánh giáo của Đạo Cao Đài.

1-Câu chuyện thứ nhứt.

Nói về Chí Bảo Chúng Sanh của Đạo Cao Đài hay theo Đạo Phật là Hạt Châu vô giá , nguyên căn của Thiên Nhơn hiệp Nhứt, có một vị tăng hỏi Thiền sư Thạch Trụ:

“ Thế nào là Hạt Châu trong tay Địa Tạng, trong tay Ông có chăng?”

Sư trả lời với bài kệ như vậy:

“Bất thức tự gia bảo
Tuỳ tha nhân ngoại trần.
Nhật trung đàn ảnh chất
Cảnh lý xuất đầu nhân.”

Được dịch là:

“Báu nhà mình chẳng biết
Theo người nhận vật ngoài.
Giữa trưa chạy trốn nắng,
Kẻ soi gương mất đầu.”

Có nghĩa là chúng sinh chẳng biết rằng trong nhà mình, hay tự nơi mình đã có sẵn của báu. Chúng sinh hay quên hoặc thường ít nhớ như vậy để sử dụng của báu nhà mình, của mình mà trái lại cứ chạy theo bên ngoài để tìm ngoại trần ngoại vật. Việc làm này chẳng khác nào như kẻ cỡi trâu mà đi tìm trâu hay giữa trưa mà chạy trốn cái bóng của mình (nhật trung đàn ảnh chất).

Mà trốn làm sao được. Đây là việc làm điên rồ chẳng khác nào như kẻ soi gương rồi sau khi buông gương xuống không còn thấy cái mặt và cái đầu của mình, do đó nên điên loạn chạy la hoảng lên rằng ta mất đầu. Đó là nói về trường hợp của Diễn Nhã Đạt Đa, một nhân vật trong kinh điển nhà Phật (Kinh Lăng Nghiêm).

Kinh nhà Phật có kể về Diễn Nhã Đạt Đa thường ngày hay soi gương, thấy trong gương có cái đầu và cái mặt của mình. Một hôm soi gương xong, Diễn Nhã Đạt Đa buông gương xuống thì không còn thấy cái mặt và cái đầu của mình đâu nữa. Diễn Nhã Đạt Đa hoảng sợ chạy ra ngoài la to lên rằng : “ Ta mất đầu! Ta mất đầu!” và phát điên.

Người đi tìm Đạo cũng vậy. Chạy đi kiếm, chạy đi tìm, tìm Thánh, tìm Phật, tìm đạo Trời, tìm Chí Bảo Chúng Sanh, Hạt Châu vô giá, thế mà lại chẳng biết rằng tất cả vốn có sẵn nơi mình mà trong Chứng Đạo Ca Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác nói rằng: “Ma Ni Châu, nhưn bất thức” nghĩa là mỗi người đều có hạt châu ma ni mà chẳng biết, và Trúc Lâm Đầu Đà, một vị vua nhà Trần Việt Nam có bài kệ như sau:

“ Cư trần lạc Đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miêu.
Gia trung hữu bảo hữu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiên.”

Đây là bài kệ chỉ rõ cho thấy của báu nhà mình, của báu của mình mà chẳng thấy chẳng biết, còn chạy kiếm ở đâu đâu (gia trung hữu bảo hữu tầm mịch). Đó là của báu trong nhà, trong mình, đó là tánh giác, Đó là Thánh tâm, là Phật Tánh, là Thiên Mệnh chi vị Tánh, là Tánh của Trời ban thế mà không tri kiến lại cứ chạy tìm cầu, giống như kẻ cỡi trâu mà lại đi tìm trâu, hay kẻ có đầu như Diễn Nhã Đạt Đa mà cứ chạy la mất đầu để cố lo tìm lại cái đầu.

Câu chuyện Diễn Nhã Đạt Đa diễn tả nhiều ý nghĩa với nhiều mục đích mà một trong những mục đích đó là nhằm nhắc nhở người đời đừng quên mà nên nhớ rằng trong tay Bồ Tát Địa

Tạng có hạt châu, và tự nơi ta, trong người ta cũng có hạt châu, đó là tánh giác, là Thánh tâm, là Phật tánh mà Thánh giáo Đạo Cao Đài gọi là “Chí Bảo Chúng Sanh”, qua bài Thánh ngôn sau đây:

“Hảo Nam Bang ! Hảo Nam Bang!
Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn.
Hạnh ngộ Cao Đài truyền Đại Đạo,
Hảo phùng Ngọc Đế ngự trần gian.
Thi ân tế chúng thiên tai tận,
Nhược thiệt nhược hư vạn đại an.
Chí Bảo Nhơn Sanh vô giá định
Năng tư giác thế sắc cao ban,”

Có nghĩa là thật vô cùng tốt đẹp cho nhà Nam, cho đất nước Việt Nam. Một tiểu quốc ở vùng Đông Nam Á mà ngày nay được ơn Trên ban hồng ân với nền Đại Đạo Tam kỳ Phổ Độ, đứng ra khai hội Niết Bàn, thực thi cơ Tận Độ bằng cách chỉ cho nhơn sanh thấy rõ những việc thiện lành, thi ân tế chúng, cứu độ quần sanh. Đó là việc trước mắt mà mình phải làm với bốn phận đối nhân xử thế. Đó là phần bên ngoài. Còn bên trong tức tự nội tâm thì mình phải thấy rằng trên đời này tất cả là không, chẳng có gì tồn tại mãi đâu, thế gian vô thường, vạn pháp vô ngã, mọi việc mọi vật hết có rồi không, cũng như con người có đến rồi đi, nay còn mai mất, thiệt thiệt hư hư mà bất cứ ai thấy biết được yếu chỉ nhược thiệt nhược hư đó là đã tri kiến được cái lý sắc không, tức đã có được cái trí tuệ của một bậc giác ngộ rồi.

Tóm lại, bất cứ người nào, nếu bên trong đã có được trí tuệ tri kiến không sắc, thiệt hư và bên ngoài thực hiện được Từ Bi-Bác Ái, thì đó là đã thực hành được hai đức tánh ban đầu và quan trọng nhất của một vị Phật. Nói rõ hơn, hai đức tánh này, tức Từ Bi và Trí Tuệ, là Phật tánh, là “Chí Bảo Nhơn Sanh” vô giá, không gì có thể sánh bằng, mà bất cứ ai năng tri giác thế tức biết rõ và hành trì đúng thì người đó tự nhiên đã bước vào quả Phật mà Thánh Thi Đạo Cao Đài gọi là “Sắc cao bang” có nghĩa một khi lòng Từ Bi trọn vẹn và trí tuệ sắc không tràn đầy

thì chúng sanh sẽ đồng với Phật, tức là chúng sanh đã bước vào đất Phật mà nói rõ hơn theo Đạo Cao Đài Nho Tông chuyển thể đó là Thiên Nhơn Hiệp Nhứt.

2-Câu chuyện thứ hai.

Để minh chứng Đạo Cao Đài với giáo chỉ “ Đạo Thầy là các con, các con là Thầy. Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con, có các con rồi mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật” với ý nghĩa là Thiên Nhơn hiệp Nhứt, tức con người ai ai cũng có thể là Thánh, cũng có thể thành Phật, xin được kể lại tiếp theo đây câu chuyện để chứng minh được rút ra từ Kinh Pháp Hoa, Phẩm 20 với một vị Bồ Tát có hồng danh là Thường Bất Khinh.

Bồ Tát Thường Bất Khinh, theo Kinh Pháp Hoa, vốn là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Bồ Tát thường có thói quen là hay trì kinh Pháp Hoa và thay vì tụng đọc thì Ngài lại hay đi tối lui, gặp người này người nọ và bất cứ với ai Ngài cũng nói “ Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài sẽ thành Phật.”

Bồ Tát Thường Bất Khinh cứ nói như vậy, dù ai có nghe hay không nghe tùy ý. Dù ai có khó chịu không muốn nghe nhưng bị Ngài quấy rầy nói mãi nên chửi Ngài, thậm chí rượt đánh Ngài. Ngài chỉ nín im và chạy, nhưng cũng vẫn la lớn lên rằng “ Tôi không dám khinh các Ngài vì các Ngài sẽ thành Phật.” Đây là câu chuyện của Phẩm 20 Kinh Pháp Hoa được gọi là Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát.

Với Phẩm này, Bồ Tát Thường Bất Khinh muốn chỉ cho chúng sinh thấy mục đích của Kinh Pháp Hoa, đó là khai thị cho chúng sinh Ngộ, Nhập, Tri Kiến Phật, tức mở bày ra và chỉ rõ cho chúng sinh thấy để giác ngộ được tánh Phật của mình sẵn có mà lo tu để thành Phật.

Nói tóm lại, việc làm của Thường Bất Khinh hay mục đích của Kinh Pháp Hoa là chỉ cho mọi người thấy rằng mình vốn có Phật tánh. Đây là một bằng cứ chứng minh giáo lý Đạo Cao Đài cũng như giáo lý Tam Giáo hay nói rõ hơn là giáo lý Đạo Phật về điểm Thiên Thượng Thiên Hạ (Dieu et Humanité) và

Thiên Nhơn Hiệp Nhứt không có gì khác nhau. Chúng sinh ai ai cũng có tánh Phật và nếu chịu tu thì ai ai cũng có thể thành Phật, thành Trời.

C-Chúng sinh bất cứ ai cũng có thể thành Phật.

Trong Kinh Pháp Hoa, Bồ Tát Thường Bất Khinh nói: “Các Ngài sẽ thành Phật”, và trong Kinh Niết Bàn, Đức Phật nói rõ là tất cả chúng sanh đều có Như Lai Tạng tức Pháp Thân, Pháp Tánh, Phật Tánh, Chơn Tánh hay Chơn Ngã.

Còn với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát mà cũng là Đức Thích Ca Mâu Ni Phật tá danh vẫn nói: “Thầy là chư Phật, chư Phật là Thầy. Các con là chư Phật, chư Phật là các con . . .”

Như vậy Đạo Cao Đài cũng như Đạo Phật, cả hai đều xác nhận là chúng sanh hay Nhơn sanh ai ai cũng đều có Phật tánh và cũng có thể thành Phật. Chử ai ai ở đây được dùng để xác định là không hề có sự phân biệt nam nữ, lành dữ, nam bắc, trí ngu . . . v . . . v . . .

Về nam bắc trí ngu thì khi Lục Tổ Huệ Năng đến gặp Tổ Hoàng Nhẫn để cầu làm Phật, được Ngũ Tổ bảo rằng “Người là người xứ Lĩnh Nam (tức Phương Nam) lại là giống dã man (có nghĩa là ngu không có trí) thế nào làm Phật được”. Lục Tổ bèn trả lời rằng “ Con người tuy có phân Nam Bắc nhưng Phật tánh vốn không có Bắc Nam. Cái thân dã man này với Hòa Thượng tuy chẳng giống nhau chớ Phật tánh nào có khác.”

Câu trả lời trên đây của Lục Tổ xác nhận là với Phật thì không hề có phân biệt. Kể Bắc người Nam, kể ngu người trí, kể thiện người ác, kể nam người nữ, tất cả đều có Phật tánh và Phật tánh vẫn đồng. Thật vậy, như về trường hợp nam nữ, có một số ít người nghĩ rằng người nữ không thể hay khó có thể thành Phật vì còn có nhiều chướng. Muốn thành Phật thì nữ phải chuyển thành nam trước đã. Đây là một cách luận giải không phù hợp với giáo lý Đạo Cao Đài vì Thể Pháp của Đạo Cao Đài trước tiên đã cho thấy rõ việc này. Với Đạo Cao Đài không hề có phân biệt nam nữ. Một bằng cứ rõ rệt là trong tổ chức và nghi

lễ cúng kiếng của Đạo Cao Đài thì nam nữ đều ngang nhau, chức phẩm cũng ngang nhau và chức sắc các cấp thì nữ cũng có đối phẩm như nam.

Đây là một đặc điểm trong Thể Pháp Đạo Cao Đài xác nhận nữ nam bình đẳng, không có kẻ hơn người kém và cả hai đều có thể tu để thành Phật, không cần nữ phải chuyển thành nam trước rồi mới có thể tu để thành Phật sau.

X

X X

Phần giáo lý hay Thể Pháp của Đạo Cao Đài được tìm thấy sự tương đồng trong Kinh Đạo Phật. Nói rõ hơn là được xác nhận bởi Kinh Pháp Hoa.

Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nơi phẩm 13 được gọi là Phẩm Trì do Đức Phật Thích Ca. Thuyết giảng có ghi lại như sau:

“ Khi đó, dì của Phật là Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni cùng chung với bực “học” và “vô học” Tỳ Kheo Ni 6000 người đồng từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt chẳng tạm rời. Bấy giờ Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di ¹ : “ Có chi có sắc buồn mà nhìn Như Lai, tâm bà toan cho rằng tôi chẳng nói đến tên bà, để thọ ký thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh giác ư ?”

“ Kiều Đàm Di ! Tôi trước tổng nói tất cả Thanh Văn đều đã được thọ ký, nay bà muốn biết thọ ký đó, đời tương lai bà sẽ ở trong pháp hội của sáu muôn tám nghìn ức đức Phật làm vị đại Pháp Sư. Bà lần lần đủ đạo hạnh Bồ Tát như thế sẽ được thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Như Lai, Ứng cúng. Chánh biến tư, Minh Hạnh túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tài”

Bấy giờ mẹ của La Hầu La là bà Gia Du Đà La ² Tỳ Kheo Ni
1-Kiều Đàm Di là dì ruột mà cũng là mẹ nuôi của Phật Thích Ca.

2-Gia Du Đà La là vợ Thái Tử Tất Đạt Đa, sau Thái Tử thành Phật Thích Ca.

ngẫm rằng: “Thế Tôn ở trong Hội thọ ký riêng chẳng nói đến tôi.”

Phật bảo Gia Du Đà La: “ Người ở đời sau trong Pháp Hội của trăm nghìn muôn ức đức Phật tu hạnh Bồ Tát làm vị đại Pháp sư, lần lần đầy đủ Phật Đạo ở trong cõi thiện quốc sẽ được thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai. . . .Phật sống lâu vô lượng vô số kiếp.” Nghĩa là Phật thọ ký cho hai vị Tỳ Kheo Ni Kiều Đàm Di và Gia Du Đà La được thành Phật.

Tóm lại với Đạo Cao Đài được chứng minh qua Đạo Phật thì việc tu thành Phật không hề có phân biệt nam nữ và bắt buộc nữ phải chuyển thành Nam trước khi đắc quả Phật. Vậy ai nghĩ nữ kém nam hay nữ thua nam thì nên nghĩ lại rằng nam nữ bình đẳng, đồng đẳng, đồng tu, đồng là tín đồ, đồng là chức việc, chức sắc và đồng thành Phật chẳng có gì khác biệt. Nữ chẳng khác chi nam mà bà Kiều Đàm Di và Gia Du Đà La, nhất là trường hợp của nàng Long Nữ đã xác nhận lời Phật nói được ghi rõ nơi Phẩm 12.

Tại phẩm 12 có trường hợp của nàng Long Nữ. Mặc dù Long Nữ mới có 8 tuổi nhưng nàng cũng được thọ ký thành Phật, mà ngay đến cả Ngài Xá Lợi Phất, một đại đệ tử của Đức Phật, trí tuệ bậc nhất cũng chưa dám tin. Câu chuyện được chính Kinh Pháp Hoa ghi lại rằng:

“ Bây giờ Ngài Xá Lợi Phất nói với Long Nữ rằng: Người nói không bao lâu chứng được đạo Vô Thượng, việc đó khó tin. Vì sao? Vì thân gái như uest chẳng phải là pháp khí, thế nào có thể được thành Vô Thượng Chánh Giác? Đạo Phật xa rộng phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ, chức nhóm công hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được. Lại thân gái có 5 điều chướng;

Một: chẳng được làm Phạm Thiên Vương,

Hai: chẳng được là Đế Thích.

Ba: chẳng được làm Ma Vương.

Bốn: chẳng được làm Chuyển Luân Thánh Vương.

Năm: chẳng được làm Phật.

Thế nào thân gái được mau thành Phật?

Lúc đó Long Nữ có một hột châu báu giá trị bằng cõi tam thiên đại thiên đem dâng lên Đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long nữ nói với Trí Tích Bồ Tát cùng Tôn giả Xá Lợi Phất rằng: “Tôi hiến châu báu, Đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?”

–“Rất mau” Ngài Xá Lợi Phất đáp.

–Long Nữ nói: “Tôi thành Phật lại mau hơn việc đó”

Đương lúc đó cả chúng hội đều thấy Long nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạng Bồ Tát, liền qua cõi vô cấu ở phương Nam, ngồi toà sen báu thành Bạc Chánh đẳng giác (Phật), đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp khắp vì chúng sanh mười phương mà diễn nói pháp mầu.

Khi ấy trong cõi Ta Bà, hàng bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Rồng, Bát Bộ, nhân cùng phi nhân ở xa đều thấy Long Nữ thành Phật. Trí Tích Bồ Tát và Ngài Xá Lợi Phất tất cả trong chúng hội yên lặng mà tin nhận.”

Trên đây là chính văn của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa được dịch ra tiếng Việt Nam ghi rõ việc nàng Long Nữ làm Phật ở Phẩm 12 với tựa đề là Phẩm Đề Bà Đạt Đa.

X

X X

Cũng tại phẩm 12 Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật Thích Ca lại còn cho biết thêm một điều quan trọng nữa để mọi người có thể vui vẻ, bình tâm tỉnh trí lo tu hành. Đó là Đức Phật nói rõ kẻ thiện người ác, cả hai cũng đều có Phật tánh, cũng đều có thể thành Phật và đây là trường hợp của Đề Bà Đạt Đa ¹.

²Căn cứ vào Kinh A Hàm thì đương thời với Đức Phật Thích Ca, Đề Bà Đạt Đa là một người có rất nhiều tham vọng thay Phật thống lãnh tăng đoàn, nên đã chia phe lập phái, đòi sửa đổi giới luật và đã ba lần âm mưu hãm hại đức Phật, mong cho

1--Đề Bà Đạt Đa là anh ruột của A Nan, bà con chú bác với Đức Phật Thích Ca.

Đức Phật chết đi và ĐỀ Bà Đạt Đa sẽ lên thay thế.

D- Lý do khó thấy hay khó nhận Thánh tâm, Phật tánh.

Có nhiều lý do khiến cho con người khó thể hay không thể thấy mình có Thánh tâm hay Phật tánh.

Lý do thứ nhất là có người không chịu tìm hiểu Đạo và đến với Đạo.

Lý do thứ hai nhiều người muốn tu nhưng chỉ lo tu tướng chớ chẳng chịu tu tâm với hậu quả tai hại nhất là người tu lại tự gạt mình mà nguyên nhân chỉ vì không đến được với chân lý là Đạo.

Người tu tự dối gạt mình bằng cách biết rõ rằng mình có Phật tánh Thánh tâm nhưng không chịu nhận hay không dám nhận và chỉ lo tu phước mà thôi. Sở dĩ không dám nhận hay không chịu nhận là do sợ tội, là vì nơi “Chốn hồng trần quen lẫn gió bụi” (Kinh Tắm Thánh), nên mình đã vô tình hay cố ý phạm lỗi lầm thì làm sao còn dám nghĩ đến việc siêu thăng giải thoát, thành Thánh, thành Tiên, thành Phật, mà Kinh Giải Oan Đạo Cao Đài có nói rõ như sau:

“ Dòng khổ hải bề thường chìm đắm,
Mùi đau thương đã thấm chơn linh.
Giây oan se chặt buộc mình,
Nhớ nơ lục đục thất tình nhiễm thân.

x

x x

Chịu ô trược chơn thần nặng trĩu
Mảnh hình hài biếng hiểu long tâm.
Phong trần quen thói cung âm,
Cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lầm phong đô.

x

x x

Khối trái chủ nhặng lo vay trả,
Mới gây nên nhân quả nợ đời.
Rảnh mình đâu, đặng thánh thời,
Thiên cung lở lối chơi với cõi trần.

Với ba đoạn Kinh trên, bốn câu thứ nhất ý nói hễ con người không chịu tự cứu mình, cứ lo lặn ngụp trong vòng khổ hải, trong bể ái ân, mà : “Khổ hải thì vạn trùng ba, ái hà thì thiên xích lẳng” nghĩa là trên biển khổ thì nước dùi gió đập, còn nơi sông ái ân thì sóng簸 ngập trời, vậy thì con người làm sao mà không phải khổ, không đắm chìm trong bể khổ.

“Bể khổ mệnh mộng sóng ngập trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Chung cuộc cùng trong bể khổ thôi !”

Bể khổ nói ở đây được rút ra từ bài Khai Kinh và Kinh Giải Oan của Đạo Cao Đài.

Bài Khai Kinh của Đạo Cao Đài viết rằng “Biển trần khổ với voi trời nước” có ý nhắc nhở nhơn sanh chớ nên nên chìm trong khổ hải, vì nếu cứ chìm đắm nơi đó thì “mùi đau thương sẽ thấm chơn linh” tức xác thân con người trước tiên vốn đã chịu lắm đau thương thì Chơn Thần và Chơn Linh tức linh hồn cũng phải bị ảnh hưởng, bị thấm đượm, tức cũng bị pháp trần vùi dập, phủ che làm cho ô trược.

Một khi đã bị ô trược rồi thì cự vị sẽ khó thể qui hồi, cũng chỉ tại con người do tham đắm tài, lộc, ái, ân mà đã tự buộc chặt mình vào vòng oan nghiệt, bình bồng nổi trôi theo lục đục thất tình làm ô nhiễm vẫn đục xác thân và chơn thần, còn chơn linh tức linh hồn cũng không tránh khỏi bụi hồng trần nhớp nhơ mờ phủ. Đây là ý nói của hai câu : “Dây oan xe chặt buộc mình. Nhớp nhơ lục đục thất tình nhiễm thân.” (Kinh Giải Oan).

X

X X

Sau khi thất tình đã nhiễm thân tức một khi con người đã tự lặn ngụp vào vũng lầy của thất tình lục đục xác thân oen ố luốc lem thì thử hỏi chơn thần tức hào quang bao phủ chở che đùm bọc xác thân làm sao trong sạch sáng sửa được, nghĩa là chơn thần cũng bị ô trược theo, nên nói “Chịu ô trược chơn thần nặng trĩu” là vậy.

Vì chơn thân đã bị ô trược nặng trĩu không còn linh minh, thanh tịnh, trong sáng nên không làm sao còn có thể giúp đỡ, hướng dẫn xác thân thấy rõ, biết rõ và sống với lương tâm hay chân tâm, tức là mãnh hình hài biếng hiểu lương tâm cũng có nghĩa đã quên lương tâm hay xa rời lương tâm.

Vì đã xa rời lương tâm hay chân tâm nên con người hay xác thân sẽ chạy theo vọng tâm là tư tâm hay tà tâm.

Sống với vọng tâm hay tà tâm, con người sẽ càng mê vọng cảnh phong trần, cùng quen thói cung âm từ giọng kèn tiếng huyên, làm cho con người say đắm, ngẩn ngơ, quên hẳn đi cảnh thẳng hay con đường giải thoát. Thế thì thôi “cũng liều nhắm mắt đưa chân; thử xem con tạo xoay vần nơi nao “ (Cung Oán Ngâm Khúc), vì thế mà Thánh tâm Phật tánh đành phải bị che mờ, tạo tiền đề cho cảnh Phong Đô lộ dạng, nghĩa là con người sẽ không làm sao còn thấy tâm Thánh tánh Phật của mình do “ Phong trần quen thói cung âm; cảnh thẳng ngơ ngẩn lạc lầm phong đô” là vậy.

X

X X

Về việc lạc lầm Phong Đô, còn một lý do quan trọng hơn nữa. Đó là tại vì con người thế gian nhất nhất cứ lo đeo đẳng theo trái oan, oan trái, vay trả, trả vay mà một trong 4 câu Kinh đoạn ba nói rằng “ Khối trái chủ nhặng lo vay trả” nghĩa là nếu cứ chạy theo việc báo oán trả ân thì ân oán sẽ chất chồng vây chặt lấy thân tâm, do đó mà “mới gây nên nhân quả nợ đời”.

Nói rõ hơn nếu cứ lo trả vay, vay trả, nhân quả, quả nhân chồng chất thì thử hỏi với kiếp sống phù du ở trần thế đầy phong ba nầy, con người làm sao còn được nhàn rảnh thảnh thơi (Rảnh mình đâu đặng thảnh thơi), vì thế còn thì giờ đâu mà nhớ lại mình, nhớ lại con người thật của mình, nhớ lại nguồn gốc cao quý của mình, dòng họ sang cả của mình, làm sao nhớ được mình có Thánh tâm Phật tánh để lo hồi đầu thị ngạn, hồi quang phản chiếu, vậy thì đường về Thiên cung sẽ mờ lối và mình sẽ cứ mãi trôi lặn trong lục đạo luân hồi nên câu kinh cuối cùng

mới nói “ Thiên cung lở lối chơi vơi cảnh trần” là vậy.

Để khỏi Thiên cung lở lối chơi vơi cõi trần, giờ đây con người nên nhớ trong cái khổ còn có cái vui, trong cái họa còn có cái phúc, trong cái rủi còn có cái may, như thế thì con người mới có cơ vui sống thanh thoi thấy được đâu là cái may, cái phúc của mình.

Cái may, cái phúc đó là mặc dù có người vẫn không tin nơi Đạo, chẳng tưởng có Trời, có Chúa, có Phật nhưng Trời, Phật, Chúa vẫn luôn luôn chực chờ và sẵn sàng để cứu vớt mọi chúng sanh, chỉ dẫn cho chúng sanh hồi đầu hướng thiện, rửa sạch bao nhiêu tội lỗi tiền khiên và hiện kiếp bằng cách giải sạch trái oan, làm cho con người chẳng hờn, chẳng giận, không oán không thù và chỉ biết thương yêu.

Yêu thương là đức tánh đầu tiên của Phật, Chúa hay Thánh, mà con người nếu biết thực hành, năng thực hành chỉ yêu thương, từ bi, bác ái, hay nói rộng hơn là vị tha đối với người khác thì đó là cơ may để tự độ lấy mình hay tự giải cứu lấy mình trên bước đường siêu thăng giải thoát, mà Kinh Giải Oan bốn câu kế tiếp nói rõ như sau:

“ Mai gặp đặng hồng ân chan rưới,
Giải trái oan sạch tội tiền khiên.
Đóng địa ngục, mở tầng Thiên,
Khai đường Cực Lạc dẫn miền Tây Phương.”

Đóng địa ngục, mở tầng Thiên. Khai miền Cực Lạc dẫn miền Tây Phương là hai câu kinh nói rõ mục đích và tôn chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là tận độ chúng sanh, nhằm cứu vớt toàn thể sanh linh, tránh cảnh sa chơn địa ngục, đoạ lạc luân hồi để được siêu thăng giải thoát, để “Chín tầng Trời đến vị và Thần đặng an tinh khí cũng an” (Kinh Khai cửu).

Đây là mục tiêu của một tôn giáo đến với con người. Nhưng con người nói chung, hay tín đồ của tôn giáo nói riêng, có thể “đóng được địa ngục, mở được tầng Thiên”, có thể siêu thăng giải thoát được hay không?

Câu trả lời là có thể được và chắc chắn sẽ được nếu như sanh

thực hành được hai chữ “ Amour et Justics” tức Tình Thương và Công Chánh, với tinh thần kiên chí, kiên trì là đức tánh cuối cùng và cũng là đức tánh thứ chín của bất cứ vị Phật nào.

Như vậy, để đóng được cửa địa ngục , mở được các tầng Thiên thì người tu trước tiên phải giữ gìn giới luật và tri kiến được chân lý “ Thiên Nhơn hiệp Nhứt” (Dieu et Humanité), để biết rằng mình có Phật tánh, và ai ai cũng có thể thành Phật. Kế đến là phải hành trì được Từ Bi, Bác Ái, Nhân Ái, Vị tha và Công Chính, Công Bằng, Không Hai, Không Phân biệt (Amour et Justice). Còn riêng việc tội phước nếu đã có tạo ra từ tiền kiếp hay ngay tại kiếp này thì việc đó người thế gian ai ai cũng ít nhiều vấp ngã chớ chẳng phải riêng mình. Điều quan trọng là mình phải biết lo tu và tu thế nào để giải nghiệp đạt Đạo.

Có nhiều người nghĩ rằng mình đã lỡ gây nhiều tội lỗi rồi tự cho là mình không làm sao có thể đạt Đạo hay thành Phật được. Đây là những ý nghĩ hoàn toàn sai nếu nhìn vào trường hợp của Đề Bà Đạt Đa, một người đã phạm tội ngũ nghịch phải đọa địa ngục mà vẫn được Đức Phật Thích Ca thọ ký cho thành Phật sau này.

Trường hợp của Đề Bà Đạt Đa được ghi lại nơi đây là với mục đích nhắc cho người đời thấy rõ rằng con người sống giữa bụi trần, chen chân vào thế sự, mấy ai tránh khỏi lỗi lầm, không làm điều sai quấy. Những lỗi lầm sai quấy là do bản chất của nhiều kẻ phạm phư sống giữa thế gian mà tiền thân của một vị Phật khi còn mang kiếp phàm trần cũng không làm sao tránh khỏi và cũng không ngoại lệ.

Đó là lúc con người chưa tỉnh thức, còn vô minh, chưa thấy mình có Thánh tâm hay Phật tánh, hoặc có thấy có biệt nhưng đã quên, chỉ còn nhớ được mập mờ, còn nghi, còn ngờ, còn ngại ngùng nên không dám nhận mà ngày nay Kinh Cơ Đạo Cao Đài nhắc lại về Luật Nhân Quả và Cửa Luân hồi nhằm mục đích với “Luật Nhân Quả để răn Thánh đức, cửa Luân Hồi nhắc bậc cao siêu” (Kinh Giải Oan- Cao Đài) mà những bậc cao siêu và thánh đức ở đây là mọi người, là nhân sanh đều có

sẵn Thánh tâm hay Phật tánh, để tất cả nhớ mà hồi tâm phản tỉnh nhớ lại coi mình là ai, biết rõ mình chính là ai? Phải chăng mình vốn có sẵn Phật tánh Thánh tâm nhưng đã bị bụi trần hoàn bao phủ nên mình muốn quên hẳn đi hay không còn dám nhớ mà Kinh Pháp Hoa của Đạo Phật đã kể lại qua 2 phẩm 3 và 4 là phẩm Tín Giải và Dược Thảo Vụ.

Xin được trình bày kế tiếp sau đây phần Ngữ Lục và Luận Giải của Đạo Cao Đài để hiển dương Chánh Pháp Thánh Tâm Phật Tánh cũng như Thiên Nhân Tương Dữ hay Thiên Nhân hiệp Nhất

(còn tiếp)

(Tiếp theo trang 138)

Hai phái đoàn gặp nhau tay bắt mặt mừng vì đa số đều cũng sống ở vùng Thánh Địa, đồng phối hợp cử hành Lễ An vị Thánh Tượng trong tinh thần liên giao hành đạo.

Buổi Lễ An vị Thánh Tượng đúng vào Ngọ thời ngày 25-11-2011 được tổ chức thật trang nghiêm với sự tham dự trên 20 người. Phần chủ lễ giao trách nhiệm HH. PTS Nguyễn Xuân Trường; đọc sớ văn HH T/S Mai Văn Liêm, hầu chuông HH Nguyễn Thanh Hùng.

Sau đó gia đình thiết đãi buổi cơm chay do Hiền nội của HT Lê Thành Hưng phụ trách rất chu đáo và thật ngon miệng

Đến 3 giờ chiều phái đoàn Thánh Thất Atlanta từ giả ra về . Còn phái đoàn Thánh Thất Garland (TX) sáng hôm sau từ giả với tình đạo lưu luyến. Tất cả hai phái đoàn đều đi an khương về an khương.

Cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban nhiều hồng ân cho gia đình Hiền Muội Lê Thị Hồng Hạnh để tu tiến trên đường Đạo và cầu xin Thầy Mẹ ban ơn cho Bang Alabama sớm có được thêm Bàn Trì Sự để góp phần thực hiện Cơ Đại Ân Xá thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Mai Trần

TÓM LƯỢC ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI (HIỀN TÀI DỰ PHONG) & THỂ THỨC NỘP HỒ SƠ

I.- ĐIỀU KIỆN GIA NHẬP.

Muốn gia nhập vào Ban Thế Đạo với danh xưng Hiền Tài Dự Phong, các ứng viên cần phải hội đủ các tiêu chuẩn sau đây:

1- Phải là Tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh (có nhập môn).

2- Hội đủ một trong các điều kiện về Văn hóa, chuyên môn hoặc các điều kiện đặc biệt dưới đây:

* Tốt nghiệp Đại Học ở hải ngoại (Bằng BA, BS hoặc tương đương trở lên)

* Hoặc tốt nghiệp bằng Tú Tài II hoặc Cựu Sĩ Quan (thời kỳ trước năm 1975) cấp bậc từ Đại Úy trở lên hiện sinh sống ở hải ngoại.

* Hoặc những nhà kinh doanh, nhân sĩ có đạo tâm có công nghiệp giúp ích cho Đạo.

3- Đối với các trường hợp (a, b, c, d, và e) cần được sự tiến cử của Chức sắc Thiên Phong cấp Giáo Hữu trở lên hoặc của ít nhất là (01) một vị Hiền Tài trở lên. Nếu người tiến cử là Chức sắc Hành Chánh Đạo tại địa phương (cấp Châu Đạo, Tộc Đạo) thì (01) một vị Quyền Đầu Tộc đương quyền hành Đạo trở lên tại địa phương đó có quyền đứng ra tiến cử.

Tại các địa phương chưa có Tộc Đạo, Chức Việc trong Bàn Trị sự được quyền đứng ra tiến cử nhưng phải có ít nhất là (02) hai vị trở lên mới hợp lệ.

I.- HỒ SƠ XIN GIA NHẬP.

Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

Đối với Quý vị Hiền Tài Khóa VI :

Quý vị thuộc Hiền Tài Khóa VI trước đây được trân trọng mời tham gia hoạt động trong Ban Thế Đạo, không cần phải lập lại toàn bộ Hồ sơ (không cần người Tiến cử, miễn chứng minh về điều kiện văn hóa chuyên môn . . .), mà chỉ cần hoàn tất các thủ tục dưới đây:

*Nếu còn Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ: Chỉ cần làm Phiếu Gia Nhập (Mẫu HT6/1) và kèm Bản chính Biên nhận nộp Hồ sơ là hợp lệ (Bản chính sẽ được hoàn lại).

*Trường hợp Giấy Biên nhận nộp Hồ sơ bị thất lạc, chỉ cần làm Tờ Cam Kết (Mẫu HT6/2).

b-Đối với Ứng viên Hiền Tài Dự Phong thuộc thành phần-Trí Thức ở Hải ngoại: Hồ sơ xin gia nhập gồm có:

-Phiếu Gia nhập Ban Thế Đạo (Mẫu A)

-Tờ Tiến cử (Mẫu B).

-Bản sao (Photocopy) các Văn Bằng, Chứng Chỉ theo quy định.

-Giấy Nhập Môn vào Đạo (Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh).

***Các Trường hợp đặc biệt:**

b1- Đối với con em trong gia đình Đại Đạo (Tòa Thánh Tây Ninh):

-Nếu đã Nhập Môn nhưng Giấy Nhập Môn bị thất lạc, cần phải Tái Thệ.

-Nếu chưa Nhập Môn, thì cần đến các Cơ sở Hành Chánh Đạo như Hương Đạo, Tộc Đạo.. để làm lễ Nhập Môn vào Đạo.

b2-Đối với con em gia đình Đại Đạo (Không thuộc Tòa Thánh Tây Ninh) và những người chưa nhập môn vào Đạo:

-Nếu hội đủ các điều kiện về Văn hóa chuyên môn, về Tiến cử ... ,được nộp Hồ sơ xin gia nhập Ban Thế Đạo nhưng Giấy Nhập Môn phải nộp bổ sung trong vòng (06) sáu tháng.

c-Đối với những Vị có Tú Tài II trở lên và những vị Sĩ Quan cấp bậc từ Đại Uy trở lên (Trước năm 1975 chưa có cơ hội gia nhập vào Ban Thế Đạo) : Nếu muốn gia nhập, hoạt động trong Ban Thế Đạo Hải Ngoại cũng cần lập đủ Hồ sơ như quy định cho thành phần Trí Thức ở Hải ngoại (Điểm b, Mục II).

d-Đối với những Vị đã có đóng góp công nghiệp đặc biệt cho Đạo:

- Được miễn Điều kiện về Văn hóa chuyên môn.
- Cần hội đủ điều kiện về Tiến cử, về Nhập môn quy định.
- Giấy chứng minh đóng góp công nghiệp cho Đạo.

III - NƠI NỘP HỒ SƠ.

Hồ sơ gửi về Ban Thế Đạo Hải Ngoại, địa chỉ:

BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI

Số: 3076 Oakbridge Dr,

SAN JOSE, CA.95121-1716

IV - THỜI HẠN NỘP ĐƠN.

Không có thời hạn. Ban Thế Đạo Hải Ngoại luôn luôn lúc nào cũng hân hoan đón nhận các hồ sơ gia nhập.

V- NƠI LIÊN LẠC CẦN THIẾT:

-HT. Nguyễn ngọc Dũ:- Phone: 408-238-6547

Fax:408-440-1372, Email: dutani@comcast.net

-HT.Nguyễn văn Cầu- Phone: (408) 292-2686.

Nội Luật Ban Thế Đạo

Có nhiều bậc ưu thời mẫn thế sẵn có Đạo tâm, giàu lòng nhân ái, muốn phụng sự Đại Đạo, nhưng còn ràng buộc trách nhiệm đối với quốc gia, xã hội, chưa phể Đời hành Đạo được.

Ban Thế Đạo là nơi dụng hiền, tạo cơ hội cho những bậc có Đạo tâm thực hành thiện nguyện ấy.

**Trích Chương Mở Đầu
Nội Luật Ban Thế-Đạo**



Chân Dung Đức Hộ Pháp soạn giả: HT. Trần Văn Rạng.

“Chân Dung Đức Hộ Pháp” do HT. Trần Văn Rạng biên soạn rất công phu, đã được Hội Thánh kiểm duyệt và được phát hành lần đầu tiên vào năm 1974 tại Việt Nam.

Nay sách đã được soạn giả tu chỉnh thêm và được Ban Thế Đạo Hải Ngoại tái bản lần thứ nhất tại Hoa Kỳ.

Sách dày 328 trang, in ấn đẹp đẽ, trang trọng, hình ảnh rõ ràng và đã được phát hành vào tháng 10-2011.

Vì tài chánh eo hẹp, nên số lượng sách in có giới hạn và gửi đến một số độc giả giới hạn. Do đó, nếu muốn nhận được sách xin quý Hiền Huynh Hiền Tỷ vui lòng liên lạc:

HT. Nguyễn Đăng Khích

Điện Thoại: 408-926-9186

Email: tn_ndk@yahoo.com

Trân trọng thông báo và cảm ơn quý Hiền Huynh Hiền Tỷ.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Tháng 10-2011

Tập San Thế Đạo

Chủ Trương

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Chủ Nhiệm

HT Nguyễn Ngọc Dũ

Chủ Bút

Tố Nguyên

Phụ Trách Kỹ Thuật

Ngọc Dao - Thanh Điền

Phụ Trách Phát Hành

Duy Hòa

Cộng Tác Thường Xuyên

B.S Nguyễn Văn Thọ - TS Nguyễn Anh Tuấn

Lê Văn Thêm- Mai Văn Tim- Bạch Y

Duy Văn- Nguyễn Trung Đạo- Tố Nguyên

Trần Công Bé- Song Nguyên- Vân Dương

Quang Thông- Lê Tấn Tài.

Yểm Trợ

Bài vở gởi đăng & Tài Chánh yểm trợ

Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo

xin gởi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547 & 408-262-4209

Fax# 408-440-1372

Email: dutani@comcast.net

Web : www.banthedao.org